

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC TỪ VÀ CÁC KÍ HIỆU VIẾT TẮT:	iii
DANH MỤC BẢNG	iv
CHƯƠNG I:	1
THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	1
1.1. Tên chủ dự án đầu tư:	1
1.2. Tên dự án đầu tư:	1
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư:	1
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư.....	4
1.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư:	6
CHƯƠNG II.....	11
SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	11
2.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	11
2.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	11
CHƯƠNG III.	12
ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ	12
3.1. Hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật khu vực dự án	12
3.2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án	18
CHƯƠNG IV:	19
ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	19
4.1. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn hoạt động	19
4.2. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	41
4.3. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả nhận dạng, đánh giá, dự báo	42
CHƯƠNG V:.....	45
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	45
5.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	45
5.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	45
CHƯƠNG VI:	46

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÁC CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN.....	46
CHƯƠNG VII:.....	47
CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	47
7.1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường	47
7.2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan	47
PHỤ LỤC	49

DANH MỤC TỪ VÀ CÁC KÍ HIỆU VIẾT TẮT:

BTNMT	: Bộ Tài nguyên Môi trường
BTCT	: Bê tông cốt thép
BXD	: Bộ Xây dựng
CP	: Chính phủ
CTNH	: Chất thải nguy hại
CTR	: Chất thải rắn
KCN	: Khu công nghiệp
KK	: Không khí
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam
QĐ	: Quyết định
QH	: Quốc hội
TCVN	: Tiêu chuẩn Việt Nam
TCXD	: Tiêu chuẩn xây dựng
TN&MT	: Tài nguyên và Môi trường
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
TT	: Thông tư
UB	: Ủy ban
UBND	: Ủy ban nhân dân
USD	: Đô la Mỹ
VNĐ	: Việt Nam đồng
WHO	: Tổ chức Y tế Thế giới.
GPMT	: Giấy phép môi trường

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Sản phẩm đầu ra của Công ty TNHH GT TECHNOLOGY Việt Nam.....	4
Bảng 2. Danh mục các trang thiết bị máy móc trong giai đoạn hoạt động	4
Bảng 3. Bảng tổng hợp nguyên, vật liệu, hóa chất sử dụng phục vụ cho một năm sản xuất	5
Bảng 4. Hạng mục các công trình dùng riêng với Công ty TNHH DSP Hà Nam	9
Bảng 5. Khối lượng và quy mô các hạng mục công trình dùng chung với Công ty TNHH DSP Hà Nam	10
Bảng 6. Các thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải tập trung 50m ³ /ngày.đêm của Công ty TNHH DSP Hà Nam.....	17
Bảng 7. Hệ số ô nhiễm môi trường không khí giao thông	20
Bảng 8. Dự báo tải lượng các chất ô nhiễm không khí do hoạt động giao thông	20
Bảng 9. Nồng độ bụi và khí thải phát tán trong không khí do quá trình vận chuyển giai đoạn hoạt động của dự án.....	21
Bảng 10. Nồng độ hơi hữu cơ phát sinh tại công đoạn ép nhựa so với quy định.....	23
Bảng 11. Hệ số các chất ô nhiễm có trong nước thải sinh hoạt chưa được xử lý	25
Bảng 12. Tải lượng và nồng độ các thành phần ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt.....	25
Bảng 13. Thành phần và khối lượng của từng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh.....	26
Bảng 14. Thành phần và khối lượng của từng loại chất thải nguy hại phát sinh	27
Bảng 15. Các biện pháp không chế ô nhiễm do khí thải, ồn, rung.....	35
Bảng 16. Danh mục các công trình bảo vệ môi trường của dự án	41
Bảng 17. Mức độ tin cậy của các phương pháp sử dụng trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường	42

DANH MỤC SƠ ĐỒ, HÌNH VẼ

Hình 1. Quy trình sản xuất của giá đỡ màn hình đa chức năng và thiết bị chuyển đổi đa năng2

Hình 2. Vị trí thực hiện dự án trên tổng mặt bằng của Công ty TNHH DSP Hà Nam ...7

Hình 3. Sơ đồ công nghệ trạm xử lý nước thải sinh hoạt 50m³/ngày đêm.....15

Hình 4. Sơ đồ nguyên lý của hệ thống thông gió tự nhiên32

**CHƯƠNG I:
THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

1.1. Tên chủ dự án đầu tư:

Công ty TNHH GT TECHNOLOGY Việt Nam

- Địa chỉ văn phòng: Nhà xưởng số 2, Lô CN-14, KCN Đồng Văn IV, xã Nhật Tân, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư:

+ Ông: Yang, QingSong; Chức vụ: Giám đốc;

+ Sinh ngày: 04/09/1972; Quốc tịch: Trung Quốc;

+ Số giấy tờ pháp lý cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài số: E9613473;

+ Ngày cấp: 22/02/2017; Nơi cấp: Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an Trung Quốc;

+ Địa chỉ thường trú: Phòng 701, tầng 7, thành phố Hoa Khoa, số 183, đường Chonghuan Middle, thị trấn Shijie, thành phố Đông Quan, Trung Quốc;

+ Địa chỉ liên lạc: Đường HL 604, khu phố 1B, phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Việt Nam;

- Giấy chứng nhận đầu tư số 3212022882 do Ban quản lý các KCN tỉnh Hà Nam cấp chứng nhận lần đầu ngày 03 tháng 11 năm 2022.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0700867158 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 11 năm 2022.

1.2. Tên dự án đầu tư:

Dự án đầu tư sản xuất các sản phẩm điện tử

- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư: Nhà xưởng số 2, Lô CN-14, KCN Đồng Văn IV, xã Nhật Tân, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của dự án đầu tư: Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hà Nam.

- Quy mô của dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Tổng vốn đầu tư của dự án là 500.000 USD (*Năm trăm nghìn đô la Mỹ*) tương đương 11.410.000.000 VNĐ (*Mười một tỷ bốn trăm mười triệu đồng*). Căn cứ theo khoản 3, Điều 10, dự án thuộc nhóm C (dự án có tổng mức đầu tư dưới 60 tỷ đồng).

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư:

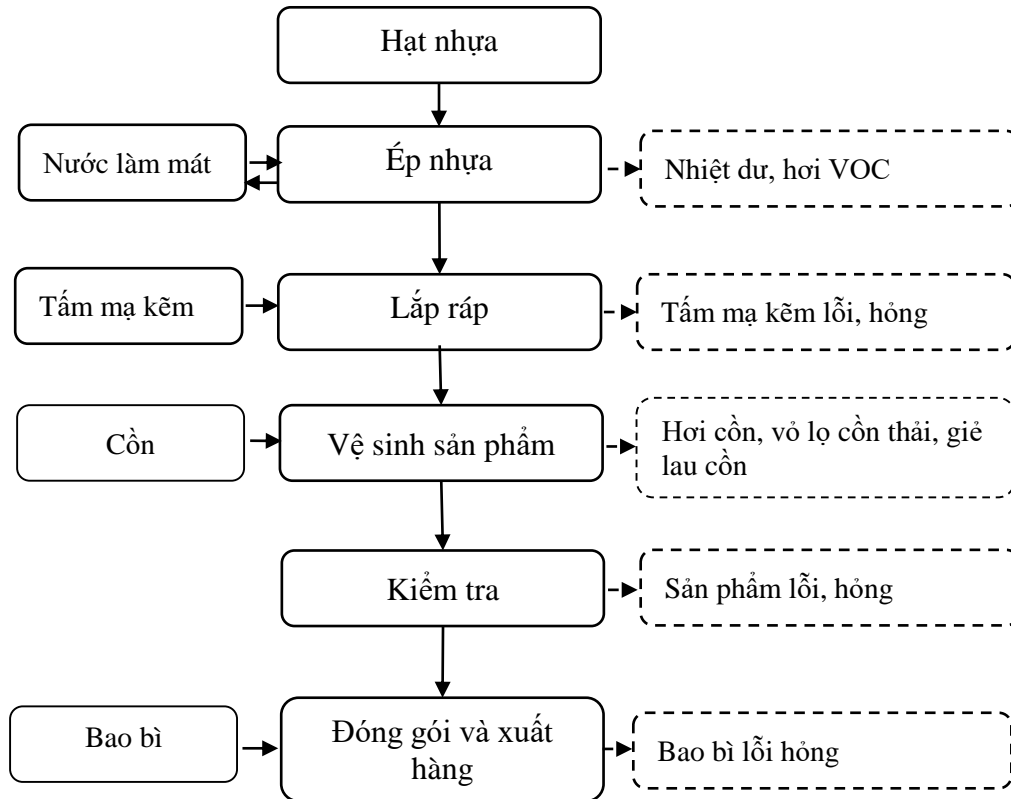
1.3.1. Công suất của dự án đầu tư:

- Giá đỡ màn hình đa chức năng: 120.000 chiếc/năm.

- Thiết bị chuyển đổi đa năng: 1.800.000 chiếc/năm.

1.3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư:

Quy trình sản xuất của giá đỡ màn hình đa chức năng và thiết bị chuyển đổi đa năng là như nhau. Quy trình công nghệ như sau:



Hình 1. Quy trình sản xuất của giá đỡ màn hình đa chức năng và thiết bị chuyển đổi đa năng

*** Thuyết minh quy trình sản xuất:**

Bước 1: Nhập nguyên vật liệu đầu vào:

Nguyên liệu đầu vào được công ty thu mua từ những nhà cung ứng dịch vụ ở Việt Nam và ở nước ngoài, đảm bảo chất lượng sản phẩm sản xuất ra đạt tiêu chuẩn.

Sau khi nhập về, các nguyên vật liệu này được đưa qua quá trình kiểm tra theo hình thức kiểm tra xác xuất để kiểm tra các thông số như kiểm tra ngoại quan, màu sắc, kích thước,...

Các nguyên liệu lỗi bị loại ra khỏi quá trình kiểm tra sẽ được xuất trả lại đơn vị cung cấp.

Tùy theo đơn đặt của khách hàng cũng như các loại mẫu mã khác nhau, nên yêu cầu về màu sắc, kích thước là khác nhau.

Bước 2: Ép nhựa

Nguyên vật liệu đầu vào được đưa đến máy đùn ép nhựa, đùn ép ở nhiệt độ khoảng 180 - 300⁰C tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình định hình sản phẩm.

Quá trình này được thực hiện trong hệ thống máy kín sử dụng điện năng để vận hành.

Bước 3: Lắp ráp

Sau quá trình ép nhựa, bán thành phẩm sẽ được chuyển về khu vực lắp ráp, tại đây công nhân sẽ tiến hành quá trình lắp ráp thêm các trục xoay, giá đỡ, bản lề, thanh nối bên trái, bên phải,...

Bước 4: Vệ sinh sản phẩm

Các sản phẩm đạt yêu cầu chất lượng sẽ được tiến hành vệ sinh bằng cùn trước khi chuyển sang kiểm tra.

Bước 5: Kiểm tra

Sản phẩm sau khi được hoàn thiện sẽ được đưa về khu vực kiểm tra, tại đây công nhân sẽ tiến hành kiểm tra chất lượng sản phẩm, trước khi đưa về khu vực đóng gói và xuất hàng.

Đối với những sản phẩm lỗi hỏng có khả năng sửa chữa và tái chế, sẽ được tiến hành phân loại các lỗi hỏng và trả về khu vực sản xuất.

Đối với những sản phẩm lỗi hỏng không có khả năng sửa chữa và tái chế (hầu như là không có), Công ty sẽ tiến hành thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.



Bước 6: Đóng gói và xuất hàng

Sau khi kiểm tra lần cuối, các sản phẩm đạt tiêu chuẩn được lưu kho và chờ xuất đến khách hàng.

1.3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư

Trên đây là một số hình ảnh sản phẩm của dự án đầu tư

Bảng 1. Sản phẩm đầu ra của Công ty TNHH GT TECHNOLOGY Việt Nam

STT	Sản phẩm	Hình ảnh
1	Giá đỡ màn hình đa chức năng	
2	Thiết bị chuyển đổi đa năng	

Nguồn: Công ty TNHH GT TECHNOLOGY Việt Nam

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư

1.4.1. Danh mục các thiết bị máy móc trong giai đoạn hoạt động

Toàn bộ dây chuyền máy móc, thiết bị được nhà đầu tư nhập khẩu từ Trung Quốc. Danh mục các máy móc thiết bị được thể hiện dưới đây

Bảng 2. Danh mục các trang thiết bị máy móc trong giai đoạn hoạt động

STT	Tên thiết bị	Tình trạng	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ
1	Dây chuyền bán tự động	Mới 100%	Bộ	1	Trung Quốc
2	Tuốc nơ vít điện	Mới 100%	Chiếc	20	Trung Quốc
3	Dụng cụ lắp đặt	Mới 100%	Bộ	1	Trung Quốc
4	Máy ép tự động	Mới 100%	Chiếc	1	Trung Quốc
5	Bàn kiểm tra	Mới 100%	Chiếc	20	Trung Quốc
6	Thùng di chuyển	Mới 100%	Chiếc	100	Trung Quốc
7	Máy tính	Mới 100%	Chiếc	5	Trung Quốc
8	Xe nâng	Mới 100%	Chiếc	2	Trung Quốc
9	Hộp cân bằng độ ẩm	Mới 100%	Chiếc	2	Trung Quốc
10	Buồng thử nghiệm sốc nhiệt	Mới 100%	Chiếc	1	Trung Quốc
11	Máy thử nghiệm thả rơi	Mới 100%	Chiếc	1	Trung Quốc
12	Máy thử nghiệm độ lắc	Mới 100%	Chiếc	1	Trung Quốc

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư:
“Dự án đầu tư sản xuất các sản phẩm điện tử”*

13	Máy thử nghiệm độ rung chuyên	Mới 100%	Chiếc	1	Trung Quốc
14	Máy thử nghiệm 2,5D	Mới 100%	Chiếc	1	Trung Quốc
15	Máy kiểm tra lực kéo	Mới 100%	Chiếc	1	Trung Quốc
16	Máy tính thử nghiệm	Mới 100%	Chiếc	1	Trung Quốc
17	Máy kiểm tra độ chịu mài mòn Taber	Mới 100%	Chiếc	1	Trung Quốc
18	Máy kiểm tra độ nhám bề mặt	Mới 100%	Chiếc	1	Trung Quốc
19	Máy thử phun sương	Mới 100%	Chiếc	1	Trung Quốc
20	Máy kiểm tra tuổi thọ	Mới 100%	Chiếc	1	Trung Quốc
21	Máy kiểm tra màu sắc	Mới 100%	Chiếc	1	Trung Quốc
22	Máy đo độ cứng 15N	Mới 100%	Chiếc	1	Trung Quốc
23	Máy đo độ cứng HRC	Mới 100%	Chiếc	1	Trung Quốc

Nguồn: Công ty TNHH GT TECHNOLOGY Việt Nam

Chủ dự án cam kết: Các thiết bị máy móc được sử dụng không thuộc danh mục cấm sử dụng ở Việt Nam.

1.4.2. Nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng

Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất ổn định của nhà máy được ước tính như sau:

Bảng 3. Bảng tổng hợp nguyên, vật liệu, hóa chất sử dụng phục vụ cho một năm sản xuất

STT	Tên nguyên vật liệu	Đơn vị	Khối lượng
1	Hạt nhựa (PC+ABS)	Kg/năm	2.770
2	Tấm mạ kẽm	Kg/năm	4.130
3	Bu lông, ốc vít	Kg/năm	250
4	Cồn	Kg/năm	30
	Tổng	Kg/năm	2.413

Nguồn: Công ty TNHH GT TECHNOLOGY Việt Nam

1.4.3. Nhu cầu sử dụng điện, nước phục vụ giai đoạn dự án đi vào hoạt động

a. Nhu cầu sử dụng nước

- *Nguồn cấp nước:*

Nguồn cấp nước của nhà máy được lấy từ đơn vị cung cấp nước sạch cho Khu công nghiệp Đồng Văn IV.

Công ty TNHH GT TECHNOLOGY Việt Nam sẽ lấy nước từ đường ống đã lắp đặt của Công ty TNHH DSP Hà Nam để phục vụ hoạt động sản xuất và sinh hoạt.

- *Nhu cầu sử dụng nước:*

+ Nước cấp phục vụ nhu cầu sinh hoạt:

Theo TCXDVN 33:2006: *Cấp nước – Mạng lưới đường ống và công trình – Tiêu chuẩn thiết kế*, lượng nước cấp cho 1 người là 50 lít/ngày.đêm (Công ty TNHH GT TECHNOLOGY Việt Nam không tiến hành hoạt động nấu ăn, mà sẽ đặt suất ăn bên ngoài).

Tổng lượng nước cấp phục vụ cho hoạt động sinh hoạt của 120 công nhân làm việc tại Công ty là:

$$Q_{\text{sinh hoạt}} = 50 \times 120 = 6.000 \text{ (lít/ngày.đêm)} = 6 \text{ (m}^3\text{/ngày.đêm)}.$$

+ Nước làm mát từ công đoạn đùn ép nhựa (*tuần hoàn không thải bỏ*): Ước tính khoảng 1 (m³/ngày.đêm).

b. Nhu cầu sử dụng điện

- Nguồn cấp điện:

Nguồn điện cấp cho Công ty TNHH GT TECHNOLOGY Việt Nam được lấy từ trạm biến áp hiện có của Công ty TNHH DSP Hà Nam thuộc lưới điện chung của KCN Đồng Văn IV.

- Nhu cầu sử dụng điện:

Tổng điện năng cần sử dụng của Công ty TNHH GT TECHNOLOGY Việt Nam trong một năm ước tính khoảng 350.000 KWh/năm.

1.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư:

1.5.1. Vị trí địa lý của dự án:

- Dự án “*Dự án đầu tư sản xuất các sản phẩm điện tử*” được thực hiện tại KCN Đồng Văn IV, xã Nhật Tân, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Công ty TNHH GT TECHNOLOGY Việt Nam thuê nhà xưởng của Công ty TNHH DSP Hà Nam nằm tại Nhà xưởng số 2, Lô CN-14, KCN Đồng Văn IV, xã Nhật Tân, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam và các công trình phụ trợ của Công ty TNHH GT TECHNOLOGY Việt Nam với tổng diện tích 2.056 m² để thực hiện dự án.

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư:
“Dự án đầu tư sản xuất các sản phẩm điện tử”*



Hình 2. Vị trí thực hiện dự án trên tổng mặt bằng của Công ty TNHH DSP Hà Nam

1.5.1.1. Môi trường quan của khu vực Dự án với các đối tượng tự nhiên xung quanh khu vực Dự án

(-) *Hệ thống đường giao thông:* Dự án có hệ thống giao thông thuận lợi như sau:

- Khu vực thực hiện Dự án có điều kiện giao thông thuận lợi để cung cấp nguyên liệu và vận chuyển sản phẩm.

+ Cách khoảng 500m về phía Bắc là QL.38;

+ Cách khoảng 300m về phía Đông là đường ĐT 711;

+ Cách khoảng 3km về phía Đông Nam là quốc lộ 1A;

- Ngoài ra, đường nội bộ trong khu công nghiệp đã cơ bản hoàn chỉnh nên việc vận chuyển tương đối thuận lợi. Các tuyến giao thông nội bộ được thiết kế xây dựng theo dạng bàn cờ với các trục chính theo hướng Đông Nam – Tây Bắc. Các tuyến đường xương cá vuông góc với các tuyến trục chính tạo rộng 24m giúp giao thông thuận tiện.

(-) *Hệ thống sông, suối, ao hồ:*

- Cách khoảng 6,6 km về phía Tây Nam là sông Đáy

- Cách khoảng 5,4km về phía Đông Bắc là sông Châu Giang

- Cách khoảng 14km về phía Đông là sông Hồng

(-) *Các Công trình văn hóa tôn giáo, di tích lịch sử:*

Trong bán kính 2km từ khu vực dự án không có các công trình tâm linh, tôn giáo và di tích lịch sử, văn hóa.

1.5.1.2 Môi trường quan của khu vực Dự án với các đối tượng kinh tế- xã hội xung quanh khu vực Dự án

(-) *Khu dân cư, khu đô thị:*

Khu vực dân cư nằm rải rác gần KCN và được cách ly bằng tường rào và dải cây xanh. Cách khoảng 1km về phía Tây là khu dân cư của thôn Dương Cường, xã Đại Cường.

(-) *Các đối tượng sản xuất kinh doanh, dịch vụ:*

Trong KCN có các doanh nghiệp đầu tư các loại hình sản xuất chính là thiết bị điện, linh kiện điện tử, phụ tùng, sản phẩm từ cao su và plastic, sản phẩm kim loại,.... Liên kề dự án có nhiều các cơ sở sản xuất công nghiệp đang hoạt động hoặc đang tiến hành đầu tư, cụ thể là:

- Phía Đông: Giáp với đường nội bộ của KCN;

- Phía Tây: Giáp với Công ty TNHH QISDA Việt Nam; Công ty Autonics VNM;

- Phía Nam: Giáp với Công ty TNHH HICO VN; Công ty TNHH S-TEC Vina;

- Phía Bắc: Giáp với Công ty TNHH SAKI Hà Nam và đất trống của KCN.

1.5.2. Các hạng mục công trình của Dự án

1.5.2.1. Quy mô xây dựng và các hạng mục công trình của Dự án

Dự án “*Dự án đầu tư sản xuất các sản phẩm điện tử*” thuê lại nhà xưởng Công ty TNHH DSP Hà Nam được thực hiện tại Khu công nghiệp Đồng Văn IV, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, với tổng diện tích 2.056 m².

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư:
“Dự án đầu tư sản xuất các sản phẩm điện tử”*

Các hạng mục công trình của Dự án được trình bày trong bảng dưới đây:

Bảng 4. Hạng mục các công trình dùng riêng với Công ty TNHH DSP Hà Nam

TT	Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m²)	Ghi chú
A	Hạng mục công trình chính		
1	Khu vực sản xuất	1.566 m ²	Đã được xây dựng hoàn thiện bởi Công ty TNHH DSP Hà Nam. Công ty TNHH GT TECHNOLOGY Việt Nam không tiến hành cải tạo, xây dựng thêm công trình nào.
B	Hạng mục công trình phụ trợ		
2	Kho thành phẩm	60 m ²	Đã được xây dựng hoàn thiện bởi Công ty TNHH DSP Hà Nam. Công ty TNHH GT TECHNOLOGY Việt Nam không tiến hành cải tạo, xây dựng thêm công trình nào.
3	Văn phòng	260 m ²	
4	Kho nguyên liệu	60 m ²	
5	Nhà vệ sinh	90 m ²	
C	Hạng mục các công trình bảo vệ môi trường		
6	Khu chứa chất thải rắn sinh hoạt (nằm trong khu chứa chất thải rắn thông thường)	4 m ²	Công ty TNHH GT TECHNOLOGY Việt Nam bố trí 02 kho lưu chứa chất thải trong nhà xưởng.
7	Khu chứa chất thải rắn thông thường	6 m ²	
8	Kho chứa chất thải nguy hại	10 m ²	
Tổng diện tích (A+B+C)		2.056 m²	

(Nguồn: Công ty TNHH GT TECHNOLOGY Việt Nam)

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư:
“Dự án đầu tư sản xuất các sản phẩm điện tử”*

**Bảng 5. Khối lượng và quy mô các hạng mục công trình dùng chung với Công ty
TNHH DSP Hà Nam**

STT	Tên hạng mục	Hệ thống/diện tích	Tình trạng
I Các hạng mục bảo vệ môi trường			
1	Hệ thống thu gom và thoát nước mưa	01 hệ thống. Tổng chiều dài khoảng m, độ dốc I = 0,2 %	Hạng mục thuộc hạ tầng cơ sở của Công ty TNHH DSP Hà Nam đã được xây dựng hoàn thiện.
2	Hệ thống thu gom và thoát nước thải	01 hệ thống. Tổng chiều dài khoảng m, độ dốc I = 0,2 %	
3	Trạm xử lý nước thải sinh hoạt 50 m ³ /ngày.đêm	Được xây ngầm. Toàn bộ nước thải sinh hoạt thải ra của Công ty TNHH GT TECHNOLOGY Việt Nam sẽ được thải ra trạm này.	Hạng mục thuộc hạ tầng cơ sở của Công ty TNHH DSP Hà Nam đang được xây dựng hoàn thiện.
II Hệ thống cơ sở hạ tầng			
1	Nhà để xe	Diện tích: 715m ² . Móng trụ cột BTCT, nền bê tông phẳng nhẵn.	Hạng mục thuộc hạ tầng cơ sở của Công ty TNHH DSP Hà Nam đã được xây dựng hoàn thiện.
2	Cổng và tường rào	Cổng chính 30m. Tường rào: Cột BTCT chịu lực đỡ tại chỗ vữa mác 200, đá 1x2cm	
3	Hệ thống PCCC	01 hệ thống.	
4	Đường giao thông nội bộ	Diện tích: 6.386,11m ² .	
5	Hệ thống cấp điện	- Nguồn điện của KCN Đồng Văn IV đã kết nối đến chân tường rào nhà máy. - Công ty TNHH GT TECHNOLOGY Việt Nam sử dụng đồng hồ đo điện riêng, hàng tháng trả phí sử dụng cho Công ty TNHH DSP Hà Nam theo hợp đồng.	
6	Hệ thống chống sét	- Lắp đặt và sử dụng kim thu sét tia điện đạo. Cho tất cả các trạm biến áp và nhà xưởng	
7	Hệ thống cấp nước	- Nguồn nước được cấp từ Công ty cổ phần nước sạch Hà Nam và được đưa đến các vị trí cần sử dụng. - Công ty TNHH GT TECHNOLOGY Việt Nam sử dụng đồng hồ đo điện riêng, hàng tháng trả phí sử dụng cho Công ty TNHH DSP Hà Nam theo hợp đồng.	
8	Cây xanh	Diện tích: 6.000m ² .	

Nguồn: Công ty TNHH GT TECHNOLOGY Việt Nam

CHƯƠNG II.

SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Dự án “*Dự án đầu tư sản xuất các sản phẩm điện tử*” của Công ty TNHH GT TECHNOLOGY Việt Nam thuê lại nhà xưởng Công ty TNHH DSP Hà Nam nằm trong KCN Đồng Văn IV.

- Công ty TNHH DSP Hà Nam được thành lập với mục tiêu cho thuê nhà xưởng, văn phòng và các hạng mục phụ trợ khác. Dự án “*Dự án cho thuê nhà xưởng và dịch vụ*” của Công ty TNHH DSP Hà Nam đã được Ủy ban nhân dân huyện Kim Bảng phê duyệt Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 394/GXN-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2020.

- Ngoài ra, KCN Đồng Văn IV đã được Bộ tài nguyên và môi trường phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “*Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Đồng Văn IV, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam*” số 487/QĐ-BTNMT ngày 24 tháng 3 năm 2017. KCN Đồng Văn IV được quy hoạch là KCN đa ngành, có công nghệ sạch, tiên tiến, thân thiện với môi trường, bao gồm: Ngành điện tử, ngành sản xuất lắp ráp ô tô, ngành cơ khí chế tạo, ngành chế biến thực phẩm, hàng hóa tiêu dùng và các công nghiệp hỗ trợ cho công nghiệp công nghệ cao.

Do đó, Dự án “*Dự án đầu tư sản xuất các sản phẩm điện tử*” với mục tiêu sản xuất giá đỡ màn hình chức năng, thiết bị chuyển đổi đa năng hoàn toàn phù hợp với quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.

2.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường

- KCN Đồng Văn IV đã xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung có công suất thiết kế là 2.000 m³/ngày, đảm bảo xử lý toàn bộ nước thải của các đơn vị thứ cấp từ cột B đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT trước khi xả ra kênh A32 rồi thoát ra Sông Nhuệ. Theo số liệu thống kê của Công ty Đầu tư hạ tầng và Đô thị Viglacera, hiện nay, tổng nhu cầu xử lý nước thải của các nhà máy trong khu vực khoảng 1.200 m³/ngày.đêm tương đương 60% so với công suất thiết kế.

- Nước thải của nhà máy khi đi vào hoạt động ước tính khoảng 6 m³/ngày đêm sẽ được xử lý qua hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt Công ty TNHH DSP Hà Nam công suất 50 m³/ngày.đêm, đạt cột B theo QCVN 40:2011/BTNMT sau đó sẽ được đầu nối vào trạm xử lý tập trung của KCN Đồng Văn IV để tiếp tục xử lý đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT, trước khi xả ra ngoài môi trường.

- Do đó, trạm xử lý nước thải của KCN Đồng Văn IV hoàn toàn đáp ứng được nhu cầu xử lý nước thải của Công ty TNHH GT TECHNOLOGY Việt Nam.

CHƯƠNG III.

ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

3.1. Hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật khu vực dự án

3.1.1. Hiện trạng KCN Đồng Văn IV

3.1.1.1. Nguồn điện

- Nguồn cấp cho khu công nghiệp từ 02 trạm điện 110/22KV công suất 2x63MVA nằm ở phía Đông Nam của khu công nghiệp.

- Mạng lưới điện cao thế được cung cấp dọc các giao thông nội bộ trong KCN. Doanh nghiệp đầu tư và xây dựng trạm hạ thế tùy theo công suất tiêu thụ.

- Hệ thống đèn chiếu sáng dùng đèn cao áp ánh sáng vàng 150W cột thép côn chiều cao 10m. Cấp điện cấp nguồn cho hệ thống đèn chiếu sáng dùng loại Cu/PVC/XLPE/DSTA-4X16mm và 4x10mm được luồn ống (thép, nhựa) đi ngầm trong hào kỹ thuật từ tủ điều khiển đến các đèn. Khoảng cách các cột đèn: Đèn cao áp cột thép bát giác 150W - trung bình 40m tròn một cột đèn.

3.1.1.2. Nguồn nước

- Nguồn cấp nước cho KCN lấy từ Công ty Cổ phần nước sạch Hà Nam theo tuyến ống D200 trên đường QL1A cấp đến tận chân tường rào từng doanh nghiệp trong KCN có tổng công suất thiết kế 12.000 m³/ngày.

- Hệ thống cấp nước sạch được đấu nối đến chân hàng rào từng doanh nghiệp. Đường kính ống cấp nước từ D150 mm - D400mm, độ sâu đặt ống trung bình 0,9m - 1,5m. Mạng lưới đường ống cấp nước chính được tổ chức theo dạng vòng. Các đường ống phân phối đến từng chân tường rào dự án được tổ chức theo mạng lưới cụt. Tại những điểm đầu nối với đường ống thuộc mạng phân phối đều có van khóa để bảo đảm công tác sửa chữa, cung cấp nước.

3.1.1.3. Hệ thống thoát nước

- Hệ thống thoát nước mưa và nước thải (nước thải công nghiệp và nước thải sinh hoạt) được xây dựng riêng biệt.

- Nước mưa được thu gom qua hệ thống cống và thoát ra kênh A32 rồi thoát ra Sông Nhuệ.

- Nước thải được thu gom về Nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN.

3.1.1.4. Hệ thống xử lý nước thải

- Hệ thống thu gom và thoát nước thải của KCN được xây dựng là các tuyến cống bê tông cốt thép đường kính D400 đi ngầm dưới vỉa hè, dọc hai bên đường giao thông nội bộ. Toàn bộ hệ thống được thiết kế trên nguyên tắc tự chảy. Với độ dốc $i \geq 1/D$ (D là đường kính cống - mm).

- Trên tuyến cống thoát nước thải được bố trí các hố ga lắng cặn, khoảng cách trung bình khoảng 30 - 40m/hố ga hoặc tại những vị trí thay đổi hướng tuyến. Hố ga

được xây bằng gạch đặc, xung quanh và đáy hồ trát xi măng chống thấm. Miệng hồ đầy nắp gang chống mùi.

- Nước thải từ các đơn vị thứ cấp phải có biện pháp xử lý đảm bảo đạt Tiêu chuẩn nước thải của KCN Đồng Văn IV (QCVN 40:2011/BTNMT, cột B) mới được xả vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN thông qua các điểm xả vào hố ga gần nhất.

- KCN Đồng Văn IV đã xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung có công suất thiết kế là 2.000 m³/ngày, đảm bảo xử lý toàn bộ nước thải của các đơn vị thứ cấp từ cột B đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT trước khi xả ra kênh A32 rồi thoát ra Sông Nhuệ. Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN hoạt động 24/24, công nghệ xử lý bằng phương pháp vi sinh, để lắng đọng bùn và loại bỏ tạp chất có hại. Theo số liệu thống kê của Công ty Đầu tư hạ tầng và Đô thị Viglacera, hiện nay, tổng nhu cầu xử lý nước thải của các nhà máy trong khu vực khoảng 1.200 m³/ngày.đêm tương đương 60% so với công suất thiết kế.

3.1.1.5. Chất thải rắn

- Các Nhà máy trong KCN ký hợp đồng thu gom, vận chuyển rác thải với các Đơn vị có chức năng để quản lý, xử lý theo quy định, tuân thủ đúng Thông tư 36/2015/TT-BTNMT. Các đơn vị phát sinh CTNH với khối lượng từ 600 kg/năm trở lên đều được cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH.

- Đối với chất thải rắn và CTNH phát sinh từ các công trình hạ tầng kỹ thuật của KCN như trạm xử lý nước thải, nhà điều hành... Ban quản lý KCN đã ký Hợp đồng số với đơn vị có đủ năng lực để thu gom, vận chuyển và xử lý.

3.1.1.6. Hệ thống giao thông nội bộ trong KCN

- Các tuyến đường giao thông nội bộ bên trong KCN có mặt cắt lớn, các đường chính 2 làn xe rộng 36m, các đường nhánh rộng 22m. Vía hè rộng 5-7, là nơi bố trí các hành lang kỹ thuật ngầm như cáp điện, cáp thoát nước, thông tin liên lạc và được trang bị hệ thống đèn cao áp chiếu sáng bố trí dọc các tuyến đường.

- Đường giao thông nội bộ KCN được thiết kế theo ô vuông bàn cờ, đảm bảo thuận tiện cho hoạt động giao thông nội khu. Hệ thống giao thông không những đáp ứng về nhu cầu đi lại, vận chuyển mà còn đóng vai trò là các trục không gian kiến trúc cảnh quan hài hòa với các công trình xung quanh.

- Hiện tại, trong KCN Đồng Văn IV có một số doanh nghiệp đang triển khai thi công xây dựng, do đó số lượng xe vận tải chở các nguyên vật liệu vào KCN khá nhiều, gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường không khí do sự rơi vãi vật liệu đất đá. Tuy nhiên, chưa có hiện tượng ùn tắc giao thông.

3.1.1.7. Hệ thống cây xanh

Hệ thống cây xanh chiếm 10-12% diện tích toàn KCN, kết hợp giữa cây xanh tập trung và cây xanh dọc các tuyến đường tạo cảnh quan chung của KCN.

3.1.1.8. Hệ thống thông tin

- Hệ thống viễn thông đạt tiêu chuẩn quốc tế và luôn sẵn sàng đáp ứng nhu cầu thông tin liên lạc. Hệ thống cáp quang ngầm được đấu nối trực tiếp đến chân hàng rào của từng Doanh nghiệp.

- KCN Đồng Văn IV được cung cấp tổng đài vệ tinh 4.000 số, hệ thống thông tin hiện đại, đạt tiêu chuẩn quốc tế, đáp ứng đầy đủ và nhanh chóng mọi yêu cầu về dịch vụ thông tin liên lạc trong và ngoài nước.

- Mạng lưới thông tin liên lạc của KCN đã được hòa mạng viễn thông quốc gia và quốc tế với đầy đủ các dịch vụ viễn thông cơ bản: Điện thoại, Fax, Internet. Hệ thống này đảm bảo được các tiêu chí cơ bản về tốc độ kết nối, chất lượng thông tin cung cấp và tính bảo mật.

- Hiện nay, khu công nghiệp Đồng Văn IV có khoảng 34 doanh nghiệp đầu tư bao gồm các loại hình sản xuất chính là linh kiện điện tử, phụ tùng, sản phẩm từ cao su và plastic, thức ăn chăn nuôi, chế biến thực phẩm,...

3.1.2. Hiện trạng cơ sở hạ tầng và các công trình BVMT của Công ty TNHH DSP Việt Nam

3.1.2.1. Nguồn điện:

Nhà máy lấy điện từ nguồn điện của KCN Đồng Văn IV đã kết nối đến chân tường rào nhà máy.

3.1.2.2. Nguồn nước:

Nguồn nước của nhà máy được cấp từ Công ty cổ phần nước sạch Hà Nam.

3.1.2.3. Hệ thống thoát nước mưa:

Hệ thống thoát nước mưa tách riêng với nước thải. Trên hệ thống thu gom nước mưa, bố trí hệ thống mương thoát nước được xây dựng bằng gạch bê tông cốt thép. Tổng chiều dài hệ thống mương khoảng 668 m. Nước mưa từ Nhà máy được đấu nối vào hệ thống thoát nước mưa của KCN Đồng Văn IV tại 1 vị trí đấu nối.

3.1.2.4. Hệ thống thu gom và thoát nước thải:

1. Hệ thống thu gom nước thải

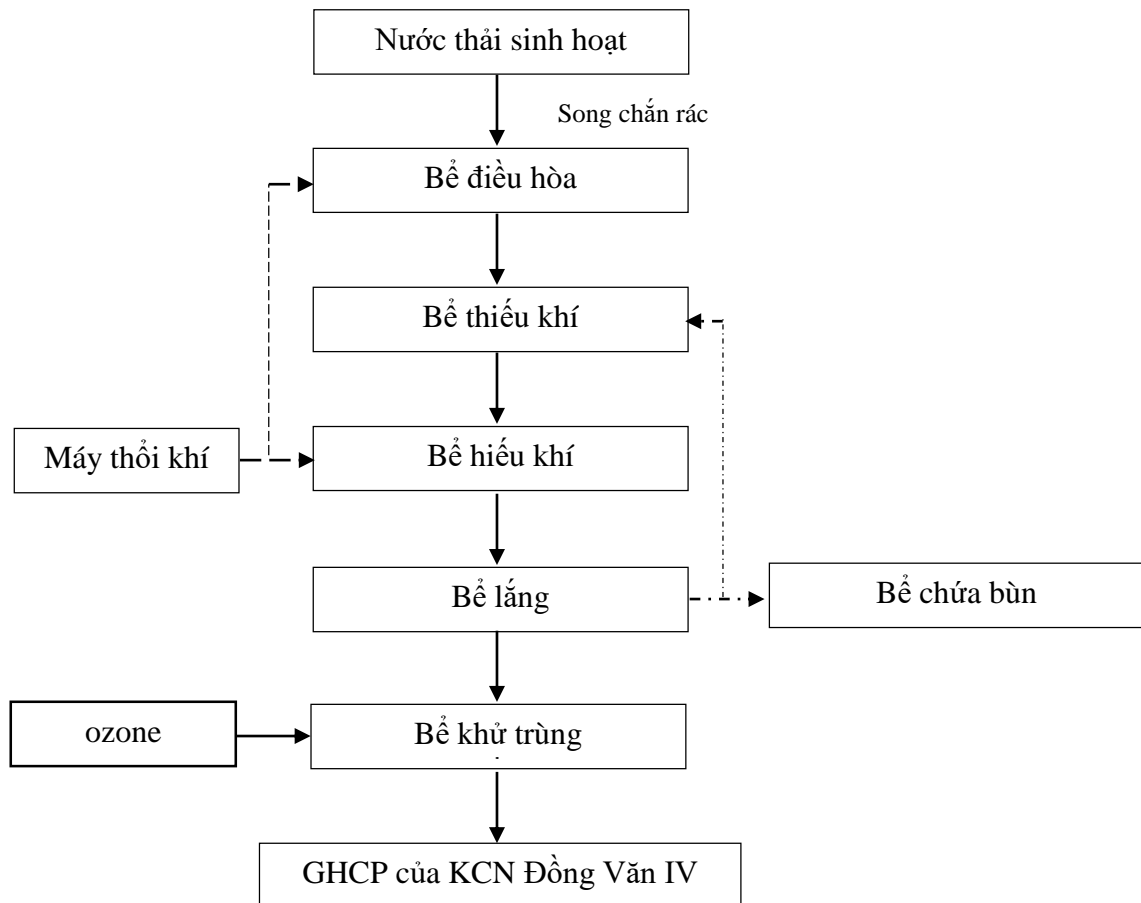
Hiện tại, Công ty TNHH DSP Hà Nam đã xây dựng hệ thống thoát nước thải hoàn chỉnh:

Nước thải phát sinh tại khu vực nhà máy của Công ty TNHH DSP Hà Nam và của các đơn vị thuê nhà xưởng được thu gom bằng hệ thống hố ga và đường ống ngầm HDPE D200, độ dốc $i = 0,017\%$, tổng chiều dài khoảng 1.704m đưa về xử lý tại HTXLNT tập trung của Công ty TNHH DSP Hà Nam công suất 50m³/ngày.đêm trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN. Nước thải sau hệ thống xử lý thoát ra vị trí đấu nối ngoài KCN bằng đường ống HDPE D200, độ dốc $i = 0,017\%$, chiều dài 113m.

Công ty TNHH DSP Hà Nam đã ký hợp đồng dịch vụ thoát nước số 0706/HĐNT-2021 giữa Công ty đầu tư hạ tầng và đô thị Viglacera – CN Tổng công ty Viglacera – CTCP và Công ty TNHH DSP Hà Nam ngày 7/6/2021.

2. Hệ thống xử lý nước thải công suất 50m³/ngày.đêm

Công ty TNHH DSP Hà Nam đã xây dựng trạm xử lý nước thải sinh hoạt với công suất 50 m³/ngày.đêm xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh của nhà máy và của các đơn vị thuê nhà xưởng.



Hình 3. Sơ đồ công nghệ trạm xử lý nước thải sinh hoạt 50m³/ngày.đêm
- Thuyết minh quy trình công nghệ:

Bể điều hòa

Sục khí trong bể điều hòa có tác dụng làm đồng đều pH, nồng độ chất ô nhiễm và lưu lượng trong toàn bộ chu kỳ xử lý trong ngày của hệ thống xử lý.

Nếu các yếu tố pH, nồng độ và lưu lượng không ổn định thì sẽ làm cho hệ xử lý vi sinh phía sau không hiệu quả, có thể gây chết vi sinh vật. Do đó, cần phải có bể điều hòa.

Bể thiếu khí

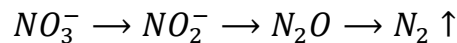
Nước thải sinh hoạt nói chung đều chứa hàm lượng Amoni, T-N cao phát sinh từ nước tiểu từ nhà vệ sinh đi vào hệ thống xử lý. Quá trình khuấy chìm trong bể là quá

trình xử lý Amoni, T-N trong nước thải và gọi là quá trình De-nitrification diễn ra theo 2 bước.

Bước 1: Là quá trình tổng hợp sinh khối vi sinh vật trong bể hiếu khí đồng thời chuyển hóa Amoni sang dạng nitơ rít (NO_2^-) và nitơ rút (NO_3^-)



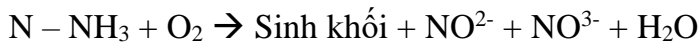
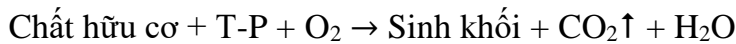
Bước 2: Là quá trình tổng hợp sinh khối vi sinh vật trong bể thiếu khí đồng thời chuyển hóa nitơ từ nitơ rít (NO_2^-) và nitơ rút (NO_3^-) sang dạng khí nitơ phân tử (N_2) giải phóng ra khỏi nước thải.



Bể hiếu khí

Trong nước thải sinh hoạt chứa hàm lượng BOD₅ và TSS cao do đó cần phải có công đoạn xử lý hiếu khí. Cơ chế quá trình xử lý hiếu khí là sự chuyển hóa chất ô nhiễm của vi sinh vật trong môi trường hiếu khí để tạo sinh khối mới (bùn hoạt tính), bùn hoạt tính này sẽ được tách loại ra khỏi nước thải bằng cơ chế lắng trọng lực tại bể lắng.

Quá trình oxy hóa sinh học trong bể oxíc như sau:



Để quá trình phản ứng oxy hóa sinh học có hiệu quả cao, hàm lượng bùn thải tạo ra ít thì trong bể hiếu khí người ta còn bổ sung giá thể vi sinh dạng di động. Giá thể này có tác dụng tăng cường mật độ vi sinh vật trong bể nhờ bề mặt tiếp xúc riêng rất lớn đồng thời làm tăng khả năng chống chịu môi trường khắc nghiệt cho vi sinh vật.

Quá trình xử lý sinh học trong bể hiếu khí phụ thuộc rất nhiều đến hàm lượng oxy hòa tan. hệ thống hoạt động ổn định đồng thời giảm được tiêu tốn điện năng.

Sản phẩm của quá trình oxi hóa sinh học trong bể hiếu khí là sinh khối (bùn hoạt tính) sẽ được tách lắng và nitơ rít (NO_2^-) và nitơ rút (NO_3^-) sẽ được tuần hoàn trở lại bể thiếu khí cho quá trình khử nitơ trong bể thiếu khí. Quá trình khử Nitơ từ nitơ rít (NO_2^-) và nitơ rút (NO_3^-) cần một lượng chất hữu cơ dạng BOD/COD gấp 4 lần hàm lượng $\text{NO}_2^- / \text{NO}_3^-$ nên cần phải có hệ thống cấp hóa chất để bổ sung chất hữu cơ cho quá trình xử lý.

Bể lắng

Sau quá trình oxy hóa sinh học trong bể hiếu khí, hỗn hợp nước thải và bùn sinh học (sinh khối vi sinh vật) tự chảy sang bể lắng. Tại đây, nhờ cơ chế khuấy trộn tĩnh và cơ chế trọng lực bùn và nước thải được tách pha Rắn - Lỏng, nước thải đi qua máng thu nước vào bể khử trùng còn bùn lắng xuống đáy bể định kỳ được bơm tuần hoàn lại bể thiếu khí và định kỳ bơm thải bỏ bùn dư vào vào bể chứa bùn.

Bể khử trùng

Nước thải sau khi tách lắng bùn trong bể lắng sau đó được cho qua bể khử trùng để tiêu diệt các vi sinh vật gây bệnh như E.coli, coliform...

Nước thải sau khi khử trùng đã đạt đạt giá trị giới hạn cho phép của KCN Đồng Văn IV và được đầu nối vào HTXL chung của KCN.

Bể chứa bùn

Bùn thải từ bể lắng được bơm về bể chứa và phân hủy bùn nhằm làm giảm thể tích bùn trước khi cho qua hệ thống xử lý bùn.

Bùn thải trong bể chứa bùn sau khi đã giảm thể tích nhỏ nhất sẽ thuê đơn vị có đủ chức năng tới hút bỏ.

- Các thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải tập trung:

Các thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất 50m³/ngày đêm của Công ty TNHH DSP Hà Nam được trình bày trong bảng dưới đây:

***Bảng 6. Các thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải tập trung
50m³/ngày.đêm của Công ty TNHH DSP Hà Nam***

STT	Hạng mục	Số lượng	Kích thước	Thể tích
1	Bể điều hòa	01	3,7m x 3,5m x 2,5m	32,375 m ³
2	Bể thiếu khí	01	1,8m x 3,5m x 2,5m	15,75 m ³
3	Bể hiếu khí	01	5,0m x 3,5m x 2,5m	43,75 m ³
4	Bể lắng	01	1,8m x 1,8m x 2,5m	11,34 m ³
5	Bể khử trùng	01	0,79m x 3,5m x 2,5m	6,91 m ³
6	Bể chứa bùn	01	1,8m x 1,48m x 2,5m	6,66 m ³

(Nguồn: Công ty TNHH GT TECHNOLOGY Việt Nam)

3. Đánh giá khả năng đáp ứng của HTXLNT công suất 50m³/ng.đ với nhu cầu xử lý nước thải hiện tại:

Hiện nay, nhà máy chưa phát sinh nước thải sinh hoạt cũng như chưa có hoạt động sản xuất nào của các đơn vị thuê nhà xưởng.

Do đó, hệ thống xử lý nước thải 50m³/ngày.đêm hoàn toàn đáp ứng yêu cầu xử lý nước thải phát sinh của các đơn vị.

3.1.2.5. Thu gom, quản lý CTR thông thường, CTNH:

- Đối với CTR công nghiệp thông thường, Công ty TNHH DSP Hà Nam đã xây dựng khu lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường với tổng thể tích 400 m², có cửa ra vào riêng, có biển tên riêng cho từng kho bao gồm:

- Tần suất thu gom: Phụ thuộc vào khối lượng phát sinh

- Toàn bộ chất thải phát sinh tại nhà máy, bao gồm chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại. Công ty sẽ ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng thu gom và xử lý.

3.1.2.6. Hệ thống giao thông nội bộ:

Hệ thống giao thông trong Công ty TNHH DSP Hà Nam được thiết kế hợp lý chủ yếu là vào khu hành chính, đường vào các khu xưởng sản xuất, khu kỹ thuật phụ trợ và

hệ thống đường liên hệ giữa các khu chức năng với diện tích 6.386,11 m² (chiếm 21,29 % tổng diện tích Công ty TNHH DSP Hà Nam).

3.1.2.7. Hệ thống cây xanh:

Công ty TNHH DSP Hà Nam đã tiến hành trồng cây xanh xung quanh khu vực dự án để đảm bảo không khí thoáng mát với diện tích 6.000 m² (chiếm 20,00 % tổng diện tích Công ty TNHH DSP Hà Nam).

3.2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án

Do Dự án nằm trong KCN hỗ trợ Đồng Văn IV và thuê lại nhà xưởng của Công ty TNHH DSP Hà Nam, nước thải phát sinh sẽ thoát ra hệ thống xử lý nước thải của Công ty TNHH DSP Hà Nam sau khi xử lý nội bộ sẽ đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của KCN đưa về trạm xử lý nước thải công suất 2.000 m³/ngày.đêm trước khi xả ra ngoài môi trường.

CHƯƠNG IV:

ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Công ty TNHH GT TECHNOLOGY Việt Nam thuê lại nhà xưởng và các công trình phụ trợ của Công ty TNHH DSP Hà Nam với diện tích 2.056 m² để thực hiện dự án “*Dự án đầu tư sản xuất các sản phẩm điện tử*”. Hiện nay, Công ty TNHH DSP Hà Nam đã xây dựng cơ sở hạ tầng nhà xưởng hoàn chỉnh. Công ty TNHH GT TECHNOLOGY Việt Nam sẽ sử dụng các hạ tầng cơ sở, nhà xưởng hiện có, không cần phải tiến hành tháo dỡ hay xây dựng thêm. Các hoạt động có khả năng phát sinh chất thải của dự án bao gồm:

- Hoạt động lắp đặt máy móc thiết bị;
- Hoạt động vận hành ổn định nhà máy.

Tuy nhiên, hoạt động lắp đặt máy móc thiết bị trong thời gian ngắn (10 ngày). Do đó, báo cáo tập trung đánh giá, dự báo tác động môi trường và đề xuất các biện pháp, công trình BVMT trong giai đoạn hoạt động.

4.1. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn hoạt động

4.1.1. Đánh giá, dự báo các tác động trong giai đoạn hoạt động

4.1.1.1. Đánh giá, dự báo tác động môi trường liên quan chất thải

1. Tác động do bụi và khí thải

a. Nguồn phát sinh

Nguồn phát sinh bụi và khí thải trong hoạt động sản xuất tại dự án bao gồm:

- Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông vận tải ra vào nhà máy do sử dụng xăng dầu như xe gắn máy, xe hơi, xe vận tải chở hàng,...
- Mùi hôi từ khí thải từ khu vực kho rác;
- Khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất:
 - + Hoi hữu cơ phát sinh từ công đoạn ép nhựa
 - + Hoi hữu cơ phát sinh từ công đoạn vệ sinh làm sạch sản phẩm.

b. Dự báo thành phần, tải lượng, nồng độ và tác động

(*) Bụi và khí thải phát sinh từ phương tiện giao thông, quá trình vận chuyển, nguyên vật liệu và sản phẩm ra vào nhà máy

**** Thành phần:***

- Quá trình này phát sinh bụi và khí thải bao gồm: CO, SO₂, NO_x, VOC_s,... Các thành phần này tùy theo đặc tính của mỗi loại mà tác động lên môi trường và sức khỏe của con người theo mỗi cách khác nhau.

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư:
“Dự án đầu tư sản xuất các sản phẩm điện tử”**

- Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động giao thông sẽ ảnh hưởng đến môi trường không khí, sức khỏe công nhân, người dân khu vực dự án và dọc đường vận chuyển.

* *Tải lượng:*

- Số lượng công nhân của Công ty ở thời điểm nhiều nhất là 120 người. Như vậy, mỗi ngày sẽ có khoảng 240 lượt xe máy (*quy chung các phương tiện đi lại của công nhân viên ra vào khu vực Công ty về xe máy*).

- Xe vận chuyển hàng hóa, nguyên vật liệu: Dự án sẽ sử dụng xe ô tô 10 tấn để vận chuyển nguyên, vật liệu và sản phẩm trung bình 1 chuyến/ngày.

- Theo nguồn WHO, 1993 có hệ số ô nhiễm môi trường không khí từ giao thông được thể hiện dưới bảng:

Bảng 7. Hệ số ô nhiễm môi trường không khí giao thông

STT	Các loại xe	Đơn vị (U)	TSP (kg/U)	SO ₂ (kg/U)	NO _x (kg/U)	CO (kg/U)	HC (kg/U)
1	Xe ô tô						
	Xe ô tô nhỏ (động cơ <1400 cc)	10 ³ km xăng	0.07 0.80	1.74S 20S	1.31 15.13	10.24 118.0	1.29 14.38
	Xe ô tô lớn (động cơ > 2000cc)	10 ³ km xăng	0.007 0.06	2.35S 20S	1.33 9.56	6.46 54.9	0.60 5.1
2	Xe máy	10 ³ km xăng	0.03 0.40	1.02S 20S	1.03 9.13	6.34 98.52	1.05 11.32
3	Xe tải						
	Xe tải chạy xăng >3.5 tấn	10 ³ km xăng	0.4 3.5	4.5S 20S	4.5 20	70 300	7 30
	Xe tải nhỏ, động cơ diesel <3.5 tấn	10 ³ km xăng	0.2 3.5	1.16S 20S	0.7 12	1 18	0.15 2.6
	Xe tải lớn, động cơ diesel 3.5 – 16 tấn	10 ³ km xăng	0.9 4.3	4.29 S 20S	11.8 55	6.0 28	2.6 2.6
	Xe tải rất lớn, động cơ diesel > 16 tấn	10 ³ km xăng	1.6 4.3	7.26S 20S	18.2 50	7.3 20	6.8 16

(Nguồn: WHO,1993)

Ghi chú:

- Dầu có thành phần S là 0,05%
- Tải lượng chất ô nhiễm không khí từ quá trình vận chuyển nguyên, vật liệu, hóa chất đầu vào:

Tải lượng ô nhiễm = Hệ số phát thải x Quãng đường/ngày x Số chuyến xe

- Kết quả dự báo tải lượng các chất ô nhiễm không khí do quá trình vận chuyển nguyên, nhiên liệu và sản phẩm cho nhà máy giai đoạn vận hành được trình bày dưới bảng:

Bảng 8. Dự báo tải lượng các chất ô nhiễm không khí do hoạt động giao thông

Loại xe	Quãng đường (km)	Số lượt xe/h	Tải lượng (kg/1000km.h)				
			Bụi	SO ₂	NO _x	CO	VOC _s
Xe máy	5	30	4,50	0,61	675,00	10500	1050

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư:
“Dự án đầu tư sản xuất các sản phẩm điện tử”*

Loại xe	Quãng đường (km)	Số lượt xe/h	Tải lượng (kg/1000km.h)				
			Bụi	SO ₂	NO _x	CO	VOC _s
Xe tải	50	0,125	1,3	0,29	4,375	6,25	0,9375
Tổng			5,75	0,90	679,38	10506,25	1050,94
Quy đổi			Tải lượng mg/m.s				
			0,0016	0,0003	0,1887	2,9184	0,1609

* *Nồng độ:*

- Áp dụng mô hình tính toán về ô nhiễm nguồn đường để tính toán nồng độ bụi phát tán trong quá trình vận chuyển.

- Xét nguồn đường ở độ cao gần mặt đất, gió thổi vuông góc với nguồn đường, khi đó nồng độ bụi trung bình tại một điểm bất kỳ trong không khí được xác định theo mô hình cải biên của Sutton như sau:

$$C = 0,8E \frac{\left\{ \exp\left[\frac{-(z+h)^2}{2\sigma_z^2} \right] + \exp\left[\frac{-(z-h)^2}{2\sigma_z^2} \right] \right\}}{\sigma_z \cdot u} \text{ (mg/m}^3\text{)}$$

(Nguồn: Phạm Ngọc Đăng, Môi trường không khí, NXB KH&KT, Hà Nội, năm 1997)

Trong đó:

- C: Nồng độ chất ô nhiễm trong không khí (mg/m³);
- E: Tải lượng ô nhiễm (mg/s);
- σ_z : Hệ số khuếch tán theo phương z(m) là hàm số của khoảng cách x theo phương gió thổi; $\sigma_z = 0,53 \cdot X^{0,73}$;
- z: Độ cao của điểm tính (m); z = 1,5m;
- u: Tốc độ gió trung bình (m/s), lấy u = 2,5m/s;
- h: Độ cao của mặt đường so với mặt đất xung quanh (m), lấy h = 0,5m.

→ Kết quả tính toán nồng độ bụi theo khoảng cách (x) và độ cao (z) được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 9. Nồng độ bụi và khí thải phát tán trong không khí do quá trình vận chuyển giai đoạn hoạt động của dự án

Thông số tính toán								
U (m/s)	2,5							QCVN 05:2013/ BTNMT (trung bình 1h)
H(m/s)	0,5							
z (m)	1,5							
x (m)	10	20	30	40	50	60	70	
σ_z	2,85	4,72	6,35	7,83	9,22	10,53	11,78	
Nồng độ (µg/m ³)								
C _{TSP}	1,33	0,88	0,67	0,55	0,47	0,41	0,37	300
C _{SO₂}	0,31	0,20	0,15	0,13	0,11	0,10	0,09	350
C _{NO₂}	2,13	1,41	1,07	0,88	0,75	0,66	0,59	200
C _{CO}	4,28	2,84	2,16	1,77	1,51	1,33	1,19	30.000
C _{VOC}	1,18	0,78	0,60	0,49	0,42	0,37	0,33	5.000(*)

* *Đối tượng chịu tác động:*

- Công nhân viên làm việc trực tiếp tại nhà máy.
- Mức độ ô nhiễm giao thông phụ thuộc vào chất lượng đường xá, mật độ xe, lưu lượng dòng xe, chất lượng kỹ thuật xe và lượng nhiên liệu tiêu thụ.
- Khối lượng các nguyên vật liệu, hàng hóa phục vụ sản xuất cũng như sản phẩm đầu ra của nhà máy không lớn, nên số lượng xe vận chuyển ra vào khu vực dự án không nhiều, hơn nữa các xe này không vận chuyển cùng lúc cung đường chịu tác động lớn nhất của quá trình này ước tính là 5 km. Các phương tiện ra vào dự án chỉ tập trung vào thời gian bắt đầu giờ làm việc và thời gian tan ca. Tải lượng khí thải phát sinh lớn nhất tại khu vực dự án khi tất cả các phương tiện cùng hoạt động trong khoảng thời gian 1 giờ, nên lượng bụi, khí thải phát sinh do hoạt động vận chuyển nguyên, nhiên vật liệu và sản phẩm hiện tại của nhà máy đến môi trường không khí là không đáng kể.

** Đánh giá tác động:*

- Tải lượng tính toán các chất ô nhiễm phát sinh từ hoạt động phương tiện giao thông trong quá trình vận hành của Dự án cũng góp phần làm tăng mức độ ô nhiễm môi trường không khí khu vực nếu không có biện pháp giảm thiểu. Lượng khí thải sẽ tác động trực tiếp đến công nhân viên làm việc tại nhà máy ảnh hưởng đến sức khỏe, gây ra các bệnh liên quan đến hệ hô hấp.

- Nhìn chung lượng bụi và các chất ô nhiễm phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông lớn và mật độ lưu thông các phương tiện không thường xuyên và không tập trung cùng thời điểm trong ngày nên tác động từ hoạt động này đến các đối tượng chỉ mang tính tức thời.

() Mùi hôi thối từ khu vực lưu giữ rác thải*

Rác thải sinh hoạt bao gồm vỏ hoa quả, vỏ bánh kẹo, thức ăn thừa, chất thải từ nhà bếp, túi nilon, chai lọ,... phát sinh tại bếp ăn và các khu vực làm việc của nhà máy. Chất thải này có đặc tính dễ phân hủy tạo mùi hôi thối gây ảnh hưởng đến môi trường không khí xung quanh, điển hình là các khí như: N₂, CH₄, CO₂, H₂S,.. Mùi hôi phát sinh làm cho người làm việc gần vị trí này hoặc đi qua cảm thấy khó chịu, mệt mỏi, gây ô nhiễm môi trường xung quanh. Lượng khí thải này không nhiều nhưng cũng cần phải có biện pháp quản lý thích hợp để giảm thiểu mùi bảo vệ sức khỏe cán bộ công nhân viên khi làm việc tại nhà xưởng.

() Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất*

- Hơi hữu cơ phát sinh tại công đoạn ép nhựa

(-) Hơi hữu cơ phát sinh tại công đoạn đùn ép nhựa

- *Thành phần:* Theo nghiên cứu của tổ chức quản lý môi trường Bang Michigan - Mỹ cho biết, đặc trưng chất ô nhiễm phát sinh từ quá trình làm nóng chảy nguyên liệu nhựa là VOC_s (toluene, xylene, ethylene).

- Lượng thải:

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư:
“Dự án đầu tư sản xuất các sản phẩm điện tử”**

Theo tổ chức quản lý môi trường Bang Michigan – Mỹ, thông số phát thải khí từ quá trình gia nhiệt làm nóng chảy nhựa là 0,0706 Lb/tấn nhựa = 453,5924 g/tấn nhựa. (Lb là Pound - đơn vị đo trọng lượng truyền thống của Anh, Mỹ).

+ Khối lượng đầu vào cho công đoạn đùn ép nhựa là: 2.770 kg/năm $\approx 1,15 \times 10^{-3}$ tấn/h, tải lượng VOCs phát sinh như sau:

$$1,15 \times 10^{-3} \text{ tấn/h} \times 0,0706 \text{ Lb/tấn} \times 453,5924 \text{ g/Lb} = 0,037 \text{ (g/h)}$$

Khu vực chịu tác động với diện tích khoảng 100m²; chiều cao trung bình của nhà xưởng là 10m. Nồng độ ô nhiễm được tính toán bằng công thức sau:

$$C_i = \text{Tải lượng ô nhiễm (g/h)} \times 10^3 / V \text{ (4.1)}$$

$$C_{\text{VOC}} = 0,037 \times 10^3 / (100 \times 10) = 0,037 \text{ (mg/m}^3\text{)}$$

Bảng 10. Nồng độ hơi hữu cơ phát sinh tại công đoạn ép nhựa so với quy định

Nồng độ VOCs		QCVN 20:2009/BTNMT (mg/m ³)	QĐ 03:2019/QĐ-BYT (mg/m ³)
Toluen	0,037	750	100
Xylene		870	100
Ethylene		-	-

- Hàm lượng VOCs phát sinh rất thấp, nằm dưới ngưỡng giới hạn cho phép của QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải đối với một số chất hữu cơ.

- Để phục vụ quá trình sản xuất tại nhà máy, chủ dự án lựa chọn nguyên liệu đầu vào là các hạt nhựa có chất lượng tốt, đạt tiêu chuẩn để sản xuất. Quá trình sản xuất của Nhà máy chỉ tiến hành gia nhiệt làm nóng chảy hạt nhựa (không tiến hành đốt hạt nhựa). Theo tính toán ở trên, với khối lượng nhựa sử dụng hàng ngày tại nhà máy thì lượng hơi hữu cơ VOCs phát sinh tương đối nhỏ.

- Bên cạnh đó quá trình ép nhựa được thực hiện trong một quy trình khép kín hoàn toàn cùng với máy móc thiết bị sản xuất được nhập khẩu đồng bộ, dây chuyền hiện đại tối đa nên khả năng bay hơi hữu cơ ra bên ngoài là rất nhỏ. Do đó, hơi hữu cơ phát sinh trong giai đoạn này tác động không đáng kể đến môi trường xung quanh và người lao động.

- Hơi cồn phát sinh tại công đoạn làm sạch bề mặt sản phẩm

Trong quá trình sản xuất công ty sử dụng hóa chất là cồn (Ethanol) để làm sạch bề mặt các sản phẩm với khối lượng sử dụng là: 0,03 tấn/năm = 2,5 kg/tháng

Theo *Tổ chức Y tế thế giới WHO - mục 3.521 trang 46* cho thấy tải lượng các hợp chất hữu cơ bay hơi bằng 0,15% khối lượng hóa chất sử dụng, có thể ước tính tải lượng hơi hóa chất thất thoát với thành phần chính là hơi cồn trong quá trình làm sạch sản phẩm tại Nhà máy với khối lượng như sau:

$$2,5 \times 0,15\% = 0,00375 \text{ (kg/tháng)} = 0,018 \text{ (g/h)}$$

Diện tích khu vực chịu tác động là 50m² chiều cao là 10m. Áp dụng công thức (4.1), ta có nồng độ phát thải các chất hữu cơ trong quá trình làm sạch sản phẩm là:

$$C_{\text{Ethanol}} = 0,018 \times 10^3 / (50 \times 10) \approx 0,036 \text{ (mg/m}^3\text{)}$$

Theo tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường lao động TCVN 3733/2002/BYT quy định nồng độ của Ethanol (C₂H₅OH) trong không khí khu vực làm việc là 1.000 mg/m³. Còn dễ bay hơi (96%) sinh ra mùi lan truyền trong không khí, tuy nhiên còn là hợp chất không độc, do đó không gây tác động đáng kể đến môi trường và con người. Song nếu lưu giữ lâu có thể gây phản ứng với O₂ trong không khí để tạo ra CO₂ làm ảnh hưởng tới sức khỏe người lao động.

- Tác động của khí CO₂ tới sức khỏe người lao động: Khí thải CO₂ ảnh hưởng đến sức khỏe con người bằng cách thay thế O₂ trong khí quyển. Hô hấp trở nên khó khăn hơn khi nồng độ CO₂ tăng lên. Ở những khu vực nồng độ CO₂ cao có thể dẫn đến những triệu chứng có hại cho sức khỏe như đau đầu. Tuy nhiên, nhà máy đã thiết kế nhà xưởng thông thoáng cũng như trang bị đầy đủ đồ bảo hộ lao động, do đó tác động môi trường tại công đoạn này rất nhỏ.

2. Tác động do nước thải

a. Nước thải sinh hoạt

*** Thành phần:**

- Nước thải sinh hoạt chủ yếu có chứa các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và các vi sinh vật.

- Nước thải phát sinh từ quá trình sinh hoạt nếu không được quản lý và xử lý trước khi thải ra nguồn tiếp nhận thì sẽ gây tác động xấu đến môi trường. Đặc biệt là môi trường nước do hàm lượng chất dinh dưỡng cao gây hiện tượng phú dưỡng làm chết các sinh vật trong nước, ảnh hưởng tới hệ sinh thái tự nhiên và đời sống người dân.

- Chất hữu cơ phân hủy gây mùi hôi khó chịu phát tán trong không khí ảnh hưởng tới sức khỏe con người (sự phát triển của các vi sinh vật gây hại từ nguồn nước thải ra môi trường nước tự nhiên, khi con người sử dụng bị lây nhiễm các bệnh như: bệnh ngoài da, bệnh tả,...).

- Chất rắn lơ lửng: Là tác nhân gây ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng nước và tài nguyên thủy sinh, làm tăng độ đục, giảm khả năng quang hợp của một số sinh vật hoại sinh.

- Chất dinh dưỡng N, P: Gây hiện tượng phú dưỡng, phát triển rong, tảo trong nước...

- Các chất hữu cơ BOD₅: Sự ô nhiễm các chất hữu cơ sẽ dẫn đến suy giảm nồng độ oxy trong nước do vi sinh vật sử dụng oxy hòa tan để phân hủy các chất hữu cơ. Oxy hòa tan suy giảm gây tác hại nghiêm trọng đến đời sống thủy sinh.

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư:
“Dự án đầu tư sản xuất các sản phẩm điện tử”**

- Theo thống kê của Tổ chức Y tế thế giới (WHO) đối với những quốc gia đang phát triển, tải lượng ô nhiễm đối với nước thải sinh hoạt (chưa qua xử lý) như sau:

$$T = H * M$$

Trong đó: T: Tải lượng các chất ô nhiễm (g/người)

H: Hệ số phát thải có trong nước thải sinh hoạt (g/người/ngày)

M: Số công nhân làm việc: (người)

(Nguồn: PGS.TS Trần Đức Hạ - Xử lý nước thải đô thị - Nhà xuất bản Khoa học Kỹ thuật, năm 2006)

Bảng 11. Hệ số các chất ô nhiễm có trong nước thải sinh hoạt chưa được xử lý

STT	Chất ô nhiễm	Hệ số phát thải (g/người/ngày)
1	BOD ₅	45 ÷ 54
2	COD	70 ÷ 102
3	TSS	60 ÷ 65
4	NH ₄ ⁺	2,4 ÷ 4,8
5	∑ N	6,0 ÷ 12,0
6	∑ P	0,8 ÷ 4,0

(Nguồn: Rapid inventory technique in environmental control, WHO, 1993 và PGS.TS. Trần Đức Hạ, Xử lý nước thải đô thị, Nhà xuất bản khoa học kỹ thuật, 2006)

*** Ước tính tải lượng:**

- Theo TCXDVN 33:2006. Khối lượng nước thải được tính bằng 100 % khối lượng nước cấp. Do đó, khối lượng nước thải sinh hoạt phát sinh ước tính khoảng: 6 m³/ngày.đêm.

- Theo hệ số phát thải của tổ chức y tế thế giới được thể hiện tại bảng trên ta dự báo được tải lượng chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt trong quá trình dự án đi vào hoạt động sản xuất như sau:

Bảng 12. Tải lượng và nồng độ các thành phần ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt

Chất ô nhiễm		BOD ₅	COD	SS	NH ₄ ⁺	Tổng N	Tổng P
Hệ số định mức (g/người/ngày)	Min	45	72	70	2.4	6	0.8
	Max	54	102	145	4.8	12	4
Số lượng công nhân (người)		120					
Tải lượng ô nhiễm (g/ngày)	Min	5.400	8.640	8.400	288	720	96
	Max	6.480	12.240	17.400	576	1.440	480
Lượng nước thải (lít/ngày)		6.000					
Nồng độ (mg/l)	Min	900	1440	1400	48	120	16
	Max	1080	2040	2900	96	240	80
Cột B, QCVN 40:2011/BTNMT		50	150	100	10	40	6

*** Ghi chú:**

- Cột B: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

*** Nhận xét:**

Qua kết quả tính toán trên cho thấy nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt chưa qua xử lý vượt ngưỡng cho phép của cột B, QCVN 40:2011/BTNMT rất nhiều lần

** Đánh giá tác động:*

- Nước thải sinh hoạt chứa nhiều chất hữu cơ dễ phân hủy, các vi khuẩn Coliform và các vi khuẩn gây bệnh khác. Các chất dinh dưỡng như N, P gây phú dưỡng nguồn nước, ảnh hưởng tới chất lượng nước và đời sống thủy sinh của nguồn tiếp nhận. Các vi sinh vật gây bệnh có trong nước thải theo dòng nước phát tán đi xa, là nguyên nhân gây ra các bệnh về đường tiêu hóa như: tả, lỵ, thương hàn,... Sự ô nhiễm nguồn nước mặt gián tiếp gây ô nhiễm nguồn nước ngầm, nhất là những khu vực gần nguồn tiếp nhận nước thải.

- Mức độ tác động: Lớn

- Đối tượng chịu tác động: Môi trường đất, nước ngầm, nước mặt khu vực thực hiện Dự án.

b. Nước làm mát

Nước thải phát sinh tại công đoạn làm mát sản phẩm sau công đoạn đun ép để tránh làm biến dạng sản phẩm. Do bị hao hụt từ quá trình bay hơi nên hàng ngày phải bổ sung thêm một lượng nhất định để bù vào lượng hao hụt này.

Theo ước tính, lượng nước cần bổ sung khoảng 1 m³/ngày. Nước thải từ quá trình làm mát hầu như không có chất ô nhiễm và không thải ra ngoài môi trường do được sử dụng tuần hoàn.

3. Tác động do chất thải rắn thông thường

a. Chất thải rắn sinh hoạt

- Định mức phát thải đối với 1 người/ngày ước tính khoảng 0,3 kg (không có hoạt động nấu ăn).

- Với tổng số lượng cán bộ công nhân viên làm việc tại nhà máy dự kiến là 120 người, ước tính khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh là: 0,3 x 120 = 36 kg/ngày ≈ 0,036 tấn/ngày.

- Thành phần chủ yếu của chất thải sinh hoạt là chất hữu cơ, thông thường từ 55 – 70% tổng lượng phát sinh. CTR sinh hoạt chứa nhiều chất hữu cơ dễ phân hủy, vì vậy nếu không được thu gom và xử lý sẽ sinh ra mùi hôi thối làm ảnh hưởng đến sức khỏe và làm mất mỹ quan của khu vực, tác động đến môi trường đất và nước mặt.

b. Chất thải rắn sản xuất thông thường

Thành phần và khối lượng dự kiến của từng loại chất thải rắn trong quá trình sản xuất được trình bày trong bảng sau:

Bảng 13. Thành phần và khối lượng của từng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư:
“Dự án đầu tư sản xuất các sản phẩm điện tử”*

STT	Chất thải phát sinh	Khối lượng (kg/tháng)
1	Tấm mạ kẽm lỗi, hỏng	25
2	Rác công nghiệp khác (băng dính lỗi hỏng; lõi băng dính, sản phẩm hỏng, hàng mẫu, hàng luyện tập,...)	150
Tổng		175

Khối lượng chất thải rắn sản xuất phát sinh tại dự án trong một tháng tương đối ít, tuy nhiên phần lớn các loại rác này đều có khả năng tái chế như: tấm mạ kẽm, bì carton; túi nilong;... Ngoài ra, đối với toàn bộ lượng chất thải phát sinh Công ty sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý. Do đó, tác động của chất thải phát sinh từ quá trình này là không đáng kể.

4. Tác động do chất thải nguy hại

Thành phần và khối lượng dự kiến của từng loại chất thải nguy hại trong quá trình sản xuất được trình bày trong bảng sau:

Bảng 14. Thành phần và khối lượng của từng loại chất thải nguy hại phát sinh

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (Kg/năm)
1	Bao bì cứng thải bằng nhựa (vỏ hộp đựng côn thái, ...)	Rắn	18 01 03	180
2	Chất hấp phụ, giẻ lau dính dầu mỡ	Rắn	18 01 03	84
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	1,5
Tổng				265,5

Các chất thải này khi thải vào môi trường sẽ khó bị phân hủy sinh học, gây tích tụ trong đất, nước, làm mất mỹ quan khu vực. Về lâu dài, các chất này sẽ bị phân hủy tạo ra các hợp chất độc hại làm ô nhiễm môi trường đất, nước, ảnh hưởng đến sự sinh trưởng của sinh vật trên cạn và dưới nước. Đặc biệt, ảnh hưởng trực tiếp và nghiêm trọng đến sức khỏe công nhân lao động như gây ra các bệnh: ung thư da, viêm đường hô hấp, thần kinh,...

4.1.1.2. Đánh giá, dự báo các tác động của nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải

1. Tiếng ồn, độ rung, nhiệt dư

a. Tiếng ồn

* Nguồn phát sinh:

- Tiếng ồn phát sinh từ nhà máy bao gồm:
 - + Hoạt động của máy móc, thiết bị làm việc trong xưởng sản xuất;
 - + Tiếng ồn từ các phương tiện tham gia vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm ra vào Công ty, từ phương tiện giao thông của cán bộ công nhân viên khi đi làm và tan ca.

* Đánh giá tác động:

- Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu:

+ Tiếng ồn truyền ra môi trường xung quanh được xác định theo mô hình truyền âm từ nguồn ồn sinh ra và tắt dần theo khoảng cách, giảm đi qua vật cản cũng như cần kể đến ảnh hưởng nhiễu xạ của công trình và kết cấu xung quanh. Theo Hướng dẫn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án công trình giao thông của Bộ Khoa học – Công nghệ và Môi trường - Cục Môi trường, 1999 thì mức độ lan truyền tiếng ồn được xác định như sau:

+ Mức ồn ở khoảng cách r_2 sẽ giảm hơn mức ồn ở điểm có khoảng cách r_1 là:

$$\Delta L = 10 \lg (r_2/r_1)^{1+a}$$

Trong đó:

- ΔL : Độ giảm tiếng ồn (dBA).

- r_1 : Khoảng cách cách nguồn ồn bằng 7,5m đối với nguồn ồn là dòng xe giao thông (nguồn đường)

- r_2 : Khoảng cách cách r_1

- a : Hệ số kể đến ảnh hưởng hấp thụ tiếng ồn của địa hình mặt đất, đối với mặt đất trống cỏ $a = 0,1$, đối với mặt đất trồng trãi không có cây $a = 0$, đối với mặt đường nhựa và bê tông $a = - 0,1$.

+ Mức độ tiếng ồn của luồng xe bằng mức ồn của xe đặc trưng cộng với gia số mức của luồng xe.

+ Gia số mức ồn của luồng xe phụ thuộc vào:

o Số lượt xe chạy trong 1 giờ (N_i), $N_i = 2$

o Khoảng cách đặc trưng từ luồng xe đến điểm đo ở cạnh đường có độ cao từ 1,5

- 2m (r_1), $r_1 = 7,5m$

o Tốc độ dòng xe (S_i), tốc độ xe đi trên khu vực nhà máy = 10 km/h

o Thời gian $T = 1$

+ Gia số mức ồn được xác định theo công thức sau:

$$A = 10 \log (N_i \times r_1/S_i \times T)$$

+ Khi đó, $A = 10 \log(2 \times 7,5/10 \times 1) = 1,7$

+ Giả sử tiếng ồn phát ra từ xe đặc trưng là 70 dBA thì mức độ tiếng ồn của luồng xe tối đa đo tại vị trí cách điểm phát tiếng ồn 7,5m là 71,7 dBA.

+ Mức ồn giảm theo khoảng cách thực tế tính từ nguồn ồn được xác định như sau:

+ Với khoảng cách là 100m thì cường độ âm thanh giảm một khoảng giá trị là:

$$\Delta L = 10 \lg (r_2/r_1)^{1+a} = 10 \lg(100/7,5)^{0,9} = 10,1 \text{ dBA}$$

+ Khi đó cường độ âm thanh còn lại là: $71,7 - 10,1 = 61,6 \text{ dBA}$

+ Với khoảng cách là 500 m thì cường độ âm thanh giảm một khoảng giá trị là:

$$\Delta L = 10 \lg (r_2/r_1)^{1+a} = 10 \lg(500/7,5)^{0,9} = 16,4 \text{ dBA}$$

+ Khi đó cường độ âm thanh còn lại là: $71,7 - 16,4 = 55,3 \text{ dBA}$.

+ Vậy khi dự án đi vào hoạt động, mức độ ồn do phương tiện giao thông gây ra là 61,6 dBA (ở khoảng cách 100m) và 55,3 dBA (với khoảng cách 500m) vẫn thấp hơn so với giới hạn cho phép (QCVN 26:2010/BTNMT, mức giới hạn cho phép 70 dBA).

b. Độ rung

Quá trình sản xuất của Dự án sẽ phát sinh rung động do sự va đập của các bộ phận cơ học của máy, truyền xuống sàn và lan truyền trong kết cấu nền đất. Tuy vậy, do các rung động sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sản phẩm của Công ty nên các máy móc đã được tính toán thiết kế sao cho các rung động là nhỏ nhất, không gây ảnh hưởng xấu đến sản phẩm. Đối với loại hình sản xuất của Công ty thì độ rung là thấp và quá trình lắp đặt thiết bị áp dụng các giải pháp giảm rung như lắp các thiết bị giảm rung, sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ máy móc.

c. Nhiệt dư

Do đặc điểm của loại hình sản xuất không phát sinh ra nhiệt. Tuy nhiên, nhiệt bức xạ của hệ thống đèn chiếu sáng dẫn đến nền nhiệt trong khu vực nhà xưởng có thể cao hơn nhiệt độ môi trường bên ngoài từ 2 – 3⁰C. Nhiệt độ cao làm ảnh hưởng đến sức khỏe và năng suất làm việc của công nhân.

Theo đánh giá của Phạm Ngọc Đăng (Môi trường không khí, 1997) lượng nhiệt sinh ra do lao động chân tay ước tính từ 100 – 420 kcal/h. Lượng nhiệt sinh ra (M) còn phụ thuộc vào đặc điểm sinh lý của cơ thể, lứa tuổi và mức độ nặng nhọc của công việc đang làm. Dao động nhiệt càng lớn, cơ thể con người càng phải tự điều tiết thân nhiệt nhiều nên càng mệt mỏi và dễ sinh đau ốm.

Tuy nhiên, nhà xưởng sẽ được thiết kế thông gió cưỡng bức và hệ thống điều hoà nên lượng nhiệt dư trong khu vực sản xuất không nhiều, không ảnh hưởng đến công nhân làm việc trực tiếp tại phân xưởng.

2. Tác động đến kinh tế - xã hội khu vực

- Tác động tiêu cực: Khi Dự án đi vào hoạt động sản xuất tác động đến kinh tế - xã hội khu vực như sau:

+ Gây mất an ninh trật tự xã hội do tập trung một lượng lớn công nhân tại khu vực, các tệ nạn xã hội có thể xảy ra như cờ bạc, trộm cắp, nghiện hút,...

+ Gây mất an toàn giao thông trong khu vực, đặc biệt là giờ đi làm và tan ca của công nhân.

- Tác động tích cực:

+ Tạo công ăn việc làm cho các lao động, đặc biệt là lao động địa phương, giải quyết một phần nạn thất nghiệp.

+ Tăng nguồn thu cho ngân sách địa phương thông qua các khoản thuế;

+ Góp phần vào công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân.

+ Góp phần thúc đẩy ngành công nghiệp của khu vực phát triển.

3. Các tác động đối với giao thông

Hệ thống đường giao thông khu vực tăng thêm lưu lượng, đặc biệt là tuyến đường vận chuyển nguyên, nhiên liệu và sản phẩm. Tuy nhiên, mức độ tác động này được đánh giá là nhỏ do các phương tiện không cùng tập trung vào một thời điểm. Mặt khác, đường giao thông khu vực thực hiện Dự án vẫn đảm bảo lưu thông cho tất cả các Công ty nằm trong khu vực.

4.1.1.3. Đánh giá dự báo tác động do rủi ro, sự cố

1. Sự cố cháy nổ, chập điện

Một trong những vấn đề an toàn được đặt ra đối với nhà máy là an toàn phòng chống cháy nổ trong khu vực sản xuất. Dây chuyền sản xuất của dự án hoạt động theo cơ chế tự động khép kín từ đầu đến cuối nên nếu phát sinh sự cố cháy nổ do chập điện sẽ gây ảnh hưởng rất lớn không chỉ đối với nhà máy mà còn ảnh hưởng đến môi trường khu vực.

- Các nguyên nhân dẫn đến cháy nổ có thể do:

+ Sự cố về các thiết bị điện: Dây điện, động cơ quạt,... bị quá tải trong quá trình vận hành, phát sinh nhiệt và dẫn đến cháy.

+ Sự cố sét đánh: Hầu hết các sự cố cháy nổ trên đều có khả năng tiềm tàng cao, khi xảy ra sự cố sẽ gây ra những thiệt hại nghiêm trọng về tính mạng con người và môi trường.

- Ảnh hưởng của sự cố cháy nổ:

+ Tính mạng con người: Khi xảy ra sự cố cháy nổ nếu không có sự chuẩn bị và đề phòng cẩn thận thì hậu quả sẽ vô cùng nghiêm trọng. Con người là tài sản quý giá nhất, vì thế thiệt hại về sinh mạng con người sẽ dẫn đến rất nhiều tác động về mọi mặt kinh tế, xã hội;

+ Thiệt hại về tài sản;

+ Ảnh hưởng tới môi trường: Ảnh hưởng trực tiếp của các đám cháy là khói bụi bốc lên làm ô nhiễm môi trường không khí khu vực dự án.

2. Sự cố tai nạn lao động

Các sự cố tai nạn điển hình có thể gặp trong khi nhà máy hoạt động bao gồm:

- Tai nạn về điện như: bị điện giật, chập điện và bất cẩn khi đóng ngắt điện.

- Tai nạn khi bốc dỡ hàng hóa, nguyên liệu

- Tai nạn khi vận hành các máy móc, thiết bị trong nhà máy

- Tai nạn khi tiếp xúc với hóa chất sử dụng trong sản xuất.

Xác suất xảy ra các sự cố này phụ thuộc vào việc nghiêm túc chấp hành nội quy và quy tắc an toàn lao động của cán bộ công nhân viên trong nhà máy. Mức độ tác động có thể gây ra thương tật hay thiệt hại tính mạng người lao động.

3. Sự cố mất an toàn vệ sinh thực phẩm

Thực phẩm dùng trong hoạt động ăn uống không hợp vệ sinh có thể gây ra ngộ độc thực phẩm hàng loạt, ảnh hưởng lớn tới sức khỏe của cán bộ công nhân viên và uy tín của Công ty.

Sự cố về an toàn thực phẩm là tình huống xảy ra do ngộ độc thực phẩm, bệnh truyền qua thực phẩm hoặc các tình huống khác phát sinh từ thực phẩm gây hại trực tiếp đến sức khỏe, tính mạng con người.

4. Sự cố rò rỉ hóa chất

- *Nguyên nhân:*

Việc lưu giữ, sử dụng hóa chất có thể xảy ra một số sự cố như sau:

Tràn đổ, rò rỉ hóa chất có thể xảy ra khi bao bì chứa hóa chất bị rách thủng trong quá trình vận chuyển và bốc vác, do chuột cắn phá, do vật nhọn làm rách thủng. Thùng chứa, thùng phuy, can có thể bị nứt bể do va chạm, do tác động cơ học, do thời gian sử dụng lâu, do chứa đựng hóa chất không phù hợp (ăn mòn, phá hủy...) với chất liệu làm vật chứa, cũng có thể do nhiệt độ kho bảo quản quá cao gây nứt vật chứa. Tràn đổ cũng có thể xảy ra do quá trình sắp xếp hàng hóa trong kho công nhân đã xếp hàng quá cao, vượt quá chiều cao quy định và không cẩn thận nên lớp hàng hóa bị nghiêng và đổ, kéo theo các lô hóa chất kế bên.

Cháy nổ hóa chất có thể xảy ra khi kho bảo quản hóa chất quá nóng (do hỏa hoạn, chập điện...), vượt quá nhiệt độ tự cháy hoặc nhiệt độ bùng cháy của hóa chất làm hóa chất bốc cháy sinh nhiệt có thể gây nổ. Cũng có thể do hóa chất tràn đổ phản ứng với các loại hóa chất khác trong cùng kho bảo quản sinh ra khí cháy gây nổ. Sự cố hóa chất xảy ra có thể do nguyên nhân của người vận hành.

- *Hậu quả:* Sự cố về hóa chất sẽ gây hậu quả nghiêm trọng như gây ô nhiễm nguồn nước mặt, nước ngầm, không khí của khu vực xung quanh. Làm ảnh hưởng đến năng suất cây trồng, làm suy giảm sự đa dạng của hệ sinh thái.

- *Quy mô, tác động:* Khi hóa chất rò rỉ ra môi trường sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến người lao động trong Dự án sau đó sẽ ảnh hưởng đến môi trường xung quanh (bao gồm không khí, môi trường nước, môi trường đất). Hóa chất cũng có thể gây ô nhiễm môi trường và phá hủy môi trường sinh thái

4.1.2. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải và biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường

4.1.2.1. Biện pháp giảm thiểu nguồn tác động liên quan đến chất thải

1. Giảm thiểu tác động của bụi, khí thải đối với môi trường không khí

a. Bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông ra vào cơ sở

- Lượng khí thải phát sinh trong giai đoạn sản xuất từ các phương tiện giao thông là không lớn, không thường xuyên. Công ty áp đã và đang áp dụng các biện pháp như:

- Bố trí người chuyên phụ trách việc dọn dẹp vệ sinh, quét dọn đường nội bộ với tần suất tối thiểu mỗi ngày một lần nhằm hạn chế tối đa lượng bụi trong khu vực Dự án.

- Có thời gian biểu cụ thể để xe chở nguyên, vật liệu và xe chở sản phẩm đi trong những khoảng thời gian hợp lý, không làm ảnh hưởng tới giao thông trong khu vực nội bộ công ty và bên ngoài;

+ Yêu cầu xe chở đúng tải trọng quy định và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về an toàn giao thông.

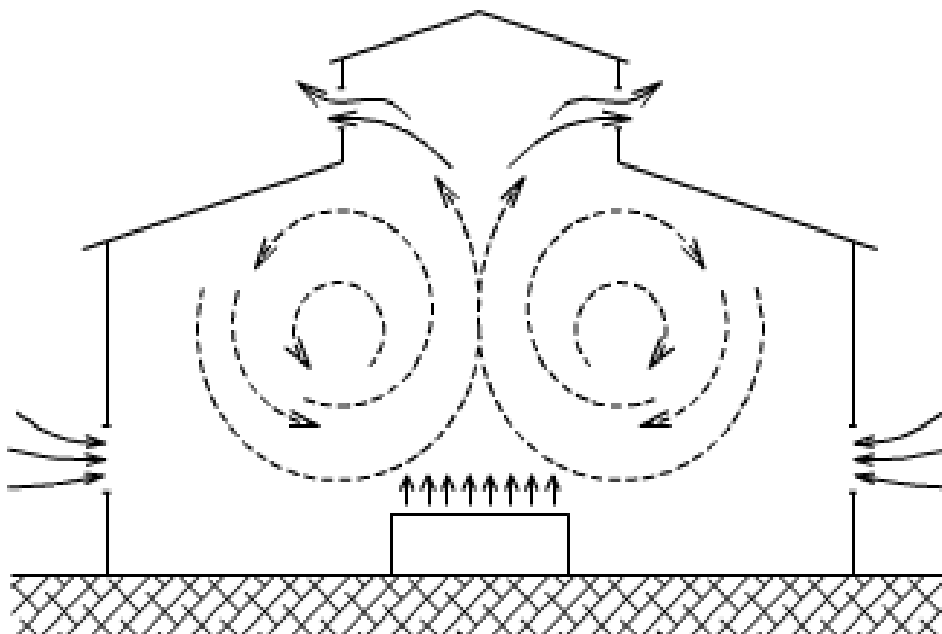
+ Khi sử dụng các xe vận tải, máy móc tham gia vào quá trình vận chuyển đều phải đạt tiêu chuẩn đăng kiểm về mức độ an toàn về môi trường mới được phép hoạt động ra vào khu vực nhà máy;

- Công ty TNHH DSP Hà Nam đã trồng cây xanh trong khuôn viên của Công ty hạn chế sự phát tán bụi, tiếng ồn do hoạt động của phương tiện giao thông, đồng thời cây xanh cũng góp phần cải thiện môi trường không khí trong khu vực, chọn các loại cây có tán rộng, có khả năng chống chịu nắng, mưa, bão.

b. Giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh trong quá trình sản xuất

- Nhằm đảm bảo sức khỏe, môi trường làm việc cho công nhân viên trong nhà xưởng, chủ dự án đã lắp đặt quạt thông gió, điều hòa công nghiệp với mục đích điều hòa không khí, giảm lượng bụi và khí thải lưu thông trong khu vực sản xuất.

- Hệ thống thông gió cho nhà xưởng được thiết kế lắp đặt chủ yếu là hệ thống thông gió cơ khí kết hợp với thông gió tự nhiên đảm bảo môi trường làm việc cho người công nhân và có bội số trao đổi không khí đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh theo quy định của TCXD.



Hình 4. Sơ đồ nguyên lý của hệ thống thông gió tự nhiên

- Khi nhiệt độ trong nhà xưởng lớn hơn nhiệt độ bên ngoài thì giữa chúng có sự chênh lệch áp suất và do có sự trao đổi không khí bên ngoài và bên trong. Các phần tử

không khí trong phòng có nhiệt độ cao, khối lượng riêng nhẹ nên bốc lên cao, tạo ra vùng chân không phía dưới phòng và không khí bên ngoài tràn vào thế chỗ. Ở phía trên các phần tử không khí bị dồn ép có áp suất lớn hơn không khí bên ngoài và thoát ra theo các cửa gió phía trên. Như vậy, ở một độ cao nhất định nào đó áp suất trong phòng bằng áp suất bên ngoài, vị trí đó gọi là trung hòa.

- Khi luồng gió đi qua tạo ra độ chênh lệch cột áp ở 2 phía của nhà xưởng ở phía đối diện trực tiếp với luồng gió, tốc độ dòng không khí giảm đột ngột nên áp suất tĩnh cao, có tác dụng đẩy không khí vào bên trong nhà xưởng. Ngược lại, phía bên đối diện của nhà xưởng có dòng không khí xoáy quẩn nên áp suất giảm xuống tạo lên vùng chân không, có tác dụng hút không khí ra khỏi nhà xưởng.

- Ngoài ra, bụi và khí thải phát sinh trong quá trình sản xuất chủ yếu là hơi hữu cơ phát sinh từ công đoạn sử dụng cùn và đùn ép nhựa. Theo kết quả tính toán tại mục 4.1.1.1 của báo cáo, nồng độ các chất ô nhiễm đều nằm dưới ngưỡng giá trị cho phép của quy chuẩn hiện hành, như vậy có thể thấy tác động của các công đoạn trên đối với môi trường lao động sản xuất và sức khỏe của người lao động là tương đối nhỏ. Tuy nhiên, để giảm thiểu tối đa các tác động xấu trong quá trình làm việc lâu dài, trong giai đoạn hiện tại, ở các công đoạn trên nhà máy đã trang bị đầy đủ đồ bảo hộ cho công nhân như: quần áo bảo hộ; mũ; găng tay; khẩu trang chuyên dụng,...

2. Giảm thiểu tác động đến môi trường nước

**** Nước thải sinh hoạt:***

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh của Công ty TNHH GT TECHNOLOGY Việt Nam sẽ theo đường ống thu gom nước thải sinh hoạt do Công ty TNHH DSP Hà Nam đã đầu tư xây dựng, sau đó dẫn về Hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất thiết kế là 50 m³/ngày.đêm

**** Hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất thiết kế là 50 m³/ngày.đêm của Công ty TNHH DSP Hà Nam***

Toàn bộ nước thải sinh hoạt của Công ty TNHH GT TECHNOLOGY Việt Nam sẽ được thu gom xử lý qua hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt với công suất 50 m³/ngày.đêm của Công ty TNHH DSP Hà Nam (đã được trình bày tại mục 3.1.2.4 của báo cáo).

3. Giảm thiểu ô nhiễm do chất thải rắn

Việc quản lý chất thải rắn thông thường phát sinh được tuân thủ theo đúng các quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

(*) Chất thải rắn sinh hoạt

- Hoạt động thu gom chất thải:

+ Thực hiện việc phân loại tại nguồn thải theo từng loại.

+ Khu vực văn phòng: Bố trí 5-7 thùng thể tích 10 lít loại có nắp lật.

- + Kho chứa chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 1 xe đẩy rác loại 500 lít có nắp đậy
- + Lưu trữ chất thải sinh hoạt về kho chứa tạm thời của Công ty có diện tích khoảng 4 m² (nằm trong kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường diện tích 10 m²).

- Tần suất thu gom: 1-2 ngày/lần.

(*) Chất thải rắn sản xuất

- Đối với sản phẩm lỗi hỏng: Khối lượng phát sinh rất ít (hầu như không có), sản phẩm lỗi hỏng phát sinh được quay lại chu trình sản xuất để sửa chữa và hạn chế tối đa không thải ra ngoài môi trường. Nguyên liệu đầu vào không đạt yêu cầu được thu gom vào các thùng carton và trả lại nhà cung cấp để xử lý.

- Nhập nguyên liệu đảm bảo chất lượng tốt;

- Những chất thải có khả năng tái chế như: giấy vụn, chai lọ nhựa, thùng carton,... sẽ được thu gom vào các thùng chứa có kích thước khác nhau bố trí xung quanh khu vực xưởng sản xuất và hợp đồng với các đơn vị thu mua tái chế định kỳ tới thu gom và vận chuyển và đưa đi xử lý;

- Bố trí tại khu vực nhà xưởng: 2-4 thùng 10-60 lít để lưu chứa chất thải.

- Nhà máy sẽ bố trí khu vực lưu giữ CTR thông thường với diện tích 6m² (nằm trong kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường diện tích 10 m²).

- Tần suất thu gom: 1 lần/ngày hoặc tùy vào vị trí phát sinh.

4. Giảm thiểu ô nhiễm do CTNH

Việc quản lý chất thải nguy hại phát sinh được tuân thủ theo đúng các quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Toàn bộ lượng CTNH phát sinh được thu gom, phân loại riêng biệt vào các thùng chứa có nắp đậy thể tích 120 lít, bao bì chứa kín và có dán biển cảnh báo, ghi rõ mã CTNH, kí hiệu và tên từng loại CTNH Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, lưu trữ tạm thời tại kho chứa diện tích 10m² được ngăn riêng biệt. Tần suất thu gom các loại CTNH này tùy thuộc vào khối lượng phát sinh.

- Thiết kế xây dựng kho lưu giữ CTNH đảm bảo các yêu cầu sau:

+ Mặt sàn trong khu vực lưu giữ CTNH bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

+ Có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ CTNH, trừ các thiết bị lưu chứa CTNH có dung dịch lớn hơn 02 m³ thì được đặt ngoài trời, có biện pháp hoặc thiết kế để hạn chế gió trực tiếp vào bên trong.

+ Có biện pháp cách ly với các loại nhóm CTNH khác có khả năng phản ứng hóa học với nhau.

+ Khu lưu giữ CTNH phải được bảo đảm không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn.

+ Khu vực lưu giữ CTNH dễ cháy, nổ bảo đảm khoảng cách không dưới 10m đối với các thiết bị đốt khác.

- Khu vực lưu giữ CTNH phải được trang bị như sau:

+ Thiết bị phòng chữa cháy theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy.

+ Vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn CTNH ở thể lỏng.

+ Biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với các loại CTNH được lưu giữ theo TCVN 6707:2009 với kích thước ít nhất 30 cm mỗi chiều.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng, thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

4.1.2.2. Biện pháp giảm thiểu nguồn tác động không liên quan đến chất thải

1. Giảm thiểu tác động của tiếng ồn, độ rung, nhiệt dư

- Lắp đặt máy móc, thiết bị đúng yêu cầu kỹ thuật nhằm làm giảm chấn động khi hoạt động như: Xây dựng bệ máy cho mỗi loại máy, cân bằng máy khi lắp đặt, lắp các bộ tắt chấn động lực dùng các kết cấu đàn hồi để giảm rung...

- Bố trí khoảng cách giữa các máy móc, thiết bị có độ ồn lớn hợp lý.

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị để đảm bảo máy luôn trong tình trạng hoạt động tốt.

- Trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân ở những khu vực có cường độ tiếng ồn cao như kính bảo hộ, khẩu trang chống bụi, ủng, găng tay, nút bịt tai... cho công nhân làm việc tại khu vực phát sinh tiếng ồn lớn.

- Bố trí thời gian nhập nguyên liệu hợp lý, hạn chế nhập nguyên liệu vào những thời điểm có nhiều công nhân hoạt động.

- Thực hiện chế độ làm việc hợp lý, điều chỉnh giảm bớt thời gian người lao động phải tiếp xúc với nguồn ồn cao.

- Đối với người lao động tại khu vực có độ ồn cao phải được trang bị các thiết bị giảm âm chống tiếng ồn nhằm tránh các bệnh nghề nghiệp mắc phải.

- Lắp đặt đệm cao su và lò xo chống rung đối với các thiết bị có công suất lớn.

- Sử dụng các loại máy móc hiện đại ít gây ra tiếng ồn lớn.

- Lắp đặt hệ thống giảm thanh cho các máy móc, thiết bị gây tiếng ồn.

Bảng 15. Các biện pháp khống chế ô nhiễm do khí thải, ồn, rung

STT	Hạng mục công trình	Các biện pháp khống chế ô nhiễm do khí thải, ồn, rung
1	Nhà văn phòng	Lắp đặt hệ thống điều hòa, thông gió
2	Nhà xưởng, các công trình phụ trợ	Nhà xưởng cao thoáng, lắp đặt hệ thống quạt thông gió

2. Giảm thiểu tác động đến kinh tế - xã hội

Để tránh xảy ra tình trạng mâu thuẫn, xung đột giữa các cán bộ công nhân viên của dự án với người dân địa phương, tránh xảy ra các tệ nạn xã hội,... Chủ dự án cam kết thực hiện tuân thủ đúng theo luật pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, phối hợp với chính quyền địa phương xây dựng các phương án, kế hoạch quản lý chặt chẽ trật tự an ninh xã hội.

- Xử lý nghiêm khắc các trường hợp cố tình vi phạm nội quy đã đề ra.

- Phổ biến quán triệt công nhân lao động nghiêm túc thực hiện an ninh trật tự không gây mất đoàn kết với người dân xung quanh.

- Chủ đầu tư cam kết sẽ phối hợp với chính quyền địa phương tăng cường cán bộ quản lý an ninh, trật tự tại địa phương. Thường xuyên giáo dục nâng cao nhận thức cho công nhân hướng tới lối sống lành mạnh.

4.2.3.3. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố của dự án

1. Biện pháp phòng ngừa sự cố cháy nổ

a. Biện pháp phòng cháy

- Lập phương án PCCC và gửi cơ quan có chức năng thẩm duyệt theo quy định;

- Công nhân trực tiếp sản xuất phải quản lý chặt chẽ các nguồn nhiệt, các thiết bị máy móc khi hoạt động có thể sinh lửa, nhiệt, các chất sinh lửa, nhiệt. Khi sử dụng phải có các biện pháp an toàn.

- Công nhân trực tiếp sản xuất phải thao tác vận hành máy móc, thiết bị đúng quy trình, thường xuyên kiểm tra các bộ phận sinh nhiệt, thực hiện bảo dưỡng định kỳ thiết bị máy móc.

- Công nhân trực tiếp sản xuất phải nắm vững các tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ của các loại nguyên vật liệu, vật tư hóa chất có trong cơ sở.

- Bảo quản, sắp xếp các loại hàng hóa, vật tư thiết bị, hóa chất, nguyên vật liệu theo đúng quy định và theo từng loại riêng biệt. Không sắp xếp chung các loại vật tư thiết bị nguyên liệu, hàng hóa mà khi tiếp xúc với nhau có thể tạo phản ứng gây cháy, nổ.

- Những nơi mà trong quá trình sản xuất sinh ra khí, hơi và bụi dễ cháy nổ thì phải lắp đặt hệ thống thông gió tự nhiên hoặc cưỡng bức, hoặc cho thêm các phụ gia trợ hạn chế nồng độ lượng chất nguy hiểm cháy, nổ xuống dưới giới hạn cháy nổ.

- Bố trí các thiết bị, dây chuyền sản xuất và nguyên liệu có tính chất nguy hiểm về cháy, nổ tại những khu vực khác nhau. Đảm bảo các khoảng cách an toàn về PCCC.

- Hạn chế để nguyên liệu, hàng hóa, tập trung tại nơi sản xuất. Chỉ để các loại hàng hóa, vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất. Các loại vật tư, nguyên liệu chưa sử dụng đến hoặc hàng hóa đã sản xuất xong phải để trong kho lưu trữ riêng biệt

- Không sử dụng nguồn nhiệt, lửa trần trực tiếp ở nơi có nguy hiểm về cháy nổ.

- Phải thường xuyên vệ sinh sạch sẽ trong các khu vực sản xuất.

- Định kỳ tổ chức tập huấn kiến thức PCCC cho cán bộ công nhân viên và kiểm tra đôn đốc mọi người thực hiện nghiêm túc an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ.

- Lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, hệ thống cấp nước chữa cháy, hệ thống chữa cháy bên ngoài.

- Tổ chức phối hợp với cơ quan chức năng về PCCC phổ biến kiến thức, huấn luyện thực hành định kỳ hàng năm cho các cán bộ công nhân viên tại nhà máy về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ khi có sự cố xảy ra.

- Cấm hút thuốc, sử dụng các vật dụng phát ra lửa tại các khu vực dễ cháy nổ, đảm bảo cách ly an toàn.

- Nghiêm túc thực hiện chế độ vận hành máy móc, công nghệ theo đúng quy trình của nhà sản xuất.

- Các thiết bị, các đường dây điện đảm bảo độ an toàn do nhà sản xuất quy định cũng như các quy định chung về chung về cách điện, cách nhiệt. Mỗi thiết bị điện đều có một cầu dao điện riêng độc lập với các thiết bị khác.

- Phối hợp với các cơ quan PCCC để trang bị đầy đủ các thiết bị và bố trí lắp đặt tại các khu vực có nguy cơ dễ phát sinh cháy nổ tại những nơi cần thiết.

- Chấp hành nghiêm túc các quy định về phòng chống cháy nổ của Nhà nước.

- Thành lập đội PCCC trong công ty.

- Các máy móc, thiết bị làm việc ở nhiệt độ, áp suất cao sẽ có hồ sơ lý lịch được kiểm tra, đăng kiểm định kỳ tại các cơ quan chức năng nhà nước.

- Đối với các loại nhiên liệu dễ cháy sẽ được lưu trữ trong các kho cách ly riêng biệt, tránh xa các nguồn có khả năng phát lửa và tia lửa điện.

- Áp dụng biện pháp nối đất thiết bị kết hợp với tự động cắt nguồn cung cấp bằng thiết bị bảo vệ đối với các bộ phận có tính dẫn điện dễ hỏng của thiết bị điện, khung kim loại của bảng điện và bảng điều khiển, vỏ kim loại của các máy điện di động và cầm tay theo quy định tại TCVN 9358:2012- Lắp đặt hệ thống nối đất thiết bị cho các công trình công nghiệp – Yêu cầu chung.

- Thường xuyên kiểm tra phát hiện và có biện pháp khắc phục kịp thời những sơ hở thiếu sót về PCCC.

b. Biện pháp chữa cháy:

- Khi phát hiện có sự cố cháy nổ phải báo ngay cho toàn cơ sở biết bằng hệ thống đèn báo.

- Cắt điện tại khu vực cháy.

- Triển khai các biện pháp chữa cháy bằng các dụng cụ, thiết bị có tại nhà máy.

- Thông báo cho cơ quan PCCC đến chữa cháy.

2. Biện pháp quản lý, phòng ngừa tai nạn lao động

Để đảm bảo sự an toàn tuyệt đối trong quá trình nhà máy đi vào hoạt động Công ty thực hiện các biện pháp để đảm bảo an toàn lao động sau:

- Xây dựng nội quy, quy trình an toàn lao động theo đúng quy định của Nhà nước.
- Trang bị đầy đủ và nhắc nhở công nhân sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân như: khẩu trang, nút bịt tai chống ồn, găng tay, ủng, quần áo bảo hộ....
- Trang bị các thiết bị sơ cứu cần thiết, được đặt trong khu vực làm việc của công nhân và phòng bảo vệ.
- Thường xuyên kiểm tra dây chuyền sản xuất để kịp thời khắc phục sự cố.
- Tổ chức bộ máy làm công tác an toàn, vệ sinh lao động theo đúng quy định tại các Điều 36, 37, 38 Nghị định số 39/2016/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động;
 - Xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động, kế hoạch ứng cứu khẩn cấp theo quy định tại các Điều 76, 78 của Luật an toàn, vệ sinh lao động;
 - Tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho 06 nhóm đối tượng theo quy định tại Nghị định số 44/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định, kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn lao động, huấn luyện an toàn lao động và quan trắc môi trường lao động.
 - Quy định an toàn sử dụng điện:
 - + Các thiết bị điện phải thực hiện tiếp đất
 - + Để tiếp đất cho các thiết bị sử dụng cọc hoặc trụ tiếp đất để tạo các hồ tiếp đất cần thiết với điện trở $R_{td} < 10\Omega$.
 - + Có các cầu dao an toàn đối với các thiết bị
 - Bố trí khu vực đỗ xe chờ không ảnh hưởng đến giao thông và hoạt động vận chuyển sản phẩm, nguyên liệu của Nhà máy.
 - Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị.
 - Lập phương án phù hợp khi có sự cố tai nạn xảy ra, thực hiện diễn tập và bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ phụ trách 1 năm/lần.

4. Biện pháp an toàn vệ sinh thực phẩm

a. Các biện pháp phòng ngừa:

Tổng số lượng cán bộ công nhân viên làm việc tại nhà máy khi hoạt động tối đa là 120 người, tuy nhiên nhà máy sẽ không tổ chức hoạt động nấu ăn. Vì vậy, Công ty sẽ đề ra các biện pháp và quy tắc thực hiện sau cho khu nhà ăn:

- Chọn những nhà cung cấp suất ăn đảm bảo.
- Đề ra nội quy và thực hiện theo Luật an toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/06/2010.
 - Đơn vị chế biến thực phẩm sẽ thực hiện mọi biện pháp để thực phẩm không bị nhiễm bẩn, nhiễm mầm bệnh có thể lây truyền sang người, động vật, thực vật.

- Đảm bảo quy trình chế biến phù hợp với quy định của pháp luật về vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Sử dụng đồ chứa đựng, bao gói, dụng cụ, thiết bị bảo đảm yêu cầu vệ sinh an toàn, không gây ô nhiễm thực phẩm.

- Công ty thành lập bộ phận y tế với tủ thuốc thường trực được lắp đặt ở các nhà xưởng sẵn sàng sơ cứu những trường hợp cán bộ công nhân viên khi bị mắc những bệnh thông thường như đau đầu, đau bụng...

b. Biện pháp ứng phó sự cố:

- Trường hợp dưới 10 người có triệu chứng ngộ độc thực phẩm:

Bộ phận y tế của nhà máy sẽ tiến hành sơ cứu, tìm hiểu nguyên nhân. Đối với bệnh nhân có những dấu hiệu nặng, thực hiện phương án chuyển bệnh nhân đến bệnh viện gần nhất để cấp cứu kịp thời.

- Trường hợp trên 10 người có triệu chứng ngộ độc thực phẩm:

+ Khi các công nhân có các triệu chứng ngộ độc thực phẩm: Đau bụng, đau đầu, buồn nôn, đi ngoài. Bộ phận y tế sẽ phối hợp với các phòng ban chức năng khác của công ty khẩn trương thành lập bệnh viện dã chiến, khu vực khám phân loại bệnh nhân.

+ Đối với các bệnh nhân có những dấu hiệu nặng, thực hiện phương án chuyển bệnh nhân đến bệnh viện gần nhất để cấp cứu kịp thời.

+ Đối với các bệnh nhân còn lại, tổ chức điều trị tại bệnh viện dã chiến của công ty. Phối hợp với các cơ quan chức năng tìm hiểu nguyên nhân gây ngộ độc thực phẩm và thực hiện các biện pháp khắc phục.

5. Các biện pháp giảm thiểu tai nạn tắc nghẽn giao thông

- Phổ biến Luật giao thông đường bộ tới từng cán bộ công nhân làm việc trong nhà máy và thường xuyên giám sát thực hiện. Công việc này sẽ giao cho Phòng An toàn sức khỏe môi trường (HSE) thực hiện;

- Tích cực hưởng ứng tháng an toàn giao thông quốc gia;

- Phối hợp với chính quyền địa phương để dẹp bỏ các hàng quán, cửa hàng,... trong và xung quanh khu vực nhà máy nhằm tránh tắc nghẽn giao thông.

6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó với sự cố hoá chất

- Các kỹ thuật viên và công nhân vận hành các thiết bị chuyên dụng có các yêu cầu cao về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ khi tuyển dụng đều qua lớp tập huấn, bồi dưỡng các quy trình vận hành, an toàn lao động và được cấp chứng chỉ mới được đưa vào vận hành sản xuất ở các xưởng.

- Hàng năm, cán bộ quản lý, phụ trách an toàn – vệ sinh lao động được tập huấn lại về nghiệp vụ chuyên môn, cập nhật các văn bản, quy phạm pháp luật về an toàn – vệ sinh lao động – phòng cháy chữa cháy của nhà nước và tổ chức định kỳ đào tạo, huấn luyện về an toàn hóa chất cho người lao động.

- Khi tiếp xúc với hóa chất cần phải chú ý đến kỹ thuật an toàn. Trong phòng làm việc phải treo bảng về kỹ thuật an toàn và người làm việc phải biết rõ điều đó.

- Khi mở chai hóa chất cần chú ý tránh để hóa chất phụt ra ngoài. Những nắp đậy bình hóa chất dễ cháy thì không được hở trên ngọn lửa để mở. Người sử dụng hóa chất cần nắm vững tính chất của từng loại hóa chất. Hóa chất đựng trong bình phải có nhãn hiệu rõ ràng.

- Trang thiết bị và lực lượng ứng phó sự cố hóa chất:

+ Cán bộ công nhân viên trong nhà máy có thể mắc phải các bệnh nghề nghiệp như: viêm giác mạc, dị ứng... Chính vì thế, ngoài các biện pháp an toàn lao động trong thiết kế, việc hướng dẫn an toàn lao động cho công nhân là việc rất cần thiết.

+ Toàn bộ cán bộ công nhân viên trực tiếp làm việc trong nhà máy được trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động và bắt buộc phải sử dụng trong quá trình sản xuất.

+ Thiết lập hệ thống báo cháy tại kho chứa hóa chất.

+ Đội chữa cháy thường xuyên được huấn luyện thực hành các phương án ứng phó sự cố cháy nổ hóa chất để luôn đáp ứng được yêu cầu.

- Biện pháp ứng phó sự cố hóa chất và khắc phục hậu quả sự cố hóa chất:

+ Với phương châm phòng là chính, công tác triển khai các biện pháp phòng ngừa sự cố hóa chất được thực hiện nghiêm túc và được kiểm tra huấn luyện thường xuyên. Tuy nhiên, khi có sự cố hóa chất xảy ra, tùy theo mức độ sự cố áp dụng kịp thời các các biện pháp sau:

+ Lực lượng công nhân vận hành, an toàn viên tại các xưởng cùng với lực lượng phòng cháy chữa cháy xử lý sự cố rò rỉ tại chỗ.

+ Thông báo với Ban kỹ thuật an toàn và lãnh đạo nhà máy để có sự chỉ đạo phối hợp xử lý sự cố đồng bộ.

+ Khi xảy ra sự cố hóa chất nghiêm trọng, lãnh đạo nhà máy áp dụng biện pháp ứng phó sự cố khẩn cấp: Dừng sản xuất, thực hiện kế hoạch sơ tán người, kịp thời thông báo cho lực lượng phòng cháy chữa cháy, cơ quan đơn vị chủ quản, chính quyền địa phương nơi gần nhất để phối hợp ứng phó và khắc phục sự cố.

+ Dùng các biện pháp phối hợp với Ban Quản lý KCN tỉnh Hà Nam, cảnh sát PCCC, Sở Công Thương và các cơ quan liên quan kịp thời huy động lực lượng tại chỗ và cần thiết để thực hiện các biện pháp ứng cứu, sơ tán người, tài sản của các công trình xung quanh khu vực nhà máy.

+ Phối hợp với lực lượng công an, quân đội địa phương để đảm bảo trật tự trị an, đảm bảo trật tự giao thông để công tác ứng phó, xử lý sự cố của các đơn vị phối hợp được kịp thời.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư:
“Dự án đầu tư sản xuất các sản phẩm điện tử”

+ Phối hợp với các bệnh viện, trạm xá, các cơ quan y tế địa phương tổ chức ứng cứu, sơ cứu tại chỗ và di chuyển người bị nạn tới các cơ sở cứu chữa kịp thời.

+ Thông báo cho Ủy ban cứu hộ, cứu nạn cấp tỉnh và các cơ quan nhà nước liên quan để có sự chỉ đạo và xử lý sự cố đúng luật định.

+ Thực hiện phương án khắc phục sự cố hóa chất theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Kế hoạch thực hiện:

+ Lắp đặt các bảng chỉ dẫn an toàn hóa chất (bảng MSDS - Material Safety Data Sheet) nhằm mục đích báo cho người lao động về thuộc tính của các loại hóa chất, các khả năng gây thương tổn tiềm ẩn của hóa chất trong khu vực sản xuất. Bảng MSDS được đưa ra để cho những người cần phải tiếp xúc hay làm việc với hóa chất đó, không kể là dài hạn hay ngắn hạn các trình tự để làm việc với nó một cách an toàn hay các xử lý cần thiết khi bị ảnh hưởng của nó:

+ Ngăn cấm công nhân mang vật dụng phát sinh nhiệt ra vào khu vực lưu trữ hóa chất.

+ Không được hút thuốc hay ăn uống khi sử dụng hóa chất.

+ Trang bị dụng cụ bảo hộ lao động (găng tay, khẩu trang, mắt kính...) cho công nhân viên khi chiết rót hóa chất.

+ Đảm bảo hóa chất giao nhận được lưu giữ vào kho đúng vị trí, đảm bảo an toàn và có thể dễ dàng nhìn thấy nhãn.

+ Không sử dụng hóa chất đã quá hạn sử dụng.

+ Có tủ thuốc để sơ cứu khi xảy ra sự cố, tủ thuốc phải có băng tiệt trùng, băng tam giác, gạc đệm vô trùng cho mắt, kim tây, băng vết thương tiệt trùng, thuốc rửa vết thương...

4.2. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

Danh mục các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của “Dự án đầu tư sản xuất các sản phẩm điện tử” của Công ty TNHH GT TECHNOLOGY Việt Nam được tổng hợp trong bảng dưới đây:

Bảng 16. Danh mục các công trình bảo vệ môi trường của dự án

STT	Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường	Số lượng	Ghi chú
I	Các hạng mục công trình chính		
1	Khu lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt với diện tích 4m ²	01	Đã đầu tư xây dựng
2	Khu lưu trữ chất thải rắn công nghiệp thông thường với diện tích 6 m ²	01	Đã đầu tư xây dựng
3	Kho lưu trữ chất thải nguy hại với diện tích 10m ²	01	Đã đầu tư xây dựng
II	Các hạng mục công trình phụ trợ		
1	Hệ thống thông gió trong nhà xưởng	01	Đã đầu tư xây dựng

Ngoài các hạng mục công trình bảo vệ môi trường chính và công trình bảo vệ môi trường phụ trợ, Công ty thường xuyên tổ chức tổng vệ sinh, quét dọn khu vực sân bãi

và bên trong các xưởng sản xuất đảm bảo môi trường làm việc thân thiện. Ngoài ra, định kỳ 1 năm/1 lần tổ chức hoạt động trồng cây xanh xung quanh khu vực khuôn viên nhà máy tạo môi trường làm việc xanh - sạch - đẹp.

4.3. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả nhận dạng, đánh giá, dự báo

Báo cáo đề xuất cấp GPMT dự án: “*Dự án đầu tư sản xuất các sản phẩm điện tử*” của Công ty TNHH GT TECHNOLOGY Việt Nam đã nêu được chi tiết và đánh giá đầy đủ các tác động môi trường, các rủi ro, sự cố môi trường có thể xảy ra trong quá trình thi công xây dựng nhà xưởng, lắp đặt máy móc thiết bị và hoạt động của nhà máy.

Các nội dung đánh giá về nước thải, khí thải, chất thải rắn phát sinh từ các quá trình của Dự án là đầy đủ, có cơ sở khoa học và đáng tin cậy vì được đánh giá dựa trên các cơ sở sau:

Mức độ tin cậy của các phương pháp sử dụng được nêu tại Bảng sau:

Bảng 17. Mức độ tin cậy của các phương pháp sử dụng trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

STT	Phương pháp	Độ tin cậy	Nguyên nhân
1	Phương pháp đánh giá nhanh	Trung bình	Dựa vào hệ số ô nhiễm do tổ chức Y tế Thế giới thiết lập nên chưa thật sự phù hợp với điều kiện Việt Nam
2	Phương pháp so sánh	Cao	Kết quả phân tích có độ tin cậy cao
3	Phương pháp danh mục kiểm tra	Cao	Đưa ra các nguồn tác động, đối tượng chịu tác động và hệ quả của những tác động đó nên giúp việc đánh giá được đầy đủ, độ tin cậy và độ chính xác cao
4	Phương pháp liệt kê	Trung bình	Phương pháp chỉ đánh giá định tính hoặc bán định lượng, dựa trên chủ quan của người đánh giá
5	Phương pháp điều tra, khảo sát	Cao	Dựa vào hiện trạng, điều kiện môi trường, kinh tế xã hội khu vực thực hiện Dự án

- Các phương pháp tính toán nguồn gây ô nhiễm cũng như đánh giá các tác động tới môi trường từ các nguồn gây ô nhiễm được sử dụng trong báo cáo là các phương pháp đã và đang được các tổ chức trong nước cũng như nước ngoài sử dụng. Như phương pháp dự báo nồng độ bụi khi thi công, phương pháp dự báo lượng khí phát thải do các phương tiện thi công được tính toán dựa theo hướng dẫn của Cục Môi trường Mỹ, hướng dẫn của WHO để đánh giá, nên việc đánh giá này có mức độ tin cậy cao.

- Các kết quả phân tích mẫu nước, mẫu khí do các cơ quan chuyên môn có chức năng phân tích mẫu, đã được các cơ quan chức năng kiểm định nên có mức độ tin cậy và độ chính xác cao.

- Phương pháp danh mục kiểm tra đưa ra các nguồn tác động, đối tượng chịu tác động và hệ quả của những tác động đó. Do đó, phương pháp này giúp việc đánh giá được đầy đủ, độ tin cậy và độ chính xác cao.

- Về mức độ chi tiết

Các đánh giá về các tác động môi trường do việc triển khai thực hiện của dự án được thực hiện một cách tương đối chi tiết, báo cáo đã nêu được các tác động đến môi trường trong từng giai đoạn thi công và hoạt động của dự án. Đã nêu được các nguồn ô nhiễm chính trong từng giai đoạn thi công và hoạt động của dự án.

- Về hiện trạng môi trường

Nhóm nghiên cứu GPMT đã đi hiện trường, lấy mẫu, đo đạc tại hiện trường và phân tích mẫu bằng phương pháp mới, với thiết bị hiện đại. Độ tin cậy của các kết quả phân tích các thông số môi trường tại vùng Dự án đảm bảo độ chính xác cao.

- Về mức độ tin cậy

Các phương pháp áp dụng trong quá trình thực hiện GPMT có độ tin cậy cao. Hiện đang được áp dụng rộng rãi ở Việt Nam cũng như trên thế giới. Việc định lượng các nguồn gây ô nhiễm từ đó so sánh kết quả tính toán với các Tiêu chuẩn cho phép là phương pháp thường được áp dụng trong quá trình GPMT. Các công thức để tính toán các nguồn gây ô nhiễm được áp dụng trong quá trình GPMT của dự án như: Công thức tính phát tán nguồn đường... đều có độ tin cậy cao, tuy nhiên khi áp dụng cho khu vực nghiên cứu thực tế còn có sai số nhất định.

Tuy nhiên, một số phương pháp đã sử dụng trong thời gian dài từ thế kỷ trước chưa đáp ứng hết sự biến đổi ngày càng nhanh và phức tạp của môi trường hiện nay. Mức độ tin cậy không những phụ thuộc vào phương pháp đánh giá, các công thức mà còn phụ thuộc vào các yếu tố sau:

- Các thông số đầu vào (điều kiện khí tượng) đưa vào tính toán là giá trị trung bình năm do đó kết quả chỉ mang tính trung bình năm. Để có kết quả có mức độ tin cậy cao sẽ phải tính toán theo từng mùa, hoặc từng tháng.

- Đánh giá đối với các tính toán về lưu lượng, nồng độ và khả năng phát tán khí độc hại và bụi

- Để tính toán tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm do hoạt động của các phương tiện vận tải và máy móc thiết bị thi công trên công trường gây ra được áp dụng theo các công thức thực nghiệm cho kết quả nhanh, hoặc các hệ số phát thải của WHO có độ chính xác tương đối do lượng chất ô nhiễm này còn phụ thuộc vào chế độ vận hành như: lúc khởi động nhanh, chậm, hay dừng lại đều có sự khác nhau mỗi loại xe, hệ số ô nhiễm mỗi loại xe.

- Để tính toán phạm vi phát tán các chất ô nhiễm trong không khí báo cáo tính toán trên cơ sở coi như toàn bộ khu hoạt động là một nguồn phát thải, tính toán trên tổng

lượng nguyên nhiên liệu sử dụng, sử dụng các công thức thực nghiệm trong đó có các biến số phụ thuộc vào nhiều yếu tố khí tượng như tốc độ gió, khoảng cách,... và được giới hạn bởi các điều kiện biên lý tưởng. Do vậy, các sai số trong tính toán là không tránh khỏi.

- Đánh giá đối với các tính toán về tải lượng, nồng độ và phạm vi phát tán các chất ô nhiễm trong nước thải

- Về lưu lượng và nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải: Nước thải sinh hoạt căn cứ vào nhu cầu sử dụng của cá nhân ước tính lượng thải do vậy kết quả tính toán sẽ có sai số xảy ra do nhu cầu của từng cá nhân trong sinh hoạt là rất khác nhau.

- Về lưu lượng và thành phần nước mưa chảy tràn cũng rất khó xác định do lượng mưa phân bố không đều trong năm do đó lưu lượng nước mưa là không ổn định. Thành phần các chất ô nhiễm trong nước mưa chảy tràn phụ thuộc rất nhiều vào mức độ tích tụ các chất ô nhiễm trên bề mặt cũng như thành phần đất đá khu vực nước mưa tràn qua.

- Về phạm vi tác động: để tính toán phạm vi ảnh hưởng do các chất ô nhiễm cần xác định rõ rất nhiều các thông số về nguồn tiếp nhận. Do thiếu các thông tin này nên việc xác định phạm vi ảnh hưởng chỉ mang tính tương đối.

- Đánh giá đối với các tính toán về phạm vi tác động do tiếng ồn

Tiếng ồn được định nghĩa là tập hợp của những âm thanh tạp loạn với các tần số và cường độ âm rất khác nhau, tiếng ồn có tính tương đối và thật khó đánh giá nguồn tiếng ồn nào gây ảnh hưởng xấu hơn. Tiếng ồn phụ thuộc vào:

- Tốc độ của từng xe
- Hiện trạng đường: độ nhẵn mặt đường, độ dốc, bề rộng, chất lượng đường, khu vực
- Các công trình xây dựng hai bên đường
- Cây xanh (khoảng cách, mật độ)

Xác định chính xác mức ồn chung của dòng xe là một công việc rất khó khăn, vì mức ồn chung của dòng xe phụ thuộc rất nhiều vào mức ồn của từng chiếc xe, lưu lượng xe, thành phần xe, đặc điểm đường và địa hình xung quanh, v.v... Mức ồn dòng xe lại thường không ổn định (thay đổi rất nhanh theo thời gian), vì vậy người ta thường dùng trị số mức ồn tương đương trung bình tích phân trong một khoảng thời gian để đặc trưng cho mức ồn của dòng xe và đo lường mức ồn của dòng xe cũng phải dùng máy đo tiếng ồn tích phân trung bình mới xác định được.

CHƯƠNG V:

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

5.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

Trong quá trình hoạt động sản xuất của dự án “Dự án đầu tư sản xuất các sản phẩm điện tử” của Công ty TNHH GT TECHNOLOGY Việt Nam sẽ phát sinh nước thải với lưu lượng khoảng 6 m³/ngày.đêm. Tuy nhiên, toàn bộ lượng nước thải phát sinh tại dự án sẽ được xử lý sơ bộ qua trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 50 m³/ngày.đêm (Trạm xử lý nước thải của Công ty TNHH DSP Hà Nam). Nước thải sau xử lý đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT trước khi được thải ra hệ thống thoát nước thải chung của KCN Đồng Văn IV.

Vì vậy, “Dự án đầu tư sản xuất các sản phẩm điện tử” của Công ty TNHH GT TECHNOLOGY Việt Nam không phải thực hiện nội dung cấp phép môi trường đối với nước thải.

5.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

5.2.1. Nguồn phát sinh

- Nguồn số 1: Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của máy móc, thiết bị làm việc trong xưởng sản xuất;

- Nguồn số 2: Tiếng ồn từ các phương tiện tham gia vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm ra vào Công ty, từ phương tiện giao thông của cán bộ công nhân viên khi đi làm và tan ca.

5.2.2. Mức ồn rung tối đa

- Nguồn số 1: Tối đa: 70dB;

- Nguồn số 2: Tối đa: 70dB;

5.2.3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn và độ rung tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung và các Quy chuẩn hiện hành khác có liên quan.

*** Bảng giá trị tiếng ồn**

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	70	55	-

*** Bảng giá trị độ rung**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	
1	70	55	-

CHƯƠNG VI:

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÁC CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

- Dự án “Dự án đầu tư sản xuất các sản phẩm điện tử” của Công ty TNHH GT TECHNOLOGY Việt Nam không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

- Dự án “Dự án đầu tư sản xuất các sản phẩm điện tử” của Công ty TNHH GT TECHNOLOGY Việt Nam không thuộc đối tượng quan trắc chất thải định kỳ. Trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 50 m³/ngày.đêm của Công ty TNHH DSP Hà Nam do Công ty TNHH DSP Hà Nam thực hiện quan trắc định kỳ.

CHƯƠNG VII:

CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

7.1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường

Chúng tôi cam kết rằng những thông tin, số liệu nêu trên trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường là đúng sự thực. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

7.2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan

7.1.1. Cam kết đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường Việt Nam trong quá trình hoạt động

Chủ Dự án cam kết trong quá trình hoạt động của Dự án “*Dự án đầu tư sản xuất các sản phẩm điện tử*” đảm bảo đạt các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn môi trường Việt Nam, bao gồm:

- *Môi trường không khí xung quanh*: đảm bảo nằm trong ngưỡng cho phép của **QCVN 05:2013/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; **QCVN 06:2009/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

- *Môi trường không khí khu vực lao động*: **QCVN 02:2019/BYT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; **QCVN 03:2019/BYT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc

- *Tiếng ồn*: Đảm bảo độ ồn sinh ra từ quá trình hoạt động của Dự án nằm trong ngưỡng cho phép của **QCVN 26:2010/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

- *Chất thải rắn thông thường*:

+ Thu gom, vận chuyển đến nơi xử lý theo đúng yêu cầu an toàn vệ sinh.

+ Cam kết việc quản lý chất thải rắn tuân thủ Nghị định 08/2022/NĐ-CP về quản lý chất thải và phế liệu.

- *Chất thải nguy hại*: Tuân thủ theo đúng quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

- *Nước thải*: Công ty sẽ thuê Công ty TNHH DSP Hà Nam xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom chung của KCN Đồng Văn IV.

7.1.2. Cam kết thực hiện tất cả các biện pháp, quy định chung về bảo vệ môi trường

Chủ Dự án cam kết đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thực hiện đầy đủ, đúng các nội dung của báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường được phê duyệt;

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư:
“Dự án đầu tư sản xuất các sản phẩm điện tử”

- Chủ dự án cam kết bồi thường thiệt hại nếu để xảy ra các sự cố môi trường;
- Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các Công ước Quốc tế, các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn Việt Nam và nếu để xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường.

PHỤ LỤC

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 3212021881

Chứng nhận lần đầu: Ngày 03 tháng 11 năm 2022

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư công, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 238/QĐ-TTg ngày 14 tháng 02 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban quản lý các KCN tỉnh Hà Nam;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định về mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định 26/2016/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2016 của UBND tỉnh Hà Nam về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam;

Căn cứ Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo của Nhà đầu tư GT (HK) Techonology Co., Limited,

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HÀ NAM

Chúng nhận:

Nhà đầu tư: GT (HK) Techonology Co., Limited; Địa chỉ: Flat/Rm A, 9/F, Unit L220 Man Foong Ind Bldg, 7 Cheung Lee St, Chai Wan, Hong Kong, Trung Quốc; Đăng ký doanh nghiệp số 2579316, cấp ngày 14/9/2017, nơi cấp: Đặc khu hành chính Hong Kong.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Yang Qingsong; Chức vụ: Giám đốc; Sinh ngày: 04/9/1972; Quốc tịch: Trung Quốc; Hộ chiếu số: E96137473, cấp ngày: 22/02/2017, nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Công an Trung Quốc; Địa chỉ thường trú: Phòng 701, tầng 7, thành phố Hoa Khoa, số 183, đường Chonghuan Middle, thị trấn Shijie, thành phố Đông Quán, Trung Quốc.

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án: Tổ chức kinh tế mà nhà đầu tư GT (HK) Techonology Co., Limited dự kiến thành lập để quản lý vận hành và thực hiện dự án này tại Hà Nam có tên là Công ty TNHH GT Việt Nam.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư.

1. Tên dự án đầu tư: DỰ ÁN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT CÁC SẢN PHẨM ĐIỆN TỬ

2. Mục tiêu dự án: Sản xuất giá đỡ màn hình đa chức năng, thiết bị chuyển đổi đa năng.

3. Quy mô dự án: Giá đỡ màn hình đa chức năng: 120.000 chiếc/năm, Thiết bị chuyển đổi đa năng: 1.800.000 chiếc/năm

4. Địa điểm thực hiện dự án: Khu công nghiệp Đồng Văn IV, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

5. Diện tích sử dụng: 2.056 m² (Hai nghìn không trăm năm mươi sáu mét vuông, thuê nhà xưởng, văn phòng của Công ty TNHH DSP Hà Nam).

6. Tổng vốn đầu tư: 500.000 USD (Năm trăm nghìn đô la Mỹ) tương đương 11.410.000.000 VNĐ (Mười một tỷ bốn trăm mười triệu đồng Việt Nam).

Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án là 500.000 USD (Năm trăm nghìn đô la Mỹ) tương đương 11.410.000.000 VNĐ (Mười một tỷ bốn trăm mười triệu đồng Việt Nam), chiếm 100% tổng vốn đầu tư.

Giá trị, tỷ lệ, phương thức và tiến độ góp vốn:

TT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tiến độ góp vốn
		VNĐ	Tương đương USD			
1	GT (HK) Techonology Co., Limited	11.410.000.000	500.000	100	Bằng tiền, máy móc thiết bị	Đến tháng 01/2023

- Vốn huy động: 0.

7. Thời hạn hoạt động của dự án: Đến ngày 15/5/2027

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

a) Tiến độ góp vốn: Đến tháng 01/2023

b) Tiến độ thực hiện các nội dung chủ yếu của dự án đầu tư:

Hoàn thành cải tạo nhà xưởng, lắp đặt máy móc thiết bị và đưa dự án đi vào hoạt động: Đến tháng 4/2023.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

Dự án được hưởng các ưu đãi đầu tư (nếu có), hỗ trợ khác theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3: Các điều kiện đối với hoạt động của dự án.

Nhà đầu tư, tổ chức kinh tế phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng và thực hiện báo cáo trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật.



Nhà đầu tư phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quy hoạch đầu tư, xây dựng, đất đai, bảo vệ môi trường; các nội dung ghi tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và các quy định của pháp luật khác có liên quan trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện dự án đầu tư tại Hà Nam.

Ban quản lý các KCN tỉnh Hà Nam sẽ điều chỉnh các ưu đãi đầu tư, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư nếu Nhà đầu tư không thực hiện đúng các cam kết, các nội dung tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này hoặc vi phạm các quy định của pháp luật trong quá trình đầu tư, sản xuất kinh doanh tại Hà Nam.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này gồm 03 (Ba) trang và được lập thành 02 (Hai) bản gốc, một bản cấp cho nhà đầu tư, một bản lưu tại Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư. *y*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
 - Lãnh đạo Ban;
 - Các Sở, ngành: Kế hoạch & Đầu tư; Tài nguyên & Môi trường; Công Thương; Tài chính; Xây dựng; Công an tỉnh; Cục Thống kê, Cục Thuế, Chi cục Hải quan;
 - Các phòng chuyên môn;
 - Lưu: VT, QLĐT.
- 2022/QLĐT/GT Việt Nam.

TRƯỜNG BAN

QUAN LÍ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HÀ NAM

Ngày 28-11-2022
6091

Số phiếu lưu..... Quyển số..... SCT/BS

Trần Văn Kiên



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Văn Hòa



BẢN SAO
COPY

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH HÀ NAM
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0700867158

Đăng ký lần đầu: ngày 24 tháng 11 năm 2022

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH GT TECHNOLOGY VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GT TECHNOLOGY VIETNAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: GT (VN) CO.,LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

Nhà xưởng số 2, Lô CN-14, Khu công nghiệp Đồng Văn IV, Xã Nhật Tân, Huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam

Điện thoại: 0977541724

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ

11.410.000.000 đồng

Bằng chữ: Mười một tỷ bốn trăm mười triệu đồng

Tương đương 500.000 USD (Năm trăm nghìn đô la Mỹ)

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: GT (HK) TECHNOLOGY CO., LIMITED

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 2579316

Ngày cấp: 14/09/2017 Nơi cấp: Đặc khu hành chính Hong Kong

Địa chỉ trụ sở chính: Flat/Rm A, 9/F, Unit L220 Man Foong Ind Bldg, 7 Cheung Lee St, Chai Wan, Hong Kong, Trung Quốc

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Independence – Freedom - Happiness

HỢP ĐỒNG THUÊ XƯỞNG

FACTORY LEASE CONTRACT

Số / No: ...02.../DSPHN-2022

Căn cứ / Base:

- Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015 và các nghị định, thông tư và văn bản hướng dẫn liên quan;
Pursuant to Civil Law No. 91/2015/QH13 issued by NA of SRV dated November 24th 2015 and Decrees, Circulars and other relevant guidance documents;

- Luật thương mại được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/6/2005 theo Nghị quyết số 33/2005/QH11 và các nghị định, thông tư và văn bản hướng dẫn liên quan;
Pursuant to Commercial Law issued by NA of SRV dated June 14th 2005 followed by Decree No. 33/2005/QH11 and other Decrees, Circulars and other relevant guidance documents;

- Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/05/2018 của Chính phủ về việc ban hành Quy định về quản lý Khu công nghiệp và khu kinh tế;
Pursuant to Decree No. 82/2018/ND-CP dated on May 22th 2018 of Government promulgating Regulations on Management of Industrial Zones and Economic Zones;

- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn liên quan.
Pursuant to Decree No. 118/2015/ND-CP dated on November 12th 2015 of Government detailed regulations and guided implementation some articles of Investment Law and other relevant guidance documents.

- Hợp đồng thuê xưởng số 01/DSP HN/2022 ký ngày 20/04/2022 giữa Công ty TNHH DSP Hà Nam và GT (HK) Technology Co.,Limited;
Factory lease contract No. 01/DSP HN/2022 signed on April 20, 2022 between DSP Ha Nam Co., Ltd and GT (HK) Technology Co.,Limited;

- Căn cứ khả năng và thoả thuận của các bên,
Based on mutual agreement of the two parties,

Hôm nay, ngày 24 tháng 11 năm 2022, Chúng tôi gồm:

Today, dated on 24 November, 2022, We include:

I. BÊN CHO THUÊ/ THE LESSOR

CÔNG TY TNHH DSP HÀ NAM

Ư

DSP HA NAM COMPANY LIMITED

Địa chỉ: Lô CN-14, Khu Công nghiệp Đồng Văn IV, xã Nhật Tân, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Address: Lot CN-14, Dong Van IV Industrial Park, Nhat Tan Commune, Kim Bang District, Ha Nam Province

Điện thoại / Tel: 0966595846 Fax: 04 3784 9852

Người đại diện: **Bà Đinh Lê Hạnh** Chức vụ: Giám đốc

Representative: Ms Dinh Le Hanh Position: Director

Mã số thuế / Tax code: 0700846912

Số tài khoản: 11900 287 4705 – Ngân hàng Vietinbank CN Phúc Yên

Account number: 11900 287 4705 at Vietinbank – Phuc Yen Branch

*(Sau đây gọi tắt là **Bên A**)/(Hereinafter as "**Party A**")*

Và/and

II. BÊN THUÊ/THE LESSEE: CÔNG TY TNHH GT TECHNOLOGY VIỆT NAM

Địa chỉ: Nhà xưởng số 2, Lô CN-14, Khu công nghiệp Đồng Văn IV, xã Nhật Tân, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Address: Factory No. 2, Lot CN-14, Dong Van IV Industrial Park, Nhat Tan Commune, Kim Bang District, Ha Nam Province

Đại diện: **Ông YANG, QINGSONG** Chức vụ: **Giám đốc**

Representative: Mr YANG, QINGSONG Position: Director

Điện thoại/tel: 0977541724

Mã số thuế/ tax code: **0700867158**

*(Sau đây gọi là "**Bên B**")(Hereinafter as "**Party B**")*

Bên A và Bên B sau đây được gọi riêng rẽ là "Bên" và gọi chung là "Các Bên".

Party A and Party B are hereinafter referred to as "Party" and collectively as "Parties".

Các bên cùng thống nhất ký kết Hợp đồng thuê xưởng với các nội dung như sau:

The parties agree to sign a factory lease contract with the following contents:

ĐIỀU 1 DIỆN TÍCH, VỊ TRÍ THUÊ XƯỞNG

ARTICLE 1: AREA, POSITION FOR LEASING

1.1 Bên A đồng ý cho Bên B thuê và Bên B đồng ý thuê từ Bên A Nhà xưởng số 2 thuộc sở hữu hợp pháp của bên A tại Lô CN-14, Khu Công nghiệp Đồng Văn IV, xã Nhật Tân, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

Party A agrees to lease to Party B and Party B agrees to lease from Party A Factory No.2 legally owned by Party A at Lot CN-14, Dong Van IV Industrial Park, Nhat Tan Commune, Kim Bang District, Ha Nam Province.

1.2. Các Bên đồng ý với các thông số chính của Nhà xưởng như sau:

- Nhà xưởng mới chưa sử dụng, tường panel + gạch, tôn mái Bluescope, nền bê tông;

- Đèn chiếu sáng tiêu chuẩn: 150LUX/m²; (đèn trong nhà xưởng)
- Hệ thống chống sét cho Nhà Xưởng;
- Hệ thống phòng cháy chữa cháy theo phương án đã được thẩm duyệt;

The Parties agree with the following main parameters of the Factory:

- *New unused factory, wall panel + bricks, Bluescope roof, concrete floor;*
- *Standard lighting: 150LUX / m²; (light in the factory)*
- *Lightning protection system for the Workshop;*
- *Fire protection system: according to the approved plan;*

1.3. Mục đích thuê / Rental purpose

Các bên đồng ý tham gia ký kết Hợp đồng này để bên B sử dụng nhà xưởng được thuê này làm trụ sở chính triển khai dự án đầu tư theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: 3212021881 do Ban quản lý các KCN tỉnh Hà Nam cấp ngày 03/11/2022 (bao gồm cả các lần thay đổi, nếu có).

The parties agree to enter into this Contract for Party B to use this leased factory as the head office to deploy the investment project according to Investment Registration Certificate No: 3212021881 issued by the Ha Nam Management Board of Industrial Parks on 03/11/2022 (including changes, if any).

ĐIỀU 2: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG VÀ THỜI HẠN THUÊ

ARTICLE 2: VALIDITY OF THE CONTRACT AND RENTAL TERM

2.1 Thời hạn thuê Nhà xưởng được tính từ ngày 24/11/2022 đến ngày 14/05/2027

Factory lease term is from November 24, 2022 to May 14, 2027

Các Bên có thể gia hạn thời hạn thuê Nhà xưởng theo thỏa thuận bằng văn bản được Các Bên ký kết trước khi hết thời hạn thuê ít nhất 03 (ba) tháng.

The Parties may extend the Lease term according to a written agreement signed by the Parties before the lease term expires at least 03 (three) months.

2.2 Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.

This Contract is effective from the date of signing.

2.3. Sau khi Hợp đồng có hiệu lực, không bên nào được đơn phương hủy ngang Hợp đồng. Nếu một trong hai bên cố tình hủy ngang hợp đồng trước thời hạn hoặc vi phạm nghiêm trọng các điều khoản đã ký kết thì phải bồi thường bằng số tiền đặt cọc.

After the contract takes effect, neither Party may unilaterally terminated the contract. If either party intentionally cancels the contract ahead of time or seriously violates the signed terms, it must compensate by the amount of the deposit.

ĐIỀU 3: TIỀN ĐẶT CỌC

ARTICLE 3: DEPOSIT

3.1. Để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của mình, Bên B đặt cọc cho Bên A số tiền tương đương **06 tháng** tiền thuê (chưa bao gồm thuế VAT).

To ensure the performance of its obligations, Party B pays Party A an amount equivalent to 06 months' rent (VAT not included).

Công ty mẹ của bên B là công ty GT (HK) Technology Co., Limited đã thực hiện việc đặt cọc cho bên A ngày 20/04/2022. Bên A ghi nhận số tiền đặt cọc là: **1.092.212.478 VNĐ**. Theo Hợp đồng thuê xưởng số: 01/DSP HN/2022 ký ngày 20/04/2022 giữa Bên A và GT (HK) Technology Co., Limited, bên B (công ty con của GT (HK) Technology Co., Limited) sẽ kế thừa khoản tiền đặt cọc nêu trên cho Hợp đồng thuê xưởng chính thức này.

Party B's parent company, GT (HK) Technology Co., Limited has made a deposit for Party A on April 20, 2022. Party A records the deposit as: 1,092,212,478 VND. According to the Factory Lease Contract No: 01/DSP HN/2022 signed on April 20, 2022 between Party A and GT (HK) Technology Co., Limited, Party B (a subsidiary of GT (HK) Technology Co., Limited) will inherit the above deposit for this Official Lease Contract

3.2. Khoản tiền đặt cọc này là tài sản bảo đảm sẽ được Bên A giữ trong suốt thời gian thuê. Bên B không được gán nợ cho bất kỳ nghĩa vụ thanh toán nào ngoài nghĩa vụ với bên A theo Hợp đồng này, kể cả nghĩa vụ khi Bên B bị tuyên bố phá sản hoặc có các nghĩa vụ phải thanh toán theo phán quyết của Tòa án.

This deposit is considered a security asset that will be kept by Party A during the rental period. Party B may not assign debt to any payment obligation other than this Contract, including obligations when Party B is declared bankrupt or has payment obligations under a Court judgment.

3.3. Số tiền đặt cọc này sẽ được hoàn trả cho bên B đúng bằng số tiền Việt Nam Đồng đặt cọc đã được ghi có vào tài khoản của bên A tại thời điểm đặt cọc sau khi hai bên kết thúc hợp đồng thuê, thanh lý hợp đồng, đối trừ tất cả các nghĩa vụ phải trả của Bên B đối với Bên A (nếu có) và có Biên bản bàn giao trả lại nhà máy cho Bên A được ký bởi Hai bên.

This deposit will be reimbursed to Party B in the amount of Vietnam Dong deposit already credited to Party A's account at the time of deposit after the two parties terminate the lease contract, liquidate the contract, except for all payable obligations of Party B to Party A (if any) and have a Minutes of handing over and returning the factory to Party A signed by both parties.

ĐIỀU 4: THANH TOÁN TIỀN THUÊ NHÀ XƯỞNG

ARTICLE 4: FACTORY RENTAL PAYMENT

4.1 Đơn giá thuê và Bảng tiền thuê kỳ thứ nhất (12 tháng)

Unit rent and rental table for the first period (12 months)

Tỷ giá tạm tính: 1USD = 23.085 VNĐ

Provisional exchange rate: 1 USD = 23,085 VND

kk

TT / No	Hạng mục / Items	Diện tích / Area	Đơn giá (m2/tháng) / Unit (m2 / month)		Thành tiền (chưa bao gồm thuế)/tháng / Amount (excluding tax) / month	
			USD	VNĐ	USD	VNĐ
1	Nhà xưởng số 2 <i>Factory no.2</i>	1.792,0	3,0	69.255	5.376,0	124.104.960
2	Văn phòng nx2 (2 tầng) <i>Office (2 floors)</i>	528,0	4,0	92.340	2.112,0	48.755.520
3	Phí dịch vụ chung <i>General service fee</i>	1	300,0	6.925.500	300,0	6.925.500
4	Phí quản lý KCN <i>IP management fee</i>	2.320,0	0,51 USD/m2/ năm	11.635 VNĐ/ m2/ năm	98,6	2.249.433
5	Tiền điện, nước, phí xử lý nước thải sẽ thanh toán theo thực tế sử dụng/ <i>Electricity, water, sewage treatment fee will be paid according to actual use</i>					
	Giá điện/ <i>Electricity</i>		4.587VNĐ/KW			
	Giá nước/ <i>Water</i>		11.500VNĐ/m3			
	Phí xử lý nước thải / <i>Wastewater treatment fee</i>		12.000VNĐ/m3			
	Tổng / Total				7.886,60	182.035.413
	Thuế VAT 10% / VAT 10%				788,66	18.203.541
	Thành tiền 1 tháng (Bao gồm VAT) / Amount 1 month (Including VAT)				8.675,26	200.238.955

Giá thuê ổn định trong 02 (hai) năm đầu tiên của thời hạn Hợp đồng. Cho mỗi năm tiếp theo, giá thuê sẽ được điều chỉnh tăng nhưng không vượt quá 5% đơn giá của năm liền kề trước đó, kể cả trong trường hợp Hợp đồng được tiếp tục gia hạn sau khi hết thời hạn hợp đồng.
The rental price is stable for the first 02 (two) years of the Contract term. For each subsequent year, the rental price will be adjusted to increase but not exceed 5% of the unit price of the preceding year, even if the Contract is renewed after expiration.

4.2. Phí quản lý KCN, đơn giá điện, nước, phí xử lý nước thải chưa bao gồm VAT và là đơn giá tại thời điểm ký Hợp đồng, sẽ được điều chỉnh nếu nhà cung cấp điều chỉnh đơn giá.

LCT

Industrial park management fee, unit price of electricity, water, and wastewater treatment fee are exclusive of VAT and are the unit price at the time of Contract signing, will be adjusted if the unit price is adjusted by the supplier.

4.3 Bên B sẽ tự lựa chọn nhà cung cấp và tự thanh toán tiền điện thoại, internet ... theo thực tế sử dụng của mình.

Party B will choose the provider and pay for the phone, internet ... according to its actual use.

4.4 Thời hạn thanh toán / *Payment term:*

4.4.1. Tiền thuê : Thanh toán **03 tháng/lần**

Factory rent: Payment every 3 months

- Chậm nhất ngày 13/01/2023, Bên B thanh toán cho Bên A số tiền **1.861.317.000 VNĐ** cho các Kỳ thuê từ **15/05/2022 – 14/02/2023**.

No later than January 13, 2023, Party B pays Party A an amount of VND 1,861,317,000 for the lease periods from May 15, 2022 to February 14, 2023

- Các kỳ thanh toán tiếp theo, bên B thanh toán tiền thuê **03 tháng/lần**, chậm nhất trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc cuối cùng của kỳ thanh toán liền trước.

For the next payment periods, Party B pays the rent every 03 months, within the last 07 (seven) working days of the preceding payment period.

4.4.2. Các khoản phí khác / *Other fees:*

- Tiền điện, nước, phí xử lý nước thải sẽ được Bên B thanh toán sau khi nhận được thông báo **hàng tháng** của Bên A.

Electricity, water, wastewater treatment fee will be paid by Party B after receiving Party A's monthly notice.

4.5 Nếu Bên B chậm thanh toán tiền thuê theo thời hạn tại khoản 4.4 nêu trên thì phải có văn bản gia hạn được Bên A chấp thuận nhưng cũng không được chậm quá 10 ngày. Trong trường hợp việc thanh toán chậm quá 10 ngày, Bên A sẽ tạm dừng việc sử dụng nhà xưởng của Bên B để chờ giải quyết việc thanh toán. Đồng thời, Bên B sẽ phải thanh toán cho Bên A khoản lãi phạt quá hạn đối với khoản tiền chậm thanh toán đó tính từ thời điểm cuối cùng Bên B phải trả Bên A đến ngày trả hết khoản tiền đó với lãi suất bằng 1.5 lần theo lãi suất cơ bản được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đăng ký tại thời điểm đó.

If Party B late payment of rent within the prescribed time at 4.4 Article, there must be a written extension approved by Party A, but no later than 10 days. In case the payment is more than 10 days later, Party A will suspend the use of Party B 's factory for pending settlement and and at the same time, Party B shall pay Party A the overdue penalty interest with the late payment amount from the last day Party B must pay Party A until the full payment of that money at the interest rate is 1.5 times at the base interest rate announced by the State Bank of Vietnam at that time.

Ut

Trường hợp chậm thanh toán quá 20 ngày, bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không bị phạt do lỗi chậm thanh toán của bên B.

In case of late payment for more than 20 days, Party A has the right to unilaterally terminate the contract without penalty due to Party B's late payment error.

4.6 Phương thức thanh toán / *Payment method*

- Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng

Payment currency: Vietnam dong

- Các kỳ thanh toán sẽ áp dụng Đơn giá tại cột tiền USD nhân với tỷ giá USD/VND bán ra của ngân hàng Vietinbank tại từng thời điểm thanh toán.

The unit price in column USD will be multiplied by the selling rate of USD / VND sold by Vietinbank at each time of payment.

Tiền thuê thanh toán bằng chuyển khoản vào tài khoản sau:

Payment by bank transfer to the following account:

CÔNG TY TNHH DSP HÀ NAM
DSP HA NAM COMPANY LIMITED

Tài khoản / *Account No: 11900 287 4705*

tại Ngân hàng Công thương - CN Phúc Yên
at Vietinbank – Phuc Yen branch

Swift code: ICBVVNVX260

Hoặc một tài khoản khác do bên A chỉ định tại công văn đề nghị thanh toán.

Or other account is suggested by Party A at the request for payment

ĐIỀU 5: SỬA CHỮA VÀ BẢO TRÌ NHÀ XƯỞNG

ARTICLE 5: REPAIRMENT AND MAINTENANCE

5.1 Bên B bằng chi phí của mình có trách nhiệm tự sửa chữa, thay thế các hư hỏng bao gồm nhưng không giới hạn các hỏng hóc do hao mòn tự nhiên, thiên tai, hay bất kì lỗi nào khác (nếu có) kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu bàn giao Nhà xưởng.

Party B at its own expense is responsible for repairing and replacing damage including but not limited to damage caused by natural wear and tear, natural disaster, or any other fault (if any) from the date of purchase. Sign the Minutes of acceptance and handover of the Factory.

5.2. Đối với hệ thống PCCC: Hàng năm, bên B có trách nhiệm thuê 1 đơn vị có đủ điều kiện kinh doanh về PCCC để bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa và thay thế hệ thống PCCC tại diện tích thuê của bên mình theo đúng quy định để hệ thống PCCC hoạt động ổn định. Có biên bản xác nhận của 3 bên gồm chủ nhà máy, bên thuê, bên thi công phòng cháy và bảo trì hệ thống.

For fire protection system: Every year, Party B is responsible for hiring a unit that has sufficient conditions for fire prevention and fighting business to maintain, repair and replace the fire protection system at the leased area of the company in accordance with regulations

Utt

for the fire protection system to operate stably. There is a written certification of 3 parties including the factory owner, the lessee, the fire prevention and system maintenance contractor.

5.3. Hàng năm, bên B phải gửi cho bên A Giấy chứng nhận bảo hiểm tài sản cho tài sản của mình chậm nhất trước ngày 31/01.

Every year, Party B must send Party A a Property Insurance Certificate for its property no later than January 31.

ĐIỀU 6: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

ARTICLE 6 : RIGHTS AND RESPONSIBILITIES OF PARTIES

6.1 Quyền và nghĩa vụ của bên cho thuê:

Rights and responsibilities of Lessor

6.1.1. Bên A chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của việc cho thuê của mình theo quy định của luật pháp Việt Nam và đảm bảo bên B sử dụng diện tích thuê và công trình cho thuê một cách hợp pháp và không có tranh chấp với bất kỳ bên thứ 3 nào khác.

Party A is responsible for the legality of their lease under the provisions of Vietnamese Law and ensure Party B can use the leased area and building legally and there is no any disputes with any third party.

6.1.2. Bên A đảm bảo cung cấp đủ nguồn điện, nước sạch cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt của bên B.

Party A must ensure adequate supply of power, clean water for production, business and daily life of the party B.

6.1.3. Bên A phải đảm bảo việc nghiệm thu và thực hiện biện pháp Phòng cháy chữa cháy (PCCC), chống sét theo đúng Giấy chứng nhận đã được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Party A must ensure the acceptance and take measures fire protection, lightning protection in accordance with the Certificate approved by the Competent State agency.

6.1.4. Bàn giao nhà xưởng sạch sẽ (không hỏng hóc, lở tường, dột mái, hỏng cửa...) theo đúng thời gian hai bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng này.

To hand over the factory clean (no damage, no wall slide, no leaking roof, no broken doors...) in accordance with the time agreed by the two parties in this Contract.

6.1.5. Chịu trách nhiệm thanh toán tiền thuê đất hàng năm, tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, tiền phí, thuế và các nghĩa vụ pháp lý khác với tư cách là người sử dụng đất trong quá trình thực hiện Hợp đồng.

To be responsible for paying annual rent, non-agricultural land use tax, fees, taxes and other legal obligations as a land user during the implementation of the Contract.

6.1.6. Xuất hóa đơn tài chính phù hợp với loại hình doanh nghiệp mà bên A đăng ký cho các khoản tiền mà bên B đã thanh toán.

1/18

To issue a financial invoice in accordance with the type of enterprise that Party A has registered for the amount of money that Party B has paid.

6.1.7. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật..

Other rights and obligations as prescribed by law.

6.2 Quyền và nghĩa vụ của Bên Thuê:

Rights and responsibilities of Lessee

6.2.1 Bên Thuê có trách nhiệm thanh toán cho Bên Cho Thuê đầy đủ và đúng hạn Tiền thuê nêu tại Điều 4 của Hợp Đồng này.

Lessee is responsible for payment to Lessor available and on time as mentioned as Article 4 of this Contract.

6.2.2 Bên Thuê tự chịu trách nhiệm về hoạt động sản xuất kinh doanh của mình tại diện tích thuê, phải hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng quy định pháp luật của nhà nước Việt Nam.

Lessee is responsible for their own business transaction within rented area in accordance with the laws of the State of Vietnam.

6.2.3 Bên Thuê không được tự ý cho thuê lại, chuyển nhượng hoặc chuyển đổi cho cá nhân, tổ chức khác một phần hay toàn bộ diện tích Công Trình Cho Thuê.

Lessee do not have rights to sublease, agree or transform to other individuals, organizations partly or fully of the factory.

6.2.4 Trong thời gian thuê, Bên Thuê không được phép thay đổi, phá bỏ hoặc sửa chữa kết cấu bất kỳ một phần nào của Công Trình Cho Thuê. Trong trường hợp Bên Thuê thay đổi, phá bỏ hoặc sửa chữa bất kỳ một phần nào mà không có sự đồng ý của Bên Cho Thuê sẽ bị xem như Bên Thuê đã vi phạm các điều khoản của Hợp đồng này. Lúc đó, Bên Thuê sẽ phải chịu trách nhiệm khôi phục Công Trình Cho Thuê lại tình trạng ban đầu và nếu nhà xưởng bị cơ quan cảnh sát PCCC đình chỉ hoạt động thì Bên B phải bồi thường cho mọi thiệt hại, chịu mọi khoản phạt và tiền thuê trong suốt thời gian bị đình chỉ. Trường hợp việc thay đổi công trình dẫn đến những thay đổi phải bổ sung, điều chỉnh về Phòng cháy chữa cháy thì bên B tự chịu chi phí thẩm duyệt, nghiệm thu Phòng cháy chữa cháy theo phương án mới.

During time of leasing, Lessee is not allowed to change, demolish or repair any structural part of the factory for lease. In circumstances, Lessee change, demolish or repair any part of factory that without agreement of the owner, it will be regarded as the Lessee has violated the terms of this Contract. At that time, Lessee will be responsible for restoring factory like the original status and if the factory is suspended by the fire police agency, Party B must compensate for all damages, bear all fines and rent for the duration of the suspension. And if the change of works leads to changes and supplements to fire prevention and fighting, Party B shall bear the cost of appraising, approving and checking fire prevention and fighting according to the new plan.

Utt

6.2.5 Bên Thuê có trách nhiệm quản lý người lao động trong đơn vị của mình. Chấp hành tốt các quy định về an ninh trật tự, an toàn lao động, an toàn phòng chống cháy nổ tiếng ồn và không gây ô nhiễm môi trường trong phạm vi diện tích đã thuê.

Lessee is responsible for manage employees in their company. Obligation regulations of order security, labor safety, fire safety and noise and do not pollute environment within rented area.

6.2.6. Bên Thuê tự lập đề án bảo vệ môi trường theo ngành nghề giấy chứng nhận đầu tư của mình; lập sổ chủ nguồn thải; tự xây dựng hệ thống xử lý nước thải trong nhà xưởng để đảm bảo nước thải đạt tiêu chuẩn như quy định trước khi thải ra hệ thống chung của Khu công nghiệp.

The Lessee shall prepare the project of environmental protection by own investment certificate; prepare the waste source owner book; self-built wastewater treatment system in the factory to ensure the standard wastewater as prescribed before being discharged into the industrial system.

6.2.7. Bên Thuê tự bảo vệ, quản lý tài sản, máy móc và tự mua bảo hiểm cho tài sản của mình. Bên Thuê tự tổ chức cho cán bộ công nhân viên của mình tập huấn nghiệp vụ PCCC hàng năm theo quy định pháp luật Việt Nam. Trong trường hợp để xảy ra cháy nổ tại khu vực xưởng và làm ảnh hưởng sang các khu vực lân cận do hoạt động sản xuất của Bên Thuê, Bên Thuê phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật, phải bồi thường thiệt hại cho các bên liên quan cũng như bồi thường lại tài sản cho Bên Cho Thuê. Bên Thuê tự chịu hoàn toàn trách nhiệm trước các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường đối với vấn đề ô nhiễm môi trường, chất thải công nghiệp, chất thải sinh hoạt... liên quan đến hoạt động sản xuất của mình trong suốt thời gian thuê.

Lessee must self-protect and manage assets, machines and buy insurance for their own property. Lessee organize for their employees to be trained in annual courses of fire and prevention as regulations of Vietnamese Law. In the case of the occurrence of fire in the area of factorys and do influence into neighboring regions due to production activities of the Lessee, Lessee must bear full responsibility in front of law, and to pay damages for relevant parties as well as compensation for the assets to the other renters. Lessee shall take full responsibility in front of authority agency on environmental pollution issues, industrial waste, domestic waste ... related to their manufacturing operations during time of leasing.

6.2.8. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Other rights and obligations as prescribed by law.

ĐIỀU 7: VI PHẠM HỢP ĐỒNG

ARTICLE 7: CONTRACT VIOLATIONS

7.1 Nếu một Bên không thực hiện đúng những cam kết và nghĩa vụ của mình được quy định trong Hợp Đồng (“Bên Vi Phạm”), Bên còn lại (“Bên Bị Vi Phạm”) có quyền gửi thông báo

108

bằng văn bản đến Bên Vi Phạm mô tả phạm vi, tính chất của vi phạm và yêu cầu Bên Vi Phạm khắc phục vi phạm với chi phí của mình trong một thời hạn hợp lý được chỉ rõ trong thông báo ("Thời Hạn Khắc Phục").

If one party fails to comply with these commitments and obligations stipulated in this contract ("the Offending Party"), the remaining party ("the Aggrieved Party") may send a writing notice to the Offending Party describe the scope and nature of the violations and require the offending party recover their violations by their cost in a reasonable period specified in the notice ("Term of Recovery ")

7.2 Bên bị Vi Phạm có quyền tạm dừng thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng này trong Thời Hạn Khắc Phục. Khi hết Thời Hạn Khắc Phục thì bên bị Vi Phạm có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng mà không bị phạt. Bên Vi Phạm phải bồi thường cho bên còn lại một khoản tương đương số tiền đặt cọc.

The aggrieved party has the right to suspend implementation of its obligations under this contract during the Term of Recovery. Upon the expiration of the Settlement Period, the aggrieved party has the right to unilaterally terminate the Contract without penalty. The Violating Party must compensate the other party an amount equivalent to the deposit amount.

7.3 Bên bị Vi Phạm có quyền đòi Bên Vi Phạm bồi thường những thiệt hại thực tế và chính đáng phát sinh bởi việc vi phạm Hợp Đồng.

Aggrieved party may claim compensation from the offending party with actual and legitimate damages arising from violations of the contract.

7.4 Nếu hợp đồng bị vi phạm do nguyên nhân bất khả kháng quy định tại Điều 8 dưới đây thì không bên nào bị phạt và hai bên thương lượng để giải quyết hợp đồng và hoàn trả cho nhau những gì đã nhận.

If the contract is violated due to the force majeure provisions of Article 8 as below, neither party be fined and the two parties negotiate to resolve the contract and refund to each other what they have received.

ĐIỀU 8: SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG

ARTICLE 8: FORCE MAJEURE

8.1. Sự Kiện Bất Khả Kháng là tất cả những sự kiện xảy ra một cách khách quan, ngoài tầm kiểm soát của Các Bên, không lường trước được, không thể tránh được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, ngăn cản việc thực hiện Hợp Đồng của một hoặc Các Bên. Sự Kiện Bất Khả Kháng có thể bao gồm: động đất, núi lửa, bão, lũ lụt, hỏa hoạn, chiến tranh, đình công, bạo loạn, việc thay đổi của luật pháp, sự ngăn cấm của Nhà Nước hay những sự kiện khác chưa thể lường trước được, không thể ngăn chặn hay kiểm soát được.

The Force Majeure is described as all happenings in an objective, out of control of the parties, unforeseeable, unavoidable and can not be overcome despite taking all necessary

llt

measures and allowable ability, prevents the implementation of a party or the Parties. Force Majeure may include: earthquakes, volcanoes, hurricanes, floods, fires, war, strike, the change of law, the prohibition of State or other events unpredictable, or impossible to stop or control.

8.2 Hậu quả của Sự Kiện Bất Khả Kháng:

Consequences of Force Majeure

8.2.1. Nếu một Sự Kiện Bất Khả Kháng xảy ra, nghĩa vụ phải thực hiện theo Hợp Đồng của Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện đó sẽ được tạm hoãn trong thời gian bị ảnh hưởng bởi Sự Kiện Bất Khả Kháng và sẽ được tự động ra hạn một thời hạn bằng với thời gian tạm hoãn mà không bị coi là vi phạm Hợp Đồng.

If a Force Majeure occurs, the obligation to comply with the contract of affected Parties from such event will be suspended for the affected period by the Force Majeure Event and will be free deadline extension by the suspension period without being regarded as a violation of the contract.

8.2.2. Bên bị ảnh hưởng bởi Sự Kiện Bất Khả Kháng sẽ phải ngay lập tức thông báo với Bên còn lại bằng văn bản và phải cung cấp đầy đủ chứng cứ về việc xảy ra, thời gian của Sự Kiện Bất Khả Kháng trong thời hạn 7 ngày sau đó. Bên bị ảnh hưởng bởi Sự Kiện Bất Khả Kháng cũng phải sử dụng tất cả mọi nỗ lực hợp lý để chấm dứt Sự Kiện Bất Khả Kháng.

Affected party from the Event of Force Majeure shall immediately notify the other party in writing and must provide sufficient evidence of the occurrence, duration of the Event of Force Majeure is within 7 days then. Affected party by the Event of Force Majeure shall also use all reasonable endeavors to terminate the Force Majeure Event.

8.2.3. Trong trường hợp xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng, Các Bên phải ngay lập tức tham vấn lẫn nhau để tìm ra một giải pháp công bằng và phải sử dụng tất cả những nỗ lực hợp lý để giảm thiểu hậu quả của Sự Kiện Bất Khả Kháng đó.

In case of an Event of Force Majeure, the Parties shall immediately consult each other in order to find an equally solution and shall use all reasonable efforts to minimize the consequences of such Force Majeure.

ĐIỀU 9: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

ARTICLE 9: TERMINATION OF CONTRACT

9.1 **Hợp đồng này sẽ chấm dứt trong các trường hợp sau:**

This Contract will be terminated in the following cases:

9.1.1 Hợp Đồng sẽ chấm dứt khi hết thời hạn thuê được quy định tại Điều 2 mà các bên không có thoả thuận khác.

Contract will terminate upon the expiration of the lease term specified in Article 2 that the parties don't have any other agreement.

ut

Trong trường hợp này, Bên A sẽ trả lại cho Bên B tiền đặt cọc (bằng tiền VNĐ) mà không phải trả bất kỳ khoản lãi nào trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt Hợp đồng và sau khi hai bên ký biên bản bàn giao và thanh lý Hợp đồng, Bên B thanh toán tất cả các chi phí Bên B phải thanh toán (nếu có) như: tiền thuê còn thiếu, các hư hỏng Nhà xưởng do Bên B gây ra mà không khắc phục trước khi bàn giao lại cho Bên A... (trừ các hao mòn tự nhiên).

In this case, Party A will return to Party B the deposit amount (in VND) without any interest amount within 07 (seven) working days as from the date of termination of the Contract upon signing of the hand-over minutes and liquidation of the Contract of Parties and payment of all payables (if any) of Party B such as the remaining rental, the damage is caused by Party B without remedy before handing over to Party A... (except for nature wear and tear).

9.1.2 Đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng trước thời hạn:

Unilaterally terminate the performance of the contract ahead of time

Sau khi Hợp đồng có hiệu lực, không bên nào được đơn phương hủy ngang Hợp đồng, trừ các trường hợp được phép đơn phương chấm dứt Hợp đồng quy định trong Hợp đồng này và pháp luật Việt Nam. Nếu một trong hai Bên đơn phương hủy ngang hợp đồng trước thời hạn mà không có sự đồng ý của bên kia sẽ phải bồi thường cho Bên còn lại số tiền tương đương tiền đặt cọc.

After the Contract takes effect, neither party may unilaterally cancel the Contract, except for the cases where it is allowed to unilaterally terminate the Contract specified in this Contract and Vietnamese law. If either Party unilaterally cancels the contract before the deadline without the consent of the other party, it will have to compensate the other Party an amount equivalent to the deposit.

9.1.3 Chấm dứt Hợp đồng do bên B vi phạm điều khoản thanh toán hoặc các nghĩa vụ, trách nhiệm trong Hợp đồng:

Termination of Contract due to Party B's breach of payment terms or obligations and responsibilities in the Contract.

9.1.3.1. Nếu Bên B chậm thanh toán tiền thuê theo thời hạn tại khoản 4.4 thì phải có văn bản gia hạn được Bên A chấp thuận nhưng cũng không được chậm quá 10 ngày. Trong trường hợp việc thanh toán chậm quá 10 ngày, Bên A sẽ tạm dừng việc sử dụng nhà xưởng, đóng cổng ra vào của Bên B để chờ giải quyết việc thanh toán. Đồng thời, Bên B sẽ phải thanh toán cho Bên A khoản lãi phạt quá hạn đối với khoản tiền chậm thanh toán đó tính từ thời điểm cuối cùng Bên B phải trả Bên A đến ngày trả hết khoản tiền đó với lãi suất bằng 1.5 lần theo lãi suất cơ bản được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đăng ký tại thời điểm đó.

If Party B late payment of rent within the prescribed time at 4.4 Article, there must be a written extension approved by Party A, but no later than 10 days. In case the payment is

Ut

more than 10 days later, Party A will temporarily suspend the use of the factory, close the entrance gate of Party B to wait for payment and at the same time, Party B shall pay Party A the overdue penalty interest with the late payment amount from the last day Party B must pay Party A until the full payment of that money at the interest rate is 1.5 times at the base interest rate announced by the State Bank of Vietnam at that time.

Trong trường hợp bên B chậm thanh toán quá 30 ngày theo Điều 4 hoặc bên B vi phạm nghiêm trọng các điều khoản đã cam kết tại Hợp đồng theo Điều 7, bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn do bên B vi phạm Hợp đồng và bên B phải bồi thường bằng số tiền đặt cọc; tiền lãi phạt chậm thanh toán; tiền bồi thường các thiệt hại liên quan đến việc vi phạm của bên B.

In case Party B is more than 30 days late in payment according to Article 4 or Party B seriously violates the terms committed in the Contract according to Article 7, Party A has the right to unilaterally terminate the Contract before the deadline set by Party B. breach the Contract and Party B must compensate by the amount of the deposit; interest on late payment penalty; compensation for damages related to Party B's breach.

9.1.3.2. Nếu bên B vi phạm hợp đồng dẫn đến bên B bị đơn phương chấm dứt hợp đồng theo nội dung trên hoặc sau khi kết thúc hợp đồng trong vòng 21 ngày mà bên B không hoàn tất thủ tục chấm dứt GCNĐT, ĐKKD tại địa chỉ nhà xưởng thuê của bên A, bên A có quyền gửi hồ sơ đến Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam, Cục Thuế tỉnh Hà Nam và Sở kế hoạch đầu tư Hà Nam yêu cầu hủy địa chỉ mà bên A cho bên B thuê trên đăng ký chứng nhận đầu tư, ĐKKD của bên B.

If Party B breaches the contract leading to Party B unilateral termination of the contract according to the above content or after the contract is terminated within 21 days, Party B does not complete the procedures for terminating the IRC, ERC at address Party A's rented workshop, Party A has the right to send a documents to Ha Nam Industrial Parks Management Board, Ha Nam Provincial Tax Department and Ha Nam Department of Planning and Investment request cancellation of the address that Party A leases to Party B on the IRC, ERC of Party B.

9.2. Bàn giao lại Nhà xưởng:

Handing over the factory:

9.2.1. Khi hết thời hạn thuê Nhà xưởng, Bên B sẽ bàn giao lại Nhà xưởng cho Bên A sau khi đã tháo dỡ và di chuyển toàn bộ tài sản của Bên B ra khỏi Nhà xưởng trong khoảng thời gian tối đa là 30 ngày kể từ ngày hết hạn hợp đồng. Bên B sẽ chịu trách nhiệm trả cho Bên A tiền thuê Nhà xưởng căn cứ theo số ngày quá hạn thực tế và tiền thuê này được đối trừ vào tiền đặt cọc.

At the end of the factory lease term, Party B will hand over the Factory to Party A after dismantling and removing all of Party B's assets from the Factory within a maximum period

108

of 30 days from the contract expiration date. Party B will be responsible to pay Party A the rent of the Factory based on the actual number of overdue days and this rent will be deducted from the deposit.

9.2.2. Bàn giao lại nhà xưởng trong trường hợp Bên B bị đơn phương chấm dứt Hợp đồng do vi phạm theo Điều 9.1.3:

Handing over the factory in case Party B unilaterally terminates the Contract due to a violation under Article 9.1.3:

Trong vòng 07 ngày kể từ ngày Bên A thông báo đơn phương chấm dứt bằng văn bản, Bên B có trách nhiệm di chuyển tài sản của Bên B ra khỏi nhà xưởng của Bên A để bàn giao trả lại nhà xưởng cho bên A.

Within 07 days from the date of Party A's written notice of unilateral termination, Party B is responsible for moving Party B's assets out of Party A's factory to hand over the factory to Party A.

Nếu quá 10 ngày hoặc quá 03 lần thông báo bằng văn bản của Bên A mà Bên B cố tình không đến nhận bàn giao tài sản thì coi như Bên B từ bỏ tài sản. Bên A có quyền đưa toàn bộ tài sản của Bên B ra khỏi khu vực thuê và lấy lại nhà xưởng để tiếp tục kinh doanh.

If it is more than 10 days or more than 03 times of written notice of Party A, but Party B deliberately does not come to receive the property, it is considered that Party B abandons the property. Party A has the right to take all of Party B's assets out of the leased area and reclaim the factory to continue factory business.

Nếu Bên B có văn bản xin gia hạn việc chuyển tài sản ra khỏi diện tích thuê thì Bên A sẽ di chuyển tài sản của Bên B đến vị trí thích hợp khác và Bên B phải chịu mọi chi phí lưu giữ này.

If Party B has a written request to delay the recovery of the property at the rented area, Party A will move Party B's property to another suitable location and Party B must bear all these storage costs.

9.2.3. Trong trường hợp chấm dứt Hợp Đồng trước thời hạn theo Điều 8, Các Bên đồng ý rằng, Bên B có trách nhiệm báo trước việc chấm dứt và thanh toán tiền đền bù (nếu có) trước khi tháo dỡ và di chuyển toàn bộ tài sản của Bên B ra khỏi Nhà máy để bàn giao lại Nhà máy cho Bên A.

In case of early termination of the Contract according to Article 8, the Parties agree that Party B is responsible for prior notice of the termination and compensation payment (if any) before dismantling and removing all assets. Party B leaves the Factory to hand over the Factory to Party A.

9.2.4. Trong thời gian sử dụng, bên B làm hư hỏng nhà xưởng như: làm chập cháy hệ thống điện, Trạm biến áp, xe và quệt....thì trước khi bàn giao, bên B có trách nhiệm sửa chữa lại.

LC*

Trường hợp bên B không sửa chữa, Bên A sẽ tự thực hiện và trừ vào khoản tiền đặt cọc của bên B.

During use, the B damage factory such as firing electrical systems, Substation, car hitting ... before handing over, party B shall be responsible for repairing. In case Party B do not corrected, Party A will self-repair and deduct from the deposit of Party B.

ĐIỀU 10: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

10.1. Hợp Đồng này và Phụ lục đính kèm (nếu có) cấu thành nên toàn bộ thỏa thuận giữa Các Bên về các vấn đề liên quan. Mọi thỏa thuận trước đây về các vấn đề liên quan nêu trên được huỷ bỏ và thay thế bởi Hợp Đồng này.

This contract and appendix contract attached (if any) will be made an agreement between parties about relevant issues. Any agreement before time about above issues should be removed and replaced by this contract.

10.2. Nếu có bất kỳ Điều khoản nào của Hợp Đồng được xác định là vô hiệu hoặc không thể thực hiện được thì các Điều khoản khác vẫn được thực hiện ở mức tối đa.

If there is any provisions of this contract is determined ineffective or impossible to implement, other provisions still implement maximum.

10.3. Hợp Đồng này chỉ được sửa đổi, bổ sung bằng Phụ lục Hợp Đồng với sự đồng ý của Các Bên.

This contract is just amended, added by an Appendix Contract with mutual agreement of the two parties.

10.4. Mọi tranh chấp phát sinh trước hết phải được giải quyết thông qua thương lượng trên tinh thần hợp tác, bình đẳng cùng có lợi. Trong trường hợp Các Bên không tự giải quyết được thì tranh chấp sẽ được đưa ra giải quyết tại tòa án kinh tế có thẩm quyền tại Việt Nam.

Any disputes arising must solve via negotiations in the spirit of co-operation, equality with mutual interest. If any disputes can not be resolved by negotiation, such dispute shall be referred to the competent court in Viet Nam.

10.5. Những Điều khoản không được quy định trong Hợp Đồng này sẽ được thực hiện theo quy định của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam và các quy định của pháp luật hiện hành.

These terms are not defined in this Contract shall be implemented in accordance with the provisions of Ha Nam Industrial Zones Authority and the provisions of the current law.

10.6. Hợp đồng thuê xưởng số 01/DSP HN/2022 ký ngày 20/04/2022 giữa Công ty TNHH DSP Hà Nam và GT (HK) Technology Co., Limited hết hiệu lực và được thay thế bởi Hợp Đồng này. Bên B kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Công ty mẹ là GT (HK) Technology Co., Limited theo Hợp đồng.

Factory lease contract No. 01/DSP HN/2022 signed on April 20, 2022 between DSP Ha Nam Co., Ltd and GT (HK) Technology Co., Limited expires and is replaced by this Contract. Party

B inherits all rights and obligations of the parent company GT (HK) Technology Co., Limited under the Contract.

10.6. Hợp Đồng thuê Nhà xưởng này được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt và tiếng Anh, có giá trị ngang nhau, mỗi bên giữ 02 bản để làm căn cứ thực hiện. Nếu có sự sai khác về nghĩa giữa Tiếng Anh và Tiếng Việt thì Tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.

Lease Contract is made into 04 copies in Vietnamese and English with same equal value, each party keeps 02 copies to make the basis for implementation. If there is a difference in meaning between the English and Vietnamese, the Vietnamese is prevailed.

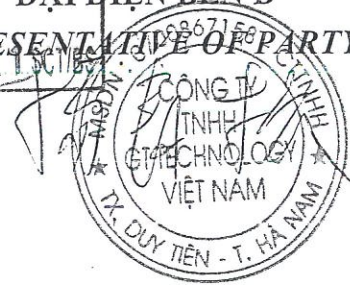
Ngày: 17-03-2023

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

REPRESENTATIVE OF PARTY A

REPRESENTATIVE OF PARTY B



GIÁM ĐỐC
YANG, QINGSONG



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Văn Hòa



M.S.D.N.
H.N.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 407/QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Đồng Văn IV, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam”



BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Đồng Văn IV, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam” họp ngày 07 tháng 12 năm 2016;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Đồng Văn IV, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam” đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo Văn bản số 25/TCT-BQLDA ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Tổng Công ty Vigracera - CTCP;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Đồng Văn IV, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam” (sau đây gọi là Dự án) được lập bởi Tổng Công ty Vigracera - CTCP với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi, quy mô của Dự án:

Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Đồng Văn IV, tại xã Đại Cường, xã Nhật Tựu và xã Nhật Tân, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam với diện tích 300 ha, bao gồm các hạng mục công trình chính: San nền; hệ thống cấp nước; hệ thống thoát nước mưa; hệ thống thoát nước thải; trạm xử lý nước thải tập trung công suất 3.600 m³/ngày đêm; hồ điều hòa dung tích 25.000 m³; trạm bơm cấp nước; hệ thống đường giao thông và hệ thống cấp điện và thông tin liên lạc.



2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với Dự án:

2.1. Thực hiện phân khu chức năng trong Khu công nghiệp đảm bảo diện tích cây xanh trong phạm vi Khu công nghiệp đạt tỷ lệ 13,25% tổng diện tích của Khu công nghiệp và chỉ tiếp nhận vào Khu công nghiệp các dự án đầu tư thuộc những ngành công nghiệp đăng ký trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

2.2. Trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án phải tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung QCVN 27:2010/BTNMT và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan; đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường.

2.3. Thỏa thuận về yêu cầu đối với nước thải của các dự án đầu tư vào Khu công nghiệp trước khi đưa vào hệ thống xử lý nước thải tập trung thông qua hợp đồng trách nhiệm và thiết lập hệ thống kiểm soát các nguồn nước thải đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp.

2.4. Thu gom, xử lý các loại nước thải phát sinh trong quá trình xây dựng Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành; xây dựng và vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp, đảm bảo toàn bộ nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình hoạt động của Khu công nghiệp được xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT cột A với các hệ số $K_q = 1$ và $K_f = 0,9$ trước khi chảy vào hồ điều hòa, kênh A32 và ra sông Nhuệ.

2.5. Lắp đặt hệ thống quan trắc tự động liên tục để kiểm soát lưu lượng và các thông số: nhiệt độ, COD, TSS và pH của nước thải sau xử lý tại cửa xả ra sông Nhuệ.

2.6. Thu gom, xử lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh từ giai đoạn xây dựng và hoạt động của Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

2.7. Lập kế hoạch và đảm bảo các phương án cần thiết để phòng ngừa và ứng cứu sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của Dự án.

2.8. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác như đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

3. Các điều kiện kèm theo:

3.1. Các dự án đầu tư thực hiện trong Khu công nghiệp phải thực hiện đánh giá tác động môi trường hoặc đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

3.2. Phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền của tỉnh Hà Nam thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất lúa sang đất phi nông nghiệp theo quy định của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa; tiến hành đền bù, giải phóng mặt bằng theo các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3. Tuân thủ các yêu cầu về tiêu thoát nước, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ, an toàn hóa chất và đề điều trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

3.4. Tuân thủ Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao trong quá trình thực hiện Dự án.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm sau đây:

1. Lập, phê duyệt và niêm yết công khai kế hoạch quản lý môi trường của Dự án trước khi triển khai thực hiện Dự án.

2. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quyết định này và các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa Dự án vào vận hành chính thức theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường;

4. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp của Dự án theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 4. Ủy nhiệm Tổng cục Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam và các đơn vị có liên quan thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Tổng Công ty Vigracera - CTCP;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- UBND tỉnh Hà Nam;
- Sở TN&MT tỉnh Hà Nam;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT, Ch (11).



KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

CÔNG CHỨNG VIÊN

Vũ Tuấn Nhân



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 1872300488

Chứng nhận lần đầu: Ngày 31 tháng 07 năm 2020

Chứng nhận thay đổi lần thứ hai: Ngày 12 tháng 3 năm 2021

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/05/2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 238/QĐ-TTg ngày 14 tháng 02 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban quản lý các KCN tỉnh Hà Nam;

Căn cứ Quyết định 26/2016/QĐ-UBND ngày 16/08/2016 của UBND tỉnh Hà Nam về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 1872300488, cấp lần đầu ngày 31/7/2020, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 09/02/2021, nơi cấp: Ban Quản lý các KCN tỉnh Hà Nam;

Căn cứ Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo của Công ty cổ phần tập đoàn điện khí Trường Thành;

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HÀ NAM

Chứng nhận:

Dự án đầu tư: DỰ ÁN CHO THUÊ NHÀ XƯỞNG VÀ DỊCH VỤ; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 1872300488, cấp lần đầu ngày 31/7/2020, thay đổi lần thứ nhất ngày 09/02/2021; nơi cấp: Ban Quản lý các KCN tỉnh Hà Nam; được đăng ký thay đổi nhà đầu tư do chuyên nhượng phần vốn góp tại tổ chức kinh tế thực hiện dự án.

Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:

Nhà đầu tư:

Công ty cổ phần Dong Shin HN Vina; Địa chỉ: KCN Đồng Văn IV, xã Đại Cương, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0700823030, cấp lần đầu ngày 17/01/2019, nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Đinh Lê Hạnh; Quốc tịch: Việt Nam; Ngày sinh: 25/12/1977; Chức vụ: Chủ tịch HĐQT; Căn cước công dân số 030177006903, cấp ngày 13/03/2020, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Địa chỉ thường trú: Lô số 69, Khu đất TT4, dự án đô thị mới Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội; Chỗ ở hiện tại: Căn hộ B12-12A thuộc Dự án Khu chức năng đô thị Thành phố Xanh, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.



Tổ chức kinh tế thực hiện dự án: Công ty TNHH DSP Hà Nam; Địa chỉ: Lô CN-14, KCN Đồng Văn IV, xã Nhật Tân, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 0700846912, cấp ngày 14/01/2021, thay đổi lần thứ nhất ngày 27/01/2021, nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư.

1. Tên dự án đầu tư: DỰ ÁN CHO THUÊ NHÀ XƯỞNG VÀ DỊCH VỤ.

2. Mục tiêu dự án: Cho thuê nhà xưởng, văn phòng và các hạng mục phụ trợ khác.

(Mục tiêu (ngành nghề kinh doanh) của dự án là ngành nghề kinh doanh có điều kiện vì vậy nhà đầu tư chỉ được kinh doanh khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản và các quy định khác có liên quan)

3. Quy mô dự án: Nhà kho, nhà xưởng cho thuê: 15.970 m²; Văn phòng cho thuê: 1.110 m².

4. Địa điểm thực hiện dự án: Lô CN-14, Khu công nghiệp Đồng Văn IV, xã Nhật Tân, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

5. Diện tích mặt đất sử dụng: 30.000 m² (Ba mươi nghìn mét vuông).

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 169.684.301.000 VND (Một trăm sáu mươi chín tỷ sáu trăm tám mươi tư triệu ba trăm linh một nghìn đồng Việt Nam).

Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án là 53.510.000.000 VND (Năm mươi ba tỷ năm trăm mười triệu đồng Việt Nam), chiếm tỷ lệ 32% tổng vốn đầu tư.

Giá trị, tỷ lệ, phương thức và tiến độ góp vốn như sau:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tiến độ góp vốn
		VND	Tương đương USD			
1	Công ty cổ phần Dong Shin HN Vina	53.510.000.000		100	Tiền mặt	17/02/2021

7. Thời hạn hoạt động của dự án: Đến ngày 04/08/2066.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

a) Tiến độ góp vốn: Đến ngày 17/02/2021

b) Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động chủ yếu của dự án đầu tư:

Hoàn thành việc đầu tư xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và đưa dự án đi vào hoạt động: Đến ngày 31/7/2021.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư.

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi: Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Nghị định 91/2014/NĐ-CP ngày 01/10/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế; Nghị định số 12/2015/NĐ-CP

ngày 12/02/2015 quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;

- Điều kiện hưởng ưu đãi: khi nhà đầu tư triển khai thực hiện dự án theo đúng nội dung đăng ký và đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật.

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi: Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/09/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu.

- Điều kiện hưởng ưu đãi: khi nhà đầu tư triển khai thực hiện dự án theo đúng nội dung đăng ký và đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật.

3. Các biện pháp hỗ trợ đầu tư:

Được hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề đối với lao động địa phương theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam.

Được hỗ trợ, tạo điều kiện giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến dự án trong thời gian nhanh nhất; hỗ trợ tuyển dụng lao động phục vụ cho dự án và các hỗ trợ khác trong quá trình triển khai thực hiện dự án tại Hà Nam

Điều 3: Các điều kiện đối với hoạt động của dự án.

Nhà đầu tư, tổ chức kinh tế phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng và thực hiện báo cáo trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật.

Nhà đầu tư có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, đất đai, bảo vệ môi trường; các nội dung ghi tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và các quy định của pháp luật khác có liên quan trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện dự án đầu tư tại Hà Nam.

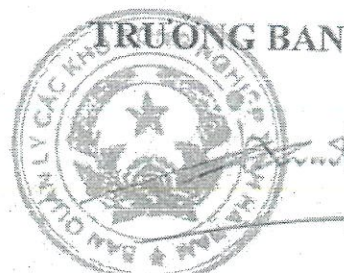
Ban quản lý các KCN tỉnh Hà Nam sẽ điều chỉnh các ưu đãi đầu tư, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư nếu Nhà đầu tư không thực hiện đúng các cam kết, các nội dung tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này hoặc vi phạm các quy định của pháp luật trong quá trình đầu tư, sản xuất kinh doanh tại Hà Nam.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 1872300488, cấp lần đầu ngày 31/7/2020, nơi cấp: Ban Quản lý các KCN tỉnh Hà Nam.

Điều 5: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này gồm 03 (Ba) trang và được lập thành 02 (Hai) bản gốc, một bản cấp cho nhà đầu tư, một bản lưu tại Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư. L

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
 - Lãnh đạo Ban;
 - Các Sở, ngành: Kế hoạch & Đầu tư, Tài nguyên & Môi trường, Công Thương, Tài chính, Cục Thống kê, Cục Thuế, Chi cục Hải quan;
 - Các phòng chuyên môn;
 - Lưu: VT, QLĐT.
- 2021/QLĐT/ĐC 2 DSP



Trần Văn Kiên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



VIGLACERA

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ THOÁT NƯỚC

Số:...Q.7.0.6.../HĐNT-2021

GIỮA

CÔNG TY ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ VIGLACERA
- CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY VIGLACERA- CTCP
(Với tư cách là Bên Cung Cấp Dịch Vụ Thoát Nước)

VÀ

CÔNG TY TNHH DSP HÀ NAM
(Với tư cách là bên sử dụng Dịch Vụ Thoát Nước)

Mã số khách hàng

--	--	--	--	--	--	--

HÀ NAM, 2021

PHẦN I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13, thông qua ngày 23/06/2014; Luật dân sự số 33/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 11, thông qua ngày 14/6/2005;
- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13, thông qua ngày 21/06/2012;
- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 11, thông qua ngày 29/06/2006;
- Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/08/2014 của Chính phủ về Thoát nước và xử lý nước thải; các Thông tư liên quan hướng dẫn Nghị định số 80/2014/NĐ-CP và các căn cứ Pháp luật khác có liên quan;
- Căn cứ các văn bản hiện hành của UBND tỉnh Hà Nam về lĩnh vực Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ nhu cầu và khả năng đáp ứng nhu cầu của 2(hai) bên;

Hôm nay, ngày/ tháng .. năm 2021, tại Khu công nghiệp Đồng Văn IV, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, chúng tôi gồm:

PHẦN II. CÁC CHỦ THỂ HỢP ĐỒNG

Bên A: **CÔNG TY ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ VIGLACERA – CN TỔNG CÔNG TY VIGLACERA- CTCP.**

Địa chỉ : Nhà điều hành Khu công nghiệp Đồng Văn IV, xã Đại Cường, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

Đại diện là ông : **Nguyễn Văn Dũng** Chức vụ : **Q. Giám đốc**

Điện thoại : 0226.628.5599 Fax: 0226.628.5599

Số tài khoản : 110000027965

Tại Ngân Hàng: TMCP công thương Việt Nam, chi nhánh Ba Đình, Hà Nội.

Mã số thuế : 0100108173-016

Bên B: **CÔNG TY TNHH DSP HÀ NAM**

Địa chỉ : Lô CN-14 KCN Đồng Văn IV, Xã Nhật Tân, Huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam.

Đại diện là bà : **Đinh Lê Hạnh** Chức vụ : **Giám đốc**

Điện thoại : Fax:

Số tài khoản : 111002873923 tại Vietinbank - CN Quang Minh

Mã số thuế : 0700846912

Wk

PHẦN III. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Xét vì:

Bên A là Chủ đầu tư xây dựng và quản lý hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Đồng Văn IV đồng thời là chủ sở hữu hệ thống thoát nước thải và trạm xử lý nước thải tập trung KCN Đồng Văn IV, có chức năng tổ chức quản lý, vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải trong Khu công nghiệp.

Bên B là nhà đầu tư đang hoạt động sản xuất kinh doanh tại KCN Đồng Văn IV có nhu cầu sử dụng dịch vụ thoát nước thải vào hệ thống xử lý nước thải của Bên A để phục vụ cho hoạt động sản xuất theo Giấy chứng nhận đầu tư được cấp.

Nay, Bên A và Bên B cùng thỏa thuận ký kết hợp đồng dịch vụ thoát nước (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các nội dung cơ bản như sau:

Điều 1. Các Định nghĩa và giải thích từ ngữ.

1. Dịch vụ thoát nước là các hoạt động về quản lý, vận hành hệ thống thoát nước nhằm đáp ứng yêu cầu về thoát nước thải và xử lý nước thải theo các quy định của pháp luật và Hợp đồng này.

2. Chi phí dịch vụ xử lý nước thải: là các chi phí để thực hiện các nhiệm vụ thu gom và xử lý nước thải tại khu vực có dịch vụ thoát nước.

3. Giá dịch vụ xử lý nước thải: là toàn bộ chi phí sản xuất được tính đúng, tính đủ và mức lợi nhuận hợp lý cho một m³ nước thải (1m³) để thực hiện nhiệm vụ xử lý nước thải.

4. Nước thải: là nước đã bị thay đổi đặc điểm, tính chất do quá trình hoạt động sản xuất, sinh hoạt của con người xả vào hệ thống thoát nước hoặc xả ra môi trường.

5. Hệ thống thoát nước mưa bao gồm mạng lưới cống, đường ống thu gom và chuyển tải, hồ điều hòa, các trạm bơm nước mưa, cửa thu, giếng thu nước mưa, cửa xả và các công trình phụ trợ khác nhằm mục đích thu gom và tiêu thoát nước mưa.

6. Hệ thống thoát nước thải bao gồm mạng lưới cống, đường ống thu gom và chuyển tải nước thải, trạm bơm nước thải, nhà máy xử lý nước thải, cửa xả... và các công trình phụ trợ khác nhằm mục đích thu gom, tiêu thoát và xử lý nước thải.

7. Điểm đầu nối: Là điểm xả nước thải của Bên B vào hệ thống thoát nước của Bên A.

8. COD: (Viết tắt của cụm từ Chemical Oxygen Demand) là lượng oxy cần thiết để oxy hóa các hợp chất hóa học trong nước bao gồm vô cơ và hữu cơ.

9. KCN: Là khu công nghiệp

Điều 2. Đối tượng của Hợp đồng

Bên A đồng ý cung cấp dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải cho Bên B, nhằm đảm bảo môi trường nước thải của KCN đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp của cấp có thẩm quyền quy định trước khi xả vào nguồn tiếp nhận.

Điều 3. Điểm đầu nối

Điểm đầu nối thoát nước của bên B vào hệ thống thoát nước của bên A được xác định cụ thể theo biên bản thỏa thuận điểm đầu được hai bên thỏa thuận ký kết (*Có bản vẽ kèm theo*). Biên bản này được đính kèm và là một phần không tách rời của Hợp đồng.

Điều 4. Khối lượng và chất lượng nước thải:

a. Khối lượng nước thải:

Khối lượng nước thải được tính bằng 80% lượng nước sạch tiêu thụ hàng tháng theo chỉ số đồng hồ đo nước sạch/hóa đơn tiền nước cấp.

b. Chất lượng nước thải: Nước thải của Bên B trước khi vào hệ thống thoát nước chung của Bên A được xử lý sơ bộ đạt theo Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đạt (cột B) (QCVN 40:2011/BTNMT (Phụ lục 01 kèm theo Hợp đồng)).

Điều 5. Chất lượng dịch vụ.

Bên A chịu trách nhiệm thu gom nước thải, thoát nước thải và xử lý nước thải của bên B đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp của cấp có thẩm quyền quy định trước khi xả vào nguồn tiếp nhận.

Điều 6: Giá dịch vụ và phương thức thanh toán

6.1 Giá dịch vụ:

a. Đơn giá dịch vụ xử lý nước thải: Đơn giá dịch vụ xử lý nước thải tại thời điểm ký Hợp đồng là (f): **9.600 VNĐ/m³** (Đơn giá chưa bao gồm VAT, đối với hệ số $K = 1$).

- Trong trường hợp chỉ tiêu COD >600mg/l, đơn giá xử lý nước thải sẽ được áp dụng là: **19.200 VNĐ/m³** .(Đơn giá chưa bao gồm VAT).

b. Giá dịch vụ xử lý nước thải hàng tháng: Chi phí dịch vụ nước thải mỗi tháng mà bên B phải trả cho bên A theo hợp đồng được tính như sau:

$$F = f \times V \times K$$

Trong đó:

- **F**: là giá trị tiền dịch vụ thoát nước.
- **f**: là đơn giá xử lý nước thải.
- **V**: là Khối lượng nước thải cần xử lý, được xác định theo Điều 4 của Hợp đồng.
- **K**: là Hệ số xác định hàm lượng chất gây ô nhiễm theo chỉ tiêu COD được xác định theo Phụ lục 02 kèm theo Hợp đồng.

Hàng tháng căn cứ vào khối lượng nước cần xử lý (V) và hệ số ô nhiễm (K), Bên A sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên B số tiền phải thanh toán và Bên B có nghĩa vụ thanh toán cho Bên A đầy đủ và đúng hạn.

6.2. Thay đổi đơn giá dịch vụ:

Đơn giá dịch vụ nước thải sẽ được điều chỉnh trong một các trường hợp sau:

- Khi có sự đầu tư thay đổi cơ bản về công nghệ xử lý nước thải do Cơ quan quản lý Nhà nước yêu cầu nâng cao chất lượng nước thải sau khi xử lý trước khi xả vào nguồn tiếp nhận.
- Khi có sự thay đổi về cơ chế, chính sách của Nhà nước, định mức kinh tế kỹ thuật và hoặc điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, khu vực có sự thay đổi.
- Khi chỉ số giá tiêu dùng (CPI) năm liền kề trước đó hoặc cộng dồn các năm trước đó kể từ năm áp dụng đơn giá cũ tăng $\geq 5\%$.
- Có sự chấp thuận của cơ quan quản lý giá tại địa phương.

6.3 Hình thức thanh toán: Chuyển khoản vào tài khoản của Bên A.

6.4. Phương thức thanh toán: Trong vòng 10 ngày kể từ ngày Bên B nhận được hóa đơn, Bên B phải thanh toán tiền phí nước thải cho Bên A cụ thể:

*V**

- Tên đơn vị thụ hưởng: Công ty đầu tư hạ tầng và đô thị Viglacera – Chi nhánh Tổng công ty Viglacera – CTCP.

- Số tài khoản của Bên A: 110000027965

- Tại Ngân Hàng TMCP công thương Việt Nam, chi nhánh Ba Đình, Hà Nội.

6.5. Đồng tiền thanh toán: Tiền đồng Việt Nam.

Điều 7: Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

7.1. Bên A có các quyền sau đây:

- a) Hoạt động kinh doanh theo các quy định, được thanh toán đúng, và đủ chi phí dịch vụ xử lý nước thải theo bản Hợp đồng này.
- b) Bên A có quyền giám sát hoạt động xả nước thải của bên B vào hệ thống thoát nước của Bên A.
- c) Mỗi tháng tối thiểu một lần lấy mẫu nước thải của bên B tại thời điểm bất kỳ, Bên A sẽ thuê đơn vị lấy mẫu có phòng thí nghiệm hợp chuẩn đến lấy mẫu phân tích chất lượng nước thải bao gồm 01 chỉ tiêu COD hoặc một số chỉ tiêu khác để làm căn cứ tính hệ số K cho tháng đó. Bên A sẽ thông báo cho Bên B thời gian lấy mẫu trước 15 phút. Trong trường hợp sau 15 phút đại diện bên B không có mặt để chứng kiến việc lấy mẫu, niêm phong mẫu và ký vào biên bản lấy mẫu, thì bên A và đơn vị phân tích sẽ tiến hành lấy mẫu, bên B phải chấp nhận kết quả phân tích mẫu trên.
- d) Trường hợp lấy nhiều hơn 01 mẫu, hệ số K được tính bình quân chỉ tiêu COD của các lần lấy mẫu.
- e) Yêu cầu Bên B thực hiện theo đúng quy định của Hợp đồng và được bồi thường thiệt hại theo quy định của Pháp luật và Hợp đồng này.
- f) Ngừng tiếp nhận nước thải của bên B khi chất lượng nước thải của bên B xả vào hệ thống thoát nước vượt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải do bên A ban hành và vượt quá khả năng xử lý của trạm xử lý nước thải tập trung của KCN.
- g) Các quyền khác theo quy định của Pháp luật.

7.2. Bên A có các nghĩa vụ sau đây:

- a) Bên A phải có hệ thống nước thải tập trung đặt tại khu công nghiệp Đồng Văn IV, tỉnh Hà Nam đã được cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường.
- b) Bên A phải có nhân lực, trang thiết bị và phương tiện kỹ thuật cần thiết để thực hiện các yêu cầu và nhiệm vụ của công tác quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải. Có trách nhiệm quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải bao gồm các nhà máy xử lý nước thải, trạm bơm, tuyến cống áp lực, công trình đầu nổi, điểm đầu nổi, tuyến cống thu gom, chuyển tải đến nhà máy xử lý nước thải, các điểm xả.... tuân thủ theo các quy trình quản lý, vận hành đã được phê duyệt.
- c) Tiếp nhận nước thải của bên B với chất lượng nước thải đã qua xử lý sơ bộ của Bên B đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải do bên A ban hành đính kèm Hợp đồng này và đảm bảo chất lượng nước thải sau khi xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung của Bên A đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp quy định tại Giấy phép xả thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận.
- d) Nộp phí bảo vệ môi trường cho bên B theo quy định của Pháp luật.
- e) Chi phí phân tích chỉ tiêu COD, các chỉ tiêu khác (nếu có) mẫu nước thải của bên B để xác định hệ số K hàng tháng.

Ut

- f) Trong quá trình tiếp nhận, thoát nước và xử lý nước thải không được làm ô nhiễm môi trường. Bên A chịu trách nhiệm trước pháp luật hoặc các cơ quan chức năng về chất lượng nước thải sau khi xử lý tại trạm xử lý nước thải tập trung của KCN xả vào nguồn tiếp nhận.
- g) Giải quyết kịp thời, thỏa đáng những vướng mắc, kiến nghị của Bên B. Xử lý sự cố, khôi phục việc thoát nước và xử lý nước thải.
- h) Thường xuyên kiểm tra toàn bộ hệ thống xử lý nước thải, các đối tượng sử dụng dịch vụ để ngăn chặn các hành vi vi phạm trong quá trình sử dụng dịch vụ.
- i) Bồi thường khi gây thiệt hại cho bên sử dụng dịch vụ theo quy định của Hợp đồng này.
- j) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 8: Quyền và nghĩa vụ của bên B

8.1. Bên B có các quyền sau đây:

- a) Được cung cấp dịch vụ xử lý nước thải theo quy định của Hợp đồng này.
- b) Yêu cầu Bên A kịp thời khắc phục khi có sự cố của hệ thống thoát nước thải từ điểm đầu nối nước thải đến trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đồng Văn IV
- c) Đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giải quyết khi Hợp đồng xử lý nước thải bị vi phạm mà Bên A không giải quyết thỏa đáng.
- d) Các quyền khác theo quy định của Pháp luật.

8.2. Bên B có các nghĩa vụ sau đây:

- a) Đầu nối hệ thống thoát nước của Bên B vào hệ thống thoát nước chung đúng các quy định của Hợp đồng này.
- b) Xả nước vào hệ thống thoát nước đúng vị trí, chất lượng nước thải đảm bảo đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải quy định của Hợp đồng này.
- c) Thanh toán tiền dịch vụ xử lý nước thải đầy đủ, đúng thời hạn.
- d) Thông báo kịp thời cho Bên A khi thấy các hiện tượng bất thường có thể gây sự cố môi trường đối với hệ thống thoát, xử lý nước thải chung của Khu công nghiệp và cùng phối hợp với Bên A khắc phục các sự cố môi trường đó trong thời gian ngắn nhất.
- e) Phải tách riêng biệt hệ thống nước thải và hệ thống nước mưa nội bộ, không để nước mưa chảy vào hệ thống thoát nước thải và ngược lại, không sử dụng các nguồn nước ngầm trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.
- f) Khi có đơn vị đến lấy mẫu phân tích chất lượng nước thải, bên B cần cử đại diện phối hợp cùng bên A và đơn vị lấy mẫu phân tích để xác nhận việc và ký vào biên bản lấy mẫu.
- g) Phải có hệ thống xử lý nước thải sơ bộ để đảm bảo nước thải khi ra hệ thống xử lý của Bên B đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đính kèm Hợp đồng này.
- h) Không được để các chất rắn và chất thải nguy hại trộn lẫn vào nước thải dẫn đến tắc nghẽn hệ thống xử lý, ảnh hưởng đến công nghệ xử lý nước thải tại trạm xử lý nước thải tập trung
- i) Hồ ga nước thải trước khi đầu nối với đường ống của KCN (Xây dựng trong đất của bên B cách hàng rào tối đa 01 mét) phải có kích thước và các yêu cầu kỹ thuật theo đúng các nội dung trong Biên bản thỏa thuận điểm đầu của hai bên.
- j) Không được xả nước thải ra bất kỳ vị trí nào khác ngoài vị trí do Bên A tiếp nhận theo thỏa thuận đã được hai bên thống nhất. Trong trường hợp Bên B không tuân thủ đúng quy định này dẫn đến bất kỳ tình trạng nào khiến Bên A phải chịu trách nhiệm trước

VL&

pháp luật liên quan đến xử phạt/bồi thường /khắc phục hậu quả thì Bên B phải chịu hoàn toàn trách nhiệm, kể cả bồi thường toàn bộ các chi phí liên quan đến việc Bên A phải chịu mức xử phạt đối với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- k) Tạo điều kiện thuận lợi cho bên A và cơ quan chức năng kiểm tra việc thực hiện các điều khoản ghi trong Hợp đồng.
- l) Bồi thường khi gây thiệt hại cho Bên A và các bên liên quan theo quy định của Pháp luật và Hợp đồng này.
- m) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 9: Sự kiện bất khả kháng;

Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như; Động đất, bão lụt, lốc, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc có nguy cơ chiến tranh và các thảm họa khác chưa lường hết được.

Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình (Trừ nghĩa vụ thanh toán) được quy định trong hợp đồng này có sự kiện bất khả kháng sẽ không phải chịu trách nhiệm về việc trì hoãn hoặc không thực hiện nghĩa vụ đó. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

- Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

- Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra và trong vòng 7 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng bị ảnh hưởng phải cung cấp thông tin chi tiết về sự kiện bất khả kháng và giấy tờ của cơ quan hữu quan xác minh đã xảy ra sự kiện bất khả kháng cũng như các biện pháp đã thực hiện để giảm thiểu tác động của sự kiện đó.

Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp đồng của mình.

Điều 10: Xử lý vi phạm hợp đồng.

10.1. Vi phạm của bên A

- a) Trường hợp bên A cung cấp dịch vụ xử lý nước thải không đạt tiêu chuẩn chất lượng theo pháp luật quy định thì Bên A phải chịu trách nhiệm trước cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- b) Trường hợp, Bên A ngừng dịch vụ xử lý nước thải để sửa chữa, cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước và xử lý nước thải mà không thực hiện thông báo trước theo quy định tại điều 1 của Hợp đồng này, gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Bên B thì Bên A phải bồi thường thiệt hại gây ra cho Bên B (nếu có).

10.2. Vi phạm của bên B

- a) Trường hợp Bên B vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng thì sẽ phải chịu phạt vi phạm như sau: Trong trường hợp quá thời hạn thanh toán theo quy định của hợp đồng mà bên B chưa thanh toán đầy đủ số tiền dịch vụ cho Bên A, Bên A có quyền tính lãi phạt bằng số tiền chậm thanh toán nhân với mức lãi suất cho vay cao nhất áp dụng đối với khách hàng cá nhân của Ngân hàng mà Bên A có Tài khoản ghi trong Hợp đồng này tại thời điểm thanh toán và nhân với số ngày chậm thanh toán, tính từ ngày cuối cùng của thời hạn thanh toán đến ngày Bên B thực tế thanh toán.
- b) Trường hợp bên B vi phạm về tiêu chuẩn mẫu nước thải:

U&

Nếu Bên A phát hiện trong thành phần nước thải của Bên B có một (01) hoặc nhiều chỉ tiêu nêu tại Phụ lục 01 (không kể chỉ tiêu COD) vượt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải có thể làm ô nhiễm nghiêm trọng đến môi trường hoặc làm phá hủy nghiêm trọng hệ thống xử lý nước thải của Bên A, đơn giá dịch vụ xử lý nước thải của tháng đó được tính:

$$F = f \times V \times K \times H$$

với hệ số H: là Hệ số xác định hàm lượng chất gây ô nhiễm theo các chỉ tiêu khác được xác định theo Phụ lục 03 kèm theo Hợp đồng.

- c) Bên A có quyền ngừng cung cấp dịch vụ và yêu cầu Bên B bồi thường thiệt hại vi phạm hoặc áp dụng cơ chế xử lý như quy định trong các trường hợp sau:
- Bên B tự ý tháo bỏ hoặc căn chỉnh đồng hồ đo lượng nước sạch.
 - Bên B xả nước thải vượt mức tiêu chuẩn cho phép thải vào hệ thống xử lý nước thải của khu công nghiệp; xả nước thải vào hệ thống thoát nước mưa và ngược lại hoặc xả nước thải ra bất kỳ vị trí nào mà không được sự đồng ý của bên A.
 - Quá thời gian thanh toán tiền phí dịch vụ theo quy định tại điểm (a), khoản 10.2 điều này hoặc Bên B vi phạm điểm (b), khoản này mà không thực hiện khắc phục theo yêu cầu của Bên A.
- d) Trong bất kỳ trường hợp nào theo nội quy dung quy định tại Hợp đồng này mà Bên B không khắc phục khi đã được bên A thông báo đến lần thứ hai bằng văn bản, Bên A ngừng thực hiện dịch vụ cung cấp nước sạch cho đến khi bên B khắc phục hiệu quả các vi phạm theo quy định tại Hợp đồng này.
- e) Trong trường hợp bên B sử dụng nguồn nước cấp khác mà không có sự chấp thuận bằng phụ lục hợp đồng hoặc bằng văn bản của bên A.

Điều 11: Tạm dừng và chấm dứt hợp đồng.

11.1. Tạm dừng thực hiện hợp đồng.

- a) Nếu Bên B vi phạm các quy định tại Khoản c, Điều 10.2, hợp đồng này và Bên A đã thông báo bằng văn bản về việc vi phạm và yêu cầu Bên B khắc phục mà không chấp hành thì Bên A có quyền tạm ngừng thực hiện dịch vụ xử lý nước thải cho bên B. Dịch vụ xử lý nước thải chỉ được khôi phục lại sau khi Bên B đã khắc phục hoàn toàn hậu quả do các hành vi vi phạm gây ra, hoàn thành các nghĩa vụ tài chính và bồi thường thiệt hại (nếu có).
- b) Trường hợp bên A ngừng dịch vụ để sửa chữa, cải tạo nâng cấp hệ thống thoát nước mưa và xử lý nước thải, thì bên A phải có thông báo bằng văn bản cho bên B đồng thời thông báo lý do, thời gian tạm ngừng dịch vụ trước 05 ngày kể từ ngày ngừng dịch vụ; đồng thời bên A có trách nhiệm thực hiện các biện pháp thoát nước tạm thời để hạn chế làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của bên B và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

11.2. Chấm dứt thực hiện Hợp đồng:

Hợp đồng được xem là chấm dứt khi:

- a) Khi Bên B kết thúc Dự án đầu tư theo Giấy phép đầu tư đã được cấp và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán cho Bên A.
- b) Bên B bị phá sản, giải thể hoặc chuyển nhượng quyền và lợi ích của Hợp đồng này cho chủ thể khác; hoặc Bên A bị phá sản, giải thể, bị cơ quan có thẩm quyền thu hồi giấy phép đầu tư (nếu có).
- c) Hợp đồng này chấm dứt theo thỏa thuận bằng văn bản của hai bên.

Trường hợp, Hợp đồng được chấm dứt theo điểm (b) của Khoản này, bên chấm dứt Hợp đồng có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho bên kia biết trước 15 ngày kể từ ngày dự định

kk

chấm dứt. Trường hợp không thông báo mà gây thiệt hại thì phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho bên bị vi phạm.

11.3. Thanh lý khi chấm dứt hợp đồng

Sau khi chấm dứt Hợp đồng, hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng hoàn tất trong vòng 07 ngày kể từ ngày chấm dứt. Khi chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn, các quyền và nghĩa vụ của các bên sẽ chấm dứt tại thời điểm thông báo có hiệu lực (trừ điều khoản về giải quyết tranh chấp). Các bên có nghĩa vụ hợp tác trong việc quyết toán hợp đồng.

Điều 12. Giải quyết tranh chấp.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có vướng mắc hoặc phát sinh mâu thuẫn, tranh chấp, các bên chủ động thương lượng, hòa giải trên tinh thần thiện chí, hợp tác hai bên cùng có lợi.

Trong trường hợp không thương lượng, hòa giải được, việc giải quyết tranh chấp sẽ được thực hiện bởi tòa kinh tế thuộc tòa án Nhân dân tỉnh Hà Nam để giải quyết.

Điều 13. Thời hạn và hiệu lực của hợp đồng

13.1 Hợp đồng có thời hạn kể từ ngày ký

13.2 Hợp đồng có hiệu lực 2 năm kể từ ngày hiệu lực trừ khi gia hạn hoặc chấm dứt trước thời hạn theo quy định của hợp đồng

13.3 Hợp đồng tự động được gia hạn (không hạn chế số lần gia hạn) với thời hạn mỗi lần gia hạn là 2 năm, trừ trường hợp một trong các bên có thông báo gửi bên còn lại về việc không muốn gia hạn hợp đồng

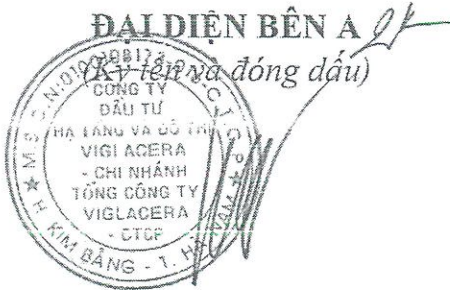
13.4 Hợp đồng có hiệu lực và được áp dụng tính phí kể từ khi Bên A ký biên bản tiếp nhận (hoặc có văn bản xác định thời gian tiếp nhận) nước thải của Bên B vào hệ thống thu gom nước thải của Bên A

Điều 14: Điều khoản chung

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh những điều khoản đã nêu trong Hợp đồng.

Tất cả vấn đề không được quy định trong Hợp đồng này sẽ được áp dụng theo các quy định của Pháp luật hiện hành.

Hợp đồng này được làm 06 (sáu) bản có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 04 (bốn) bản bên B giữ 02 (hai) bản để thực hiện.



Q. GIÁM ĐỐC CÔNG TY
Nguyễn Văn Dũng



GIÁM ĐỐC
Đinh Lê Hạnh

PHỤ LỤC 01
TIÊU CHUẨN TIẾP NHẬN NƯỚC THẢI CỦA CÁC DOANH NGHIỆP
TẠI KHU CÔNG NGHIỆP ĐÔNG VĂN IV

(Kèm theo Hợp đồng dịch vụ thoát nước số: /HDNT-2021 ký ngày/...../2021

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị tối đa cho phép
1	Nhiệt độ	°C	40
2	Màu	Pt/Co	150
3	pH	--	5,5-9
4	BOD ₅	mg/l	50
5	COD	mg/l	150
6	TSS	mg/l	100
7	Asen	mg/l	0.1
8	Thủy ngân	mg/l	0.01
9	Chì	mg/l	0.5
10	Cadimi	mg/l	0.1
11	Crom (VI)	mg/l	0.1
12	Crom (III)	mg/l	1
13	Đồng	mg/l	2
14	Kẽm	mg/l	3
15	Niken	mg/l	0.5
16	Mangan	mg/l	0.5
17	Sắt	mg/l	5
18	Tổng xianua	mg/l	0.1
19	Tổng phenol	mg/l	0.5
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10
21	Sunfua	mg/l	0.5
22	Florua	mg/l	10
23	Amoni	mg/l	10
24	Tổng nitơ	mg/l	40
25	Tổng photpho	mg/l	6
26	Clorua	mg/l	<500
27	Clo dư	mg/l	2
28	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0.1
29	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/l	1
30	Tổng PCB	mg/l	0.01
31	Coliform	MPN/100ml	5000
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0.1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1

Handwritten signature

PHỤ LỤC 02
CƠ SỞ XÁC ĐỊNH HỆ SỐ (K) - HÀM LƯỢNG CHẤT GÂY Ô NHIỄM
THEO CHỈ TIÊU COD

(Kèm theo Hợp đồng dịch vụ thoát nước số: /HDNT-2021 ký ngày/...../2021

STT	Hàm lượng COD (mg/l)	Hệ số K
1	151 – 200	1.5
2	201 – 300	2.0
3	301 – 400	2.5
4	401 – 600	3.5
5	>600	4.5

VSB

PHỤ LỤC 03
CƠ SỞ XÁC ĐỊNH HỆ SỐ (H) - HÀM LƯỢNG CHẤT GÂY Ô NHIỄM
THEO CÁC CHỈ TIÊU KHÁC

(Kèm theo Hợp đồng dịch vụ thoát nước số: /HDNT-2021 ký ngày .../.../2021

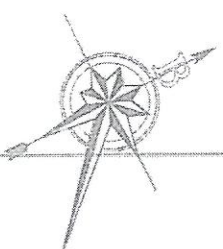
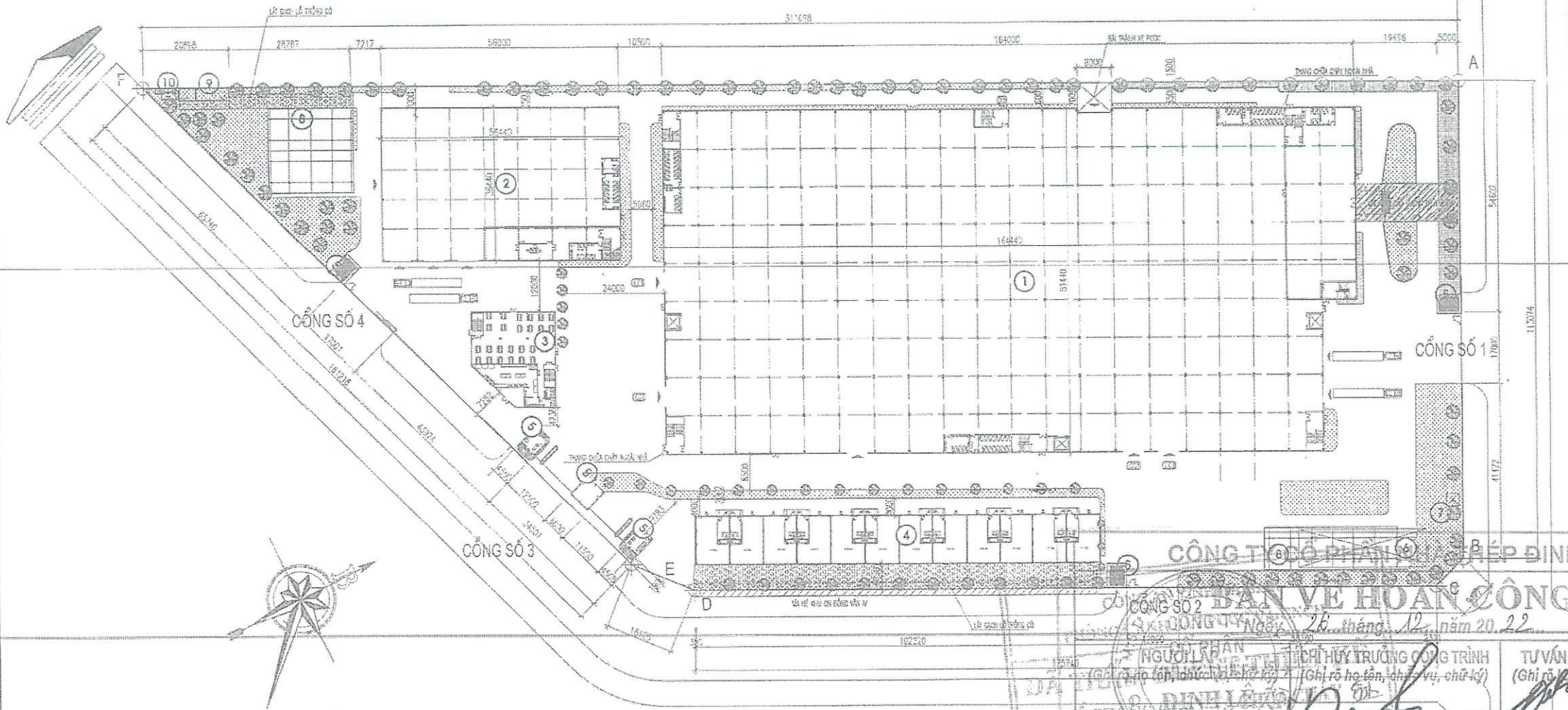
TT	Chỉ tiêu	Hệ số H	Ghi chú
1	Một hoặc nhiều chỉ tiêu nêu tại Phụ lục 01 (không kể chỉ tiêu COD và pH) vượt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải từ 1,1 đến dưới 2 lần	1,5	Một hoặc nhiều chỉ tiêu nêu tại Phụ lục 01 (không kể chỉ tiêu COD) vượt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải sẽ tính cho chỉ tiêu có giá trị vượt cao nhất
2	Một hoặc nhiều chỉ tiêu nêu tại Phụ lục 01 (không kể chỉ tiêu COD và pH) vượt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải từ 2.0 đến dưới 5.0 lần	2.0	
3	Một hoặc nhiều chỉ tiêu nêu tại Phụ lục 01 (không kể chỉ tiêu COD và pH) vượt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải từ 5,0 đến dưới 10 lần	3.0	
4	Một hoặc nhiều chỉ tiêu nêu tại Phụ lục 01 (không kể chỉ tiêu COD và pH) vượt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải từ 10 lần trở lên	4.5	
5	Chỉ tiêu pH vượt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải (<5,5 hoặc >9,0)	1,5	

12

T.C.P.K.A.H.

TỔNG MẶT BẰNG NHÀ MÁY

CÔNG TY TNHH DSP HÀ NAM - KCN ĐỒNG VĂN IV, XÃ NHẬT TÂN, HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM



STT	TÊN HÀNG MỤC	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m ²)	DIỆN TÍCH SẢN XD (m ²)	SỐ TẦNG
1	Nhà xưởng số 1	13,098.64	26,197.28	
	Nhà điều hành	769.70	1,539.40	2
	Xưởng sản xuất	12,328.94	24,657.88	2
2	Nhà xưởng số 2	2,056.00	2,320.00	1
	Nhà điều hành	264.00	528.00	2
	Xưởng sản xuất	1,792.00	1,792.00	1
3	Nhà ăn ca, nhà điều hành	403.80	1,211.40	3
4	Khu shophouse (khu VP; trung bày sản phẩm; nhà nghỉ ca nội bộ)	1,107.45	3,322.35	3
5	Nhà bảo vệ	160.00	160.00	
	Nhà bảo vệ thường (3 nhà)	75.00	75.00	1
	Nhà bảo vệ công hợp (3 khu)	85.00	85.00	1
6	Trạm bơm + bể nước ngầm PCCC	25.00	25.00	1
7	Trạm biến áp	12.00	12.00	1
8	Nhà xe	715.00	715.00	
	Nhà xe số 1	315.00	315.00	1
	Nhà xe số 2	400.00	400.00	1
9	Nhà rác	36.00	36.00	1
10	Bể xử lý nước thải			
1	TỔNG	17,613.89	33,999.03	
	DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT (m ²)	30,000.00		

DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT (m ²)	30,000.00
DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m ²)	17,613.89
DIỆN TÍCH SẢN XÂY DỰNG (m ²)	33,999.03
DIỆN TÍCH CÂY XANH (m ²)	6,000.00
DIỆN TÍCH SÂN ĐƯỜNG (m ²)	6,386.11
MẬT ĐỘ XÂY DỰNG (%)	58.71
TỶ LỆ CÂY XANH (%)	20.00
TỶ LỆ SÂN ĐƯỜNG (%)	21.29
HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT (lần)	1.13

TT	Tọa độ các điểm	
A	2.281.583,329	592.015,329
B	2.281.534,070	592.117,109
C	2.281.525,407	592.120,122
D	2.281.367,219	592.043,563
E	2.281.356,468	592.031,545
F	2.281.302,762	591.879,542

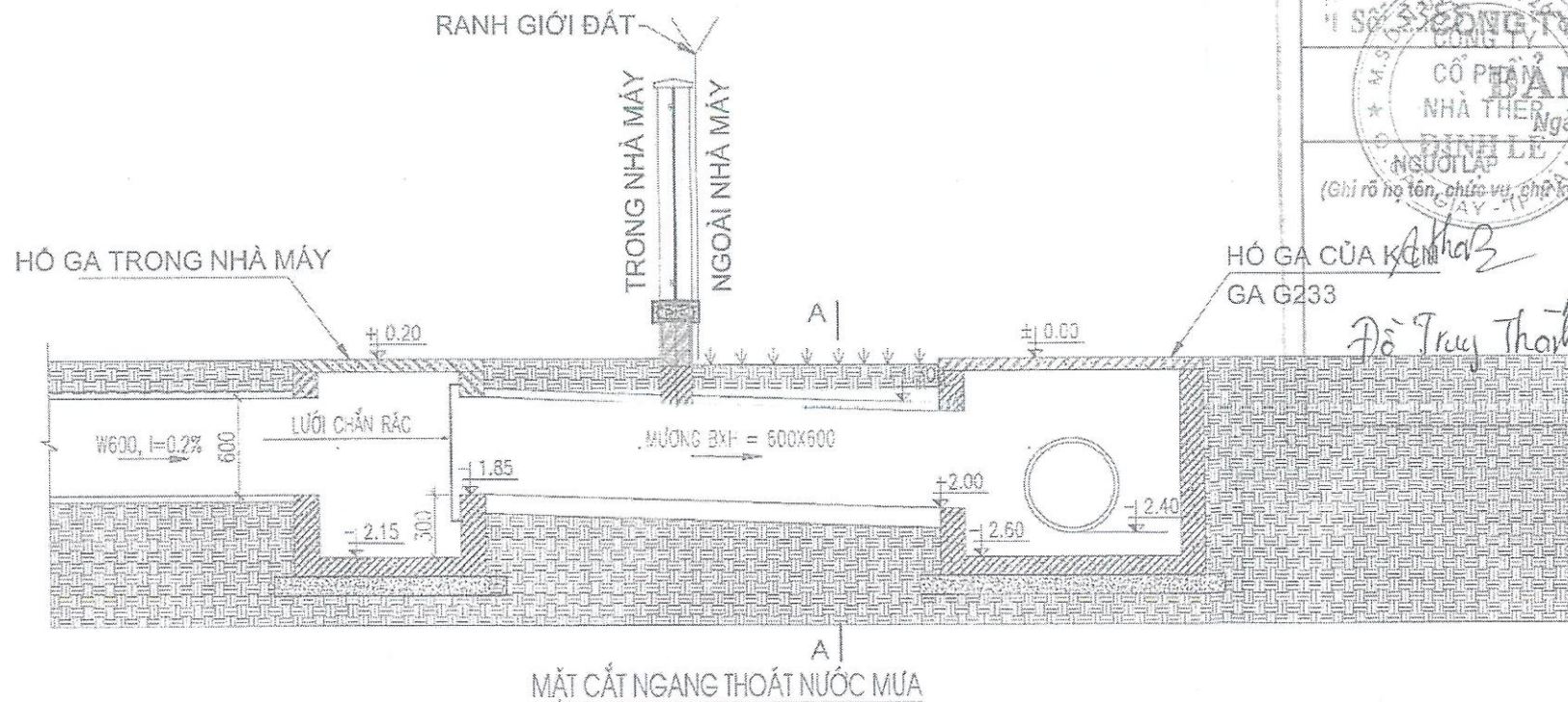
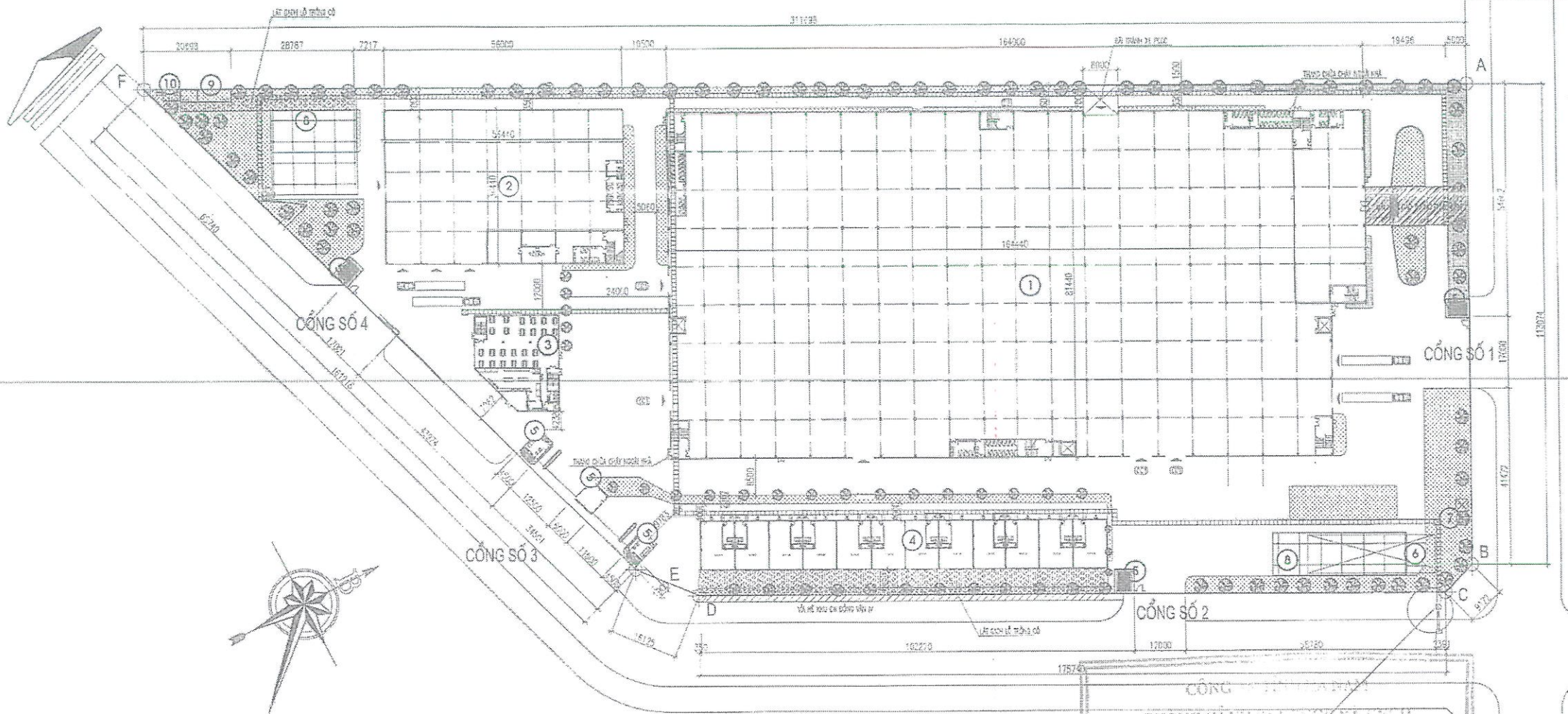
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THIẾT KẾ KỸ THUẬT THANH HÀ
 Ngày: 26 tháng 12 năm 2022
 NGƯỜI LẬP BẢN VẼ: *[Signature]*
 CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH: *[Signature]*
 TƯ VẤN GIÁM SÁT THI CÔNG: *[Signature]*
 ĐỒ THẠCH, Nguyễn Văn Mạnh, Phạm Đình Cường

HIỆU DÍNH			
Lần	Ngày	Thiết kế	Duyệt
CHỦ ĐẦU TƯ			
CÔNG TY TNHH DSP HÀ NAM			
Số hợp đồng:/2022			
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:			
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THIẾT KẾ KỸ THUẬT THANH HÀ			
Chủ tịch HĐQT	<i>[Signature]</i>		
LÊ THỊ HỒNG VÂN			
Chủ trì	<i>[Signature]</i>		
NGUYỄN ĐẠI HẢI			
Thiết kế	<i>[Signature]</i>		
NGUYỄN ĐẠI HẢI			
Thể hiện	<i>[Signature]</i>		
NGUYỄN VĂN LAI			
CÔNG TRÌNH			
DỰ ÁN CHO THUÊ NHÀ XƯỞNG VÀ DỊCH VỤ			
LIÊN QUAN			
QUY HOẠCH TỔNG THỂ			
TÊN BẢN VẼ			
TỔNG MẶT BẰNG NHÀ MÁY			
HỒ SƠ THIẾT KẾ	QH - 02		
NĂM 2022			



TỔNG MẶT BẰNG NHÀ MÁY

CÔNG TY TNHH DSP HÀ NAM - KCN ĐỒNG VĂN IV, XÃ HẠT TÂN, HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM



CÔNG TY TNHH DSP HÀ NAM
PHÒNG KỸ THUẬT VÀ THIẾT KẾ
Điểm đầu nối với hệ thống TNM KCN

ĐÃ THẨM DUYỆT THIẾT KẾ

Số 33 CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ THÉP ĐÌNH LÊ
CÔNG TY

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
NHÀ THÉP ĐÌNH LÊ
Ngày: 26 tháng 12 năm 2022

NGƯỜI LẬP (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
Đỗ Trung Thành

CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
Nguyễn Văn Tuấn

TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
Phạm Đình Cường
XÂY TƯỜNG M7.5

GA G233

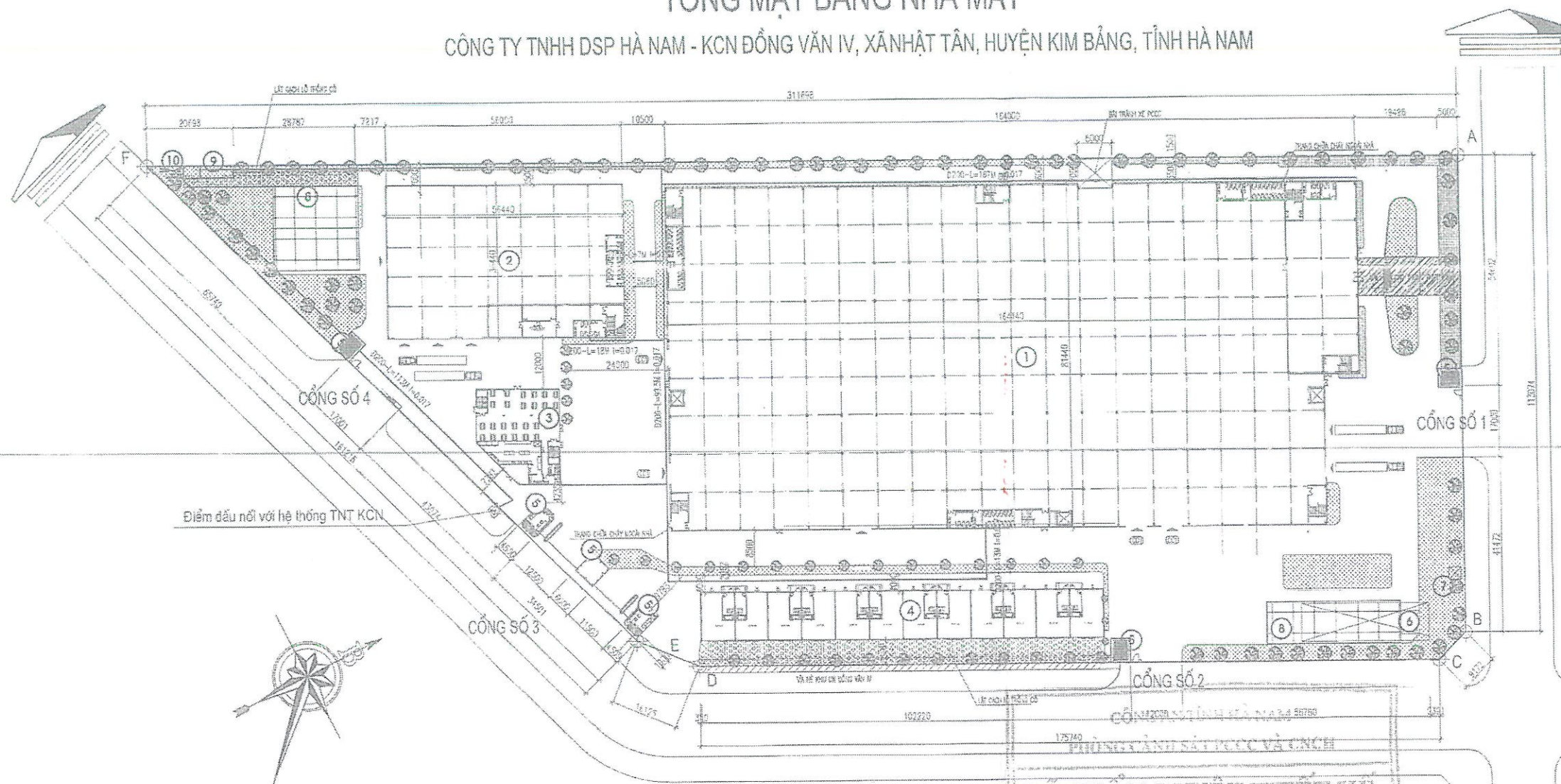
BỂ TÔNG LÓT #100

HIỆU ĐÍNH			
Lần	Ngày	Thiết kế	Duyệt
CHỦ ĐẦU TƯ			
CÔNG TY TNHH DSP HÀ NAM			
Số hợp đồng:/2022			
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:			
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐTM & T THANH HÀ			
Chủ tịch HĐQT	<i>[Signature]</i>		
LÊ THỊ HỒNG VÂN			
Chủ trì	<i>[Signature]</i>		
NGUYỄN ĐẠI HẢI			
Thiết kế	<i>[Signature]</i>		
NGUYỄN ĐẠI HẢI			
Thế hiện	<i>[Signature]</i>		
NGUYỄN VĂN LAI			
CÔNG TRÌNH			
DỰ ÁN CHO THUÊ NHÀ XƯỞNG VÀ DỊCH VỤ			
HẠNG MỤC			
QUY HOẠCH TỔNG THỂ			
TÊN BẢN VẼ			
TỔNG MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC M			
HỒ SƠ THIẾT KẾ	QH - 02		
NĂM 2022			



TỔNG MẶT BẰNG NHÀ MÁY

CÔNG TY TNHH DSP HÀ NAM - KCN ĐỒNG VĂN IV, XÃ NHẬT TÂN, HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM



HIỆU ĐÍNH

Lần	Ngày	Thiết kế	Du

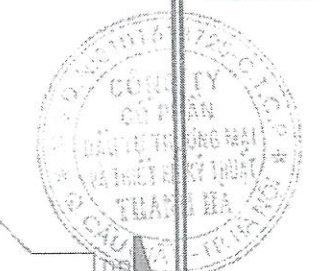
CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH DSP HÀ NAM

GT TECHNOLOGY VIỆT NAM

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐTM & T THANH HÀ



ĐÃ THẨM DUYỆT THIẾT KẾ
VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY
 SỐ: 3353/TP-PCSS-23.19.12022

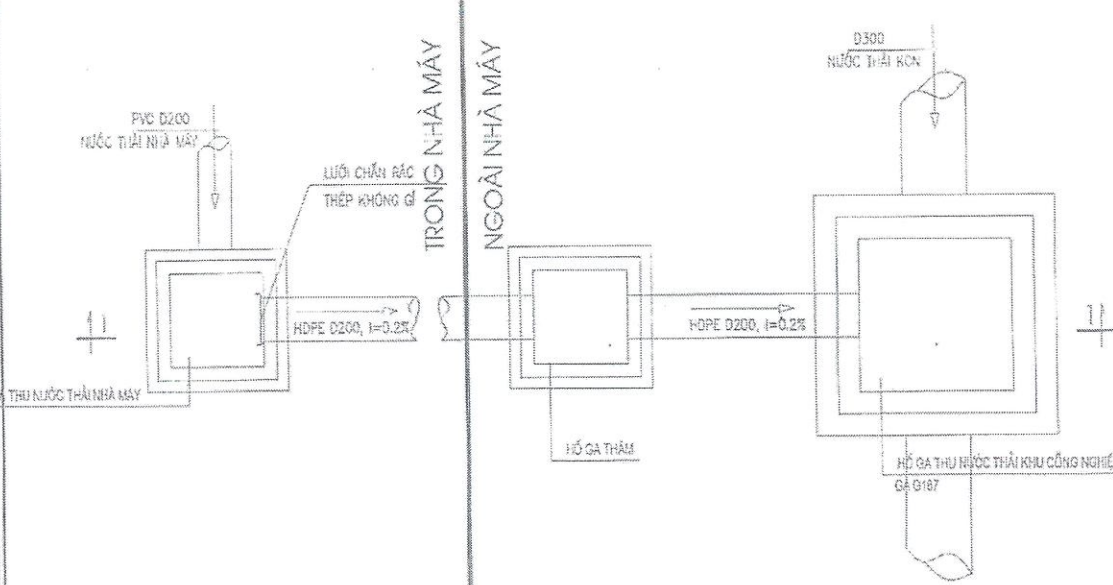
RANH GIỚI ĐẤT

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày... 26... tháng... 12... năm 20... 22...

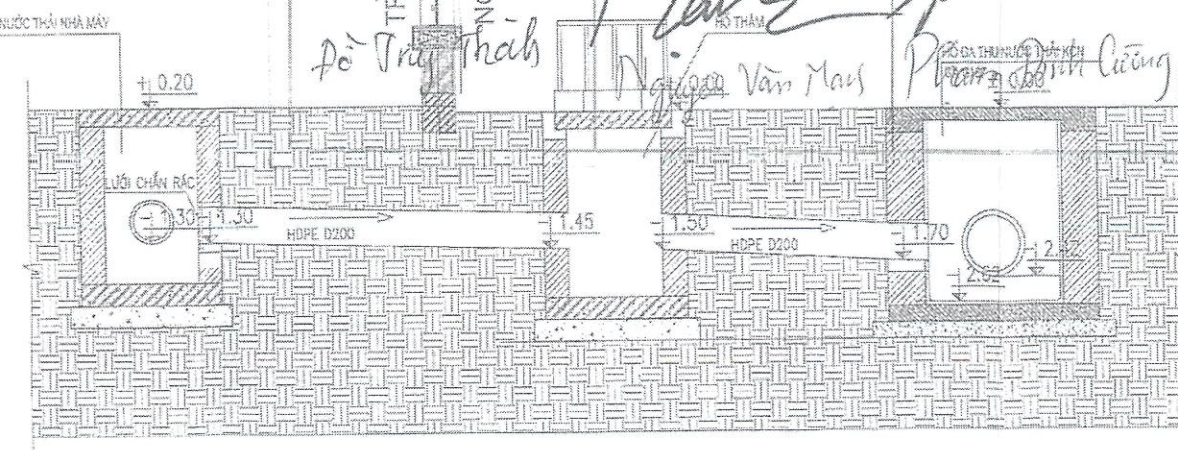
(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
 CHỦ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH: *Đỗ Trung Thành*
 TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG: *Nguyễn Văn Mạnh*

Chủ tịch HĐQT	<i>[Signature]</i>
LÊ THỊ HỒNG VÂN	
Chủ trì	<i>[Signature]</i>
NGUYỄN ĐẠI HẢI	
Thiết kế	<i>[Signature]</i>
NGUYỄN ĐẠI HẢI	
Thể hiện	<i>[Signature]</i>
NGUYỄN VĂN LAI	

CHI TIẾT ĐẦU NỐI THOÁT NƯỚC THẢI



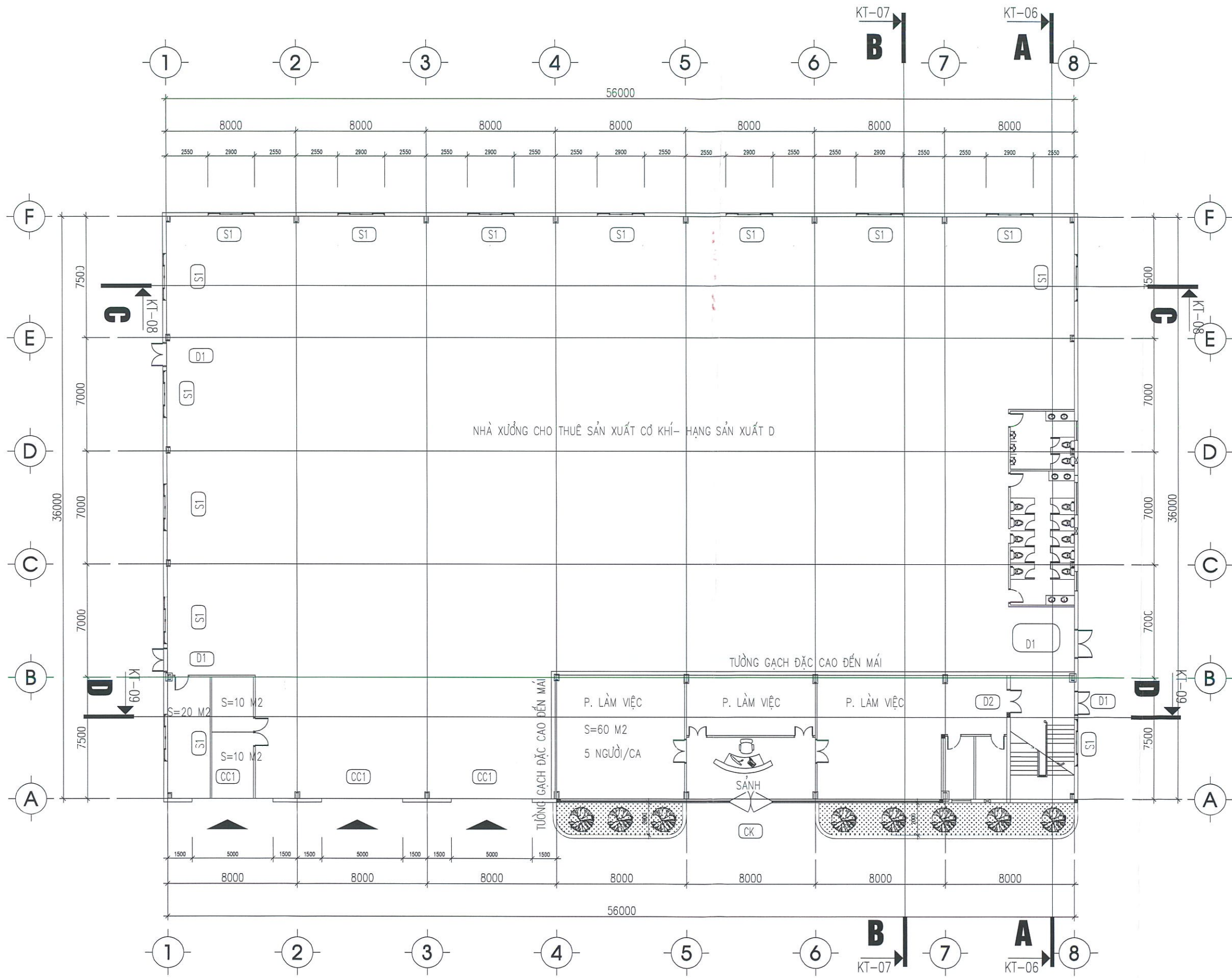
MẶT CẮT 1-1



CHI TIẾT SÀN THAO TÁC

CÔNG TRÌNH	
DỰ ÁN CHO THUÊ NHÀ XƯỞNG VÀ DỊCH VỤ	
HẠNG MỤC	
QUY HOẠCH TỔNG THỂ	
TÊN BẢN VẼ	
TỔNG MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI	
HỒ SƠ THIẾT KẾ	QH - 02
NĂM 2022	

MẶT BẰNG TẦNG 1

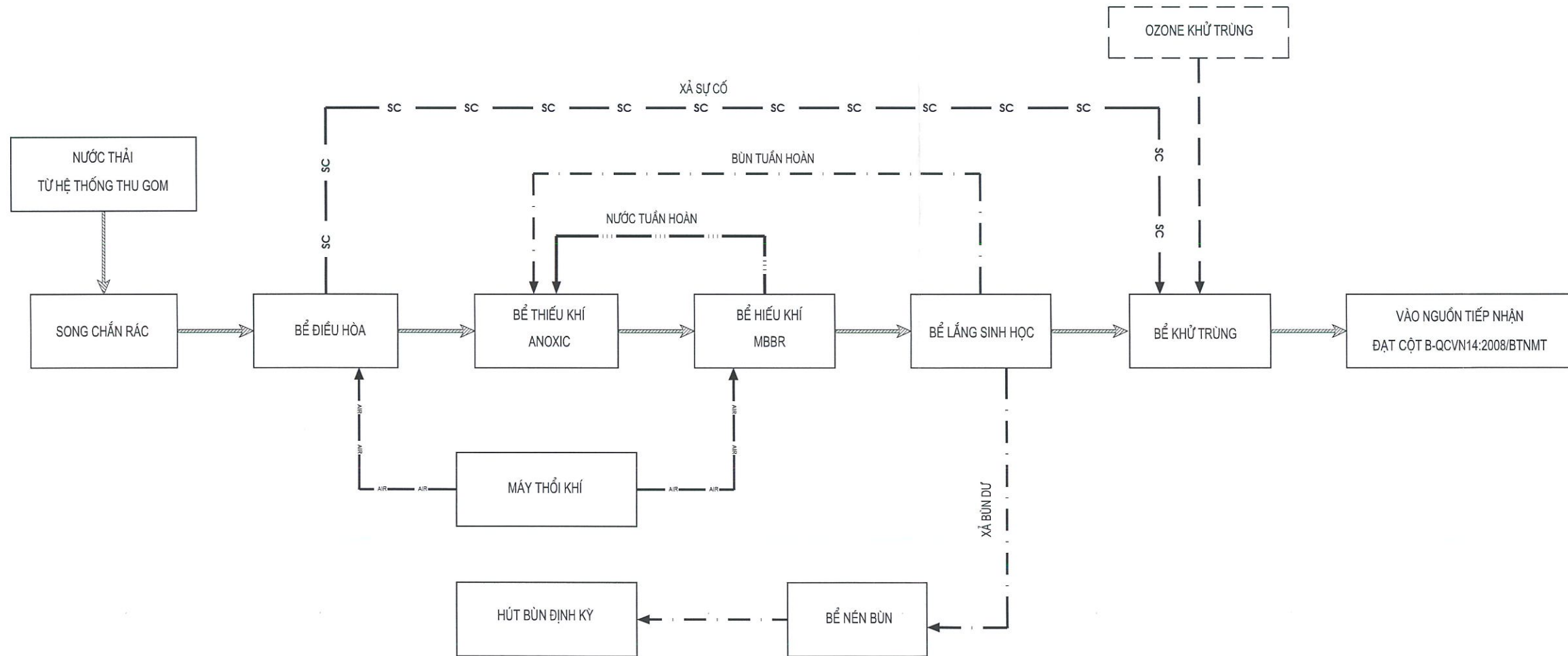


GHI CHÚ: BẬC CHỊU LỬA CỦA NHÀ XƯỜNG LÀ BẬC II XÁC ĐỊNH THEO BẢN VẼ 02/KT-01

HIỆU DÍNH			
Lần	Ngày	Thiết kế	Duyệt
Số hợp đồng	/2021/HĐKT	
TÔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ HÀ NỘI			
CÔNG TY CP TƯ VẤN HANDIC - ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN NHÀ NAM HÀ NỘI TRUNG TÂM TV THIẾT KẾ SỐ 1			
Giám đốc			
TRẦN BÍCH DANH			
Quản lý kỹ thuật			
NGUYỄN QUANG MINH			
Chủ trì			
TRẦN XUÂN THỊNH			
Thiết Kế			
TRẦN XUÂN THỊNH			
Thể hiện			
NGUYỄN VĂN LAI			
CÔNG TRÌNH			
DỰ ÁN CHO THUÊ NHÀ XƯỜNG VÀ DỊCH VỤ			
HẠNG MỤC			
HẠ TẦNG KỸ THUẬT			
TÊN BẢN VẼ			
MẶT BẰNG TẦNG 1 - NX 2			
HỒ SƠ THIẾT KẾ			
NĂM 2021			

SƠ ĐỒ KHỐI CÔNG NGHỆ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

CÔNG SUẤT: Q = 50 M3/NGĐ



TT	NGÀY	SỬA ĐỔI
1		
2		
3		

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH DSP HÀ NAM

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
CÔNG TY CP XÂY LẮP & TƯ VẤN CÔNG NGHỆ 246

ĐỊA CHỈ: SỐ 3, NGÕ 2, XÓM MỚI, THÔN MỸ HẠ XÃ THANH MAI, H. THANH OAI, TP. HÀ NỘI

TÊN DỰ ÁN
HỆ THỐNG XLNT DSP HÀ NAM

ĐỊA ĐIỂM
LÔ CN-14, KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG VĂN IV, X. NHẬT TÂN, H. KIM BANG, HÀ NAM

TÊN BẢN VẼ
SƠ ĐỒ DÂY TRUYỀN CÔNG NGHỆ

QUẢN LÝ KỸ THUẬT
 NGUYỄN VĂN SƠN

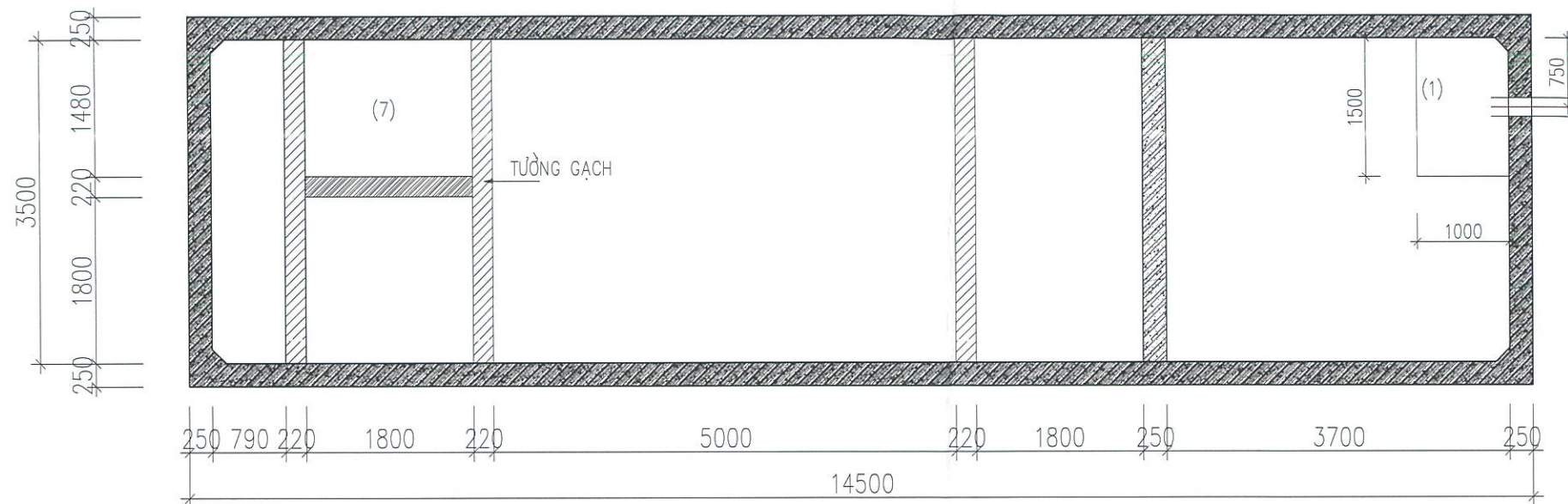
CHỦ TRÌ
 ĐÀO THỊ HƯƠNG

THIẾT KẾ
 VŨ THỊ HUYỀN

KIỂM TRA
 NGUYỄN THỊ XIM

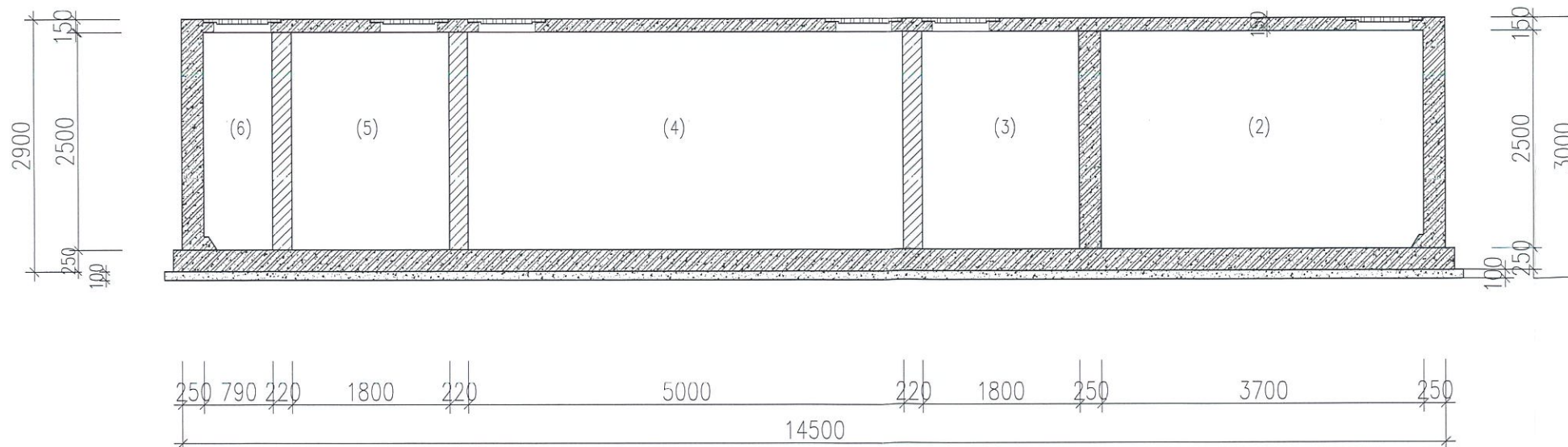
TỈ LỆ:	KÝ HIỆU BẢN VẼ
HOÀN THÀNH: 2022	BXL-01
GIẢI ĐOẠN THỰC HIỆN	TK BVTC

MẶT BẰNG BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI



- 1) NGĂN TÁCH RÁC 3) BỂ THIẾU KHÍ 5) BỂ LẮNG 7) BỂ CHỨA BÙN
 2) BỂ ĐIỀU HÒA 4) BỂ HIẾU KHÍ 6) BỂ KHỬ TRÙNG

MẶT CẮT BỂ XỬ LÝ



TT	NGÀY	SỬA ĐỔI
1		
2		
3		

CHỦ ĐẦU TƯ
 CÔNG TY TNHH DSP HÀ NAM
 MSDN: 0700887158 - CTINH
CÔNG TY TNHH GT TECHNOLOGY VIỆT NAM
 TX. DUY TIÊN - T. HÀ NAM

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
 CÔNG TY CP XÂY LẮP & TƯ VẤN CÔNG NGHỆ 246
 ĐỊA CHỈ: SỐ 3, NGÕ 2, XÓM MỚI, THÔN MỸ HÀ XÃ THANH MAI, H. THANH OAI, TP. HÀ NỘI

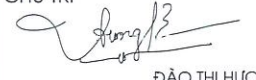
TÊN DỰ ÁN
 HỆ THỐNG XLNT DSP HÀ NAM

ĐỊA ĐIỂM
 LÔ CN-14, KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG VĂN IV, X. NHẬT TÂN, H. KIM BANG, HÀ NAM

TÊN BẢN VẼ
 MẶT BẰNG BỂ XỬ LÝ

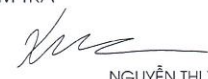
QUẢN LÝ KỸ THUẬT

 NGUYỄN VĂN SƠN

CHỦ TRÌ

 ĐÀO THỊ HƯƠNG

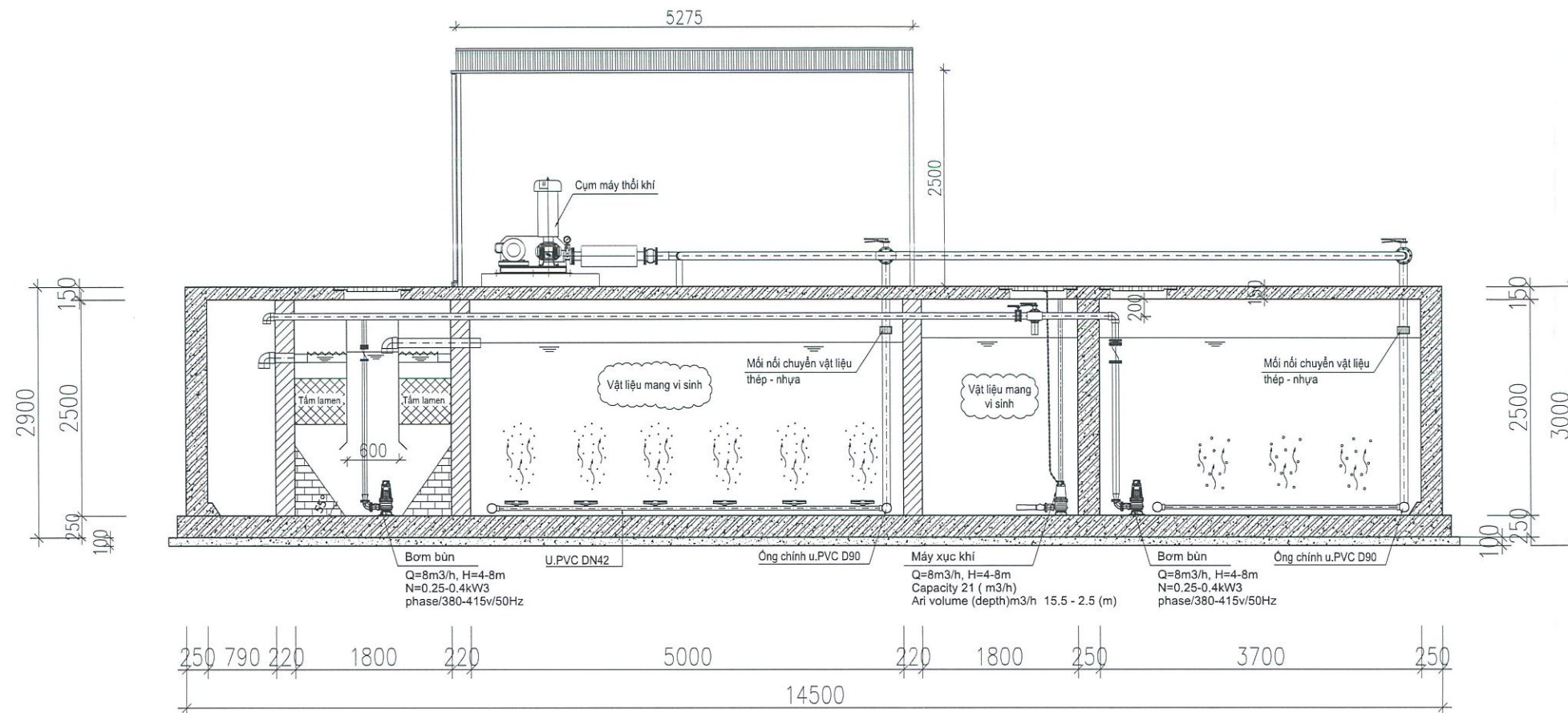
THIẾT KẾ

 VŨ THỊ HUYỀN

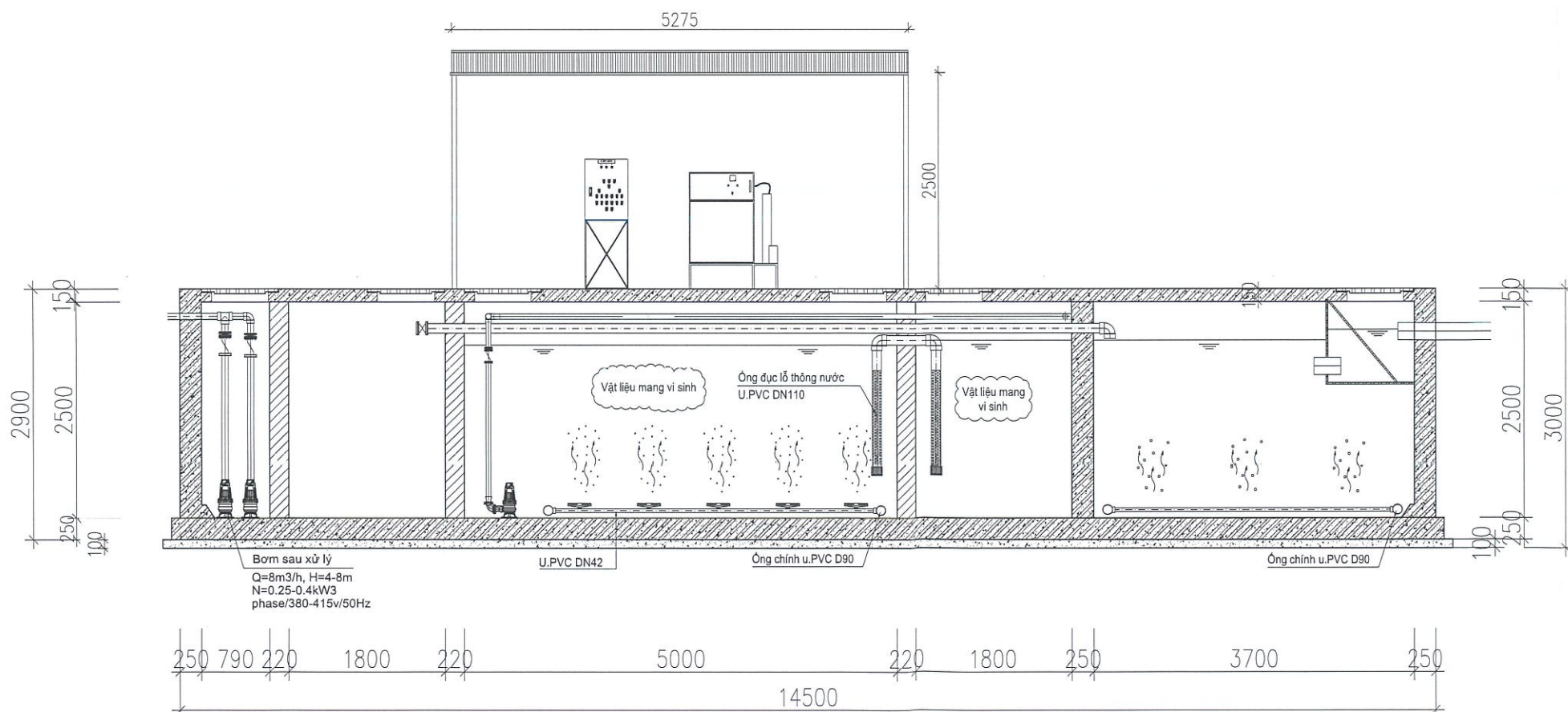
KIỂM TRA

 NGUYỄN THỊ XIM

TỈ LỆ:	KÝ HIỆU BẢN VẼ
HOÀN THÀNH: 2022	BXL-02
GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN	TK BVTC

MẶT CẮT A-A BỂ XỬ LÝ



MẶT CẮT B-B BỂ XỬ LÝ



TT	NGÀY	SỬA ĐỔI
1		
2		
3		

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH DSP HÀ NAM

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ

CÔNG TY CP XÂY LẮP
& TƯ VẤN CÔNG NGHỆ 246

ĐỊA CHỈ: SỐ 3, NGÕ 2, XÓM MỚI, THÔN MỸ HẠ
XÃ THANH MẠI, H. THANH OAI, TP. HÀ NỘI

TÊN DỰ ÁN

HỆ THỐNG XLNT DSP HÀ NAM

ĐỊA ĐIỂM

LÔ CN-14, KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG VĂN IV,
X. NHẬT TÂN, H. KIM BANG, HÀ NAM

TÊN BẢN VẼ

MẶT CẮT A-A, B-B BỂ XỬ LÝ

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

NGUYỄN VĂN SƠN

CHỦ TRÌ

ĐÀO THỊ HƯƠNG

THIẾT KẾ

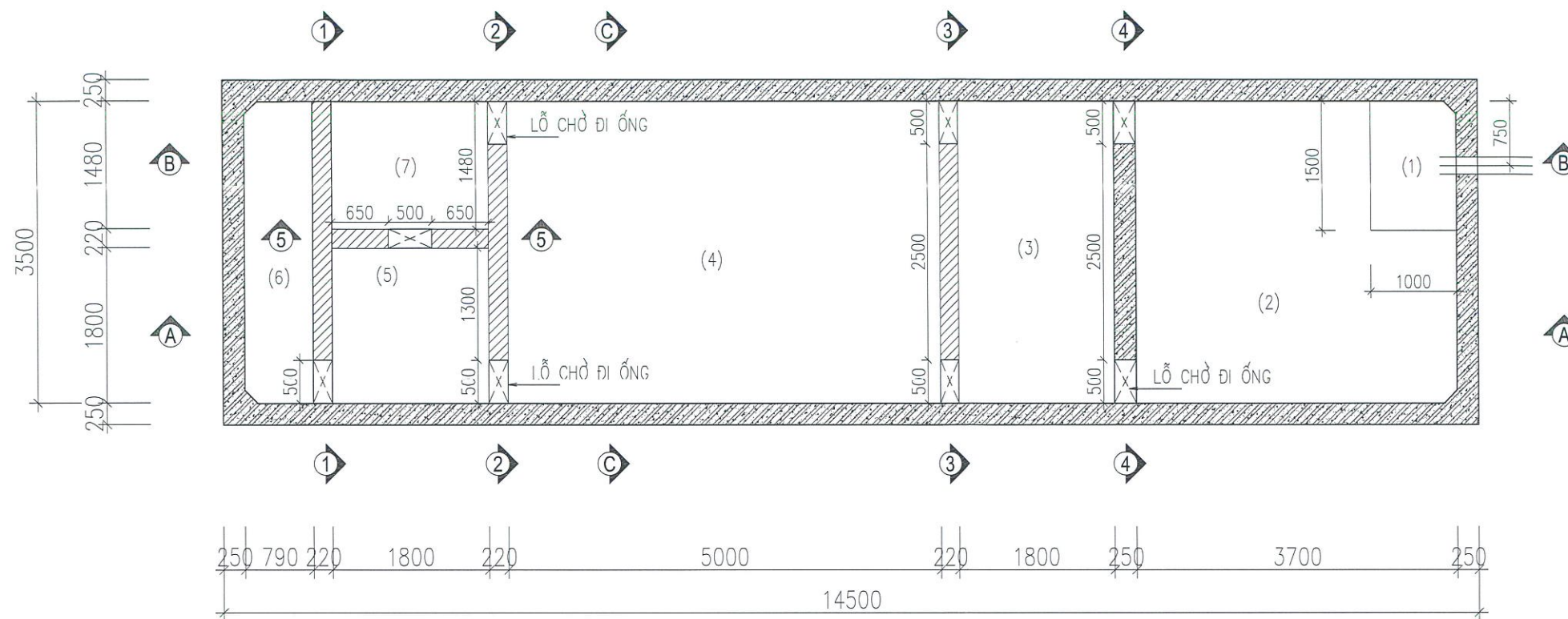
VŨ THỊ HUYỀN

KIỂM TRA

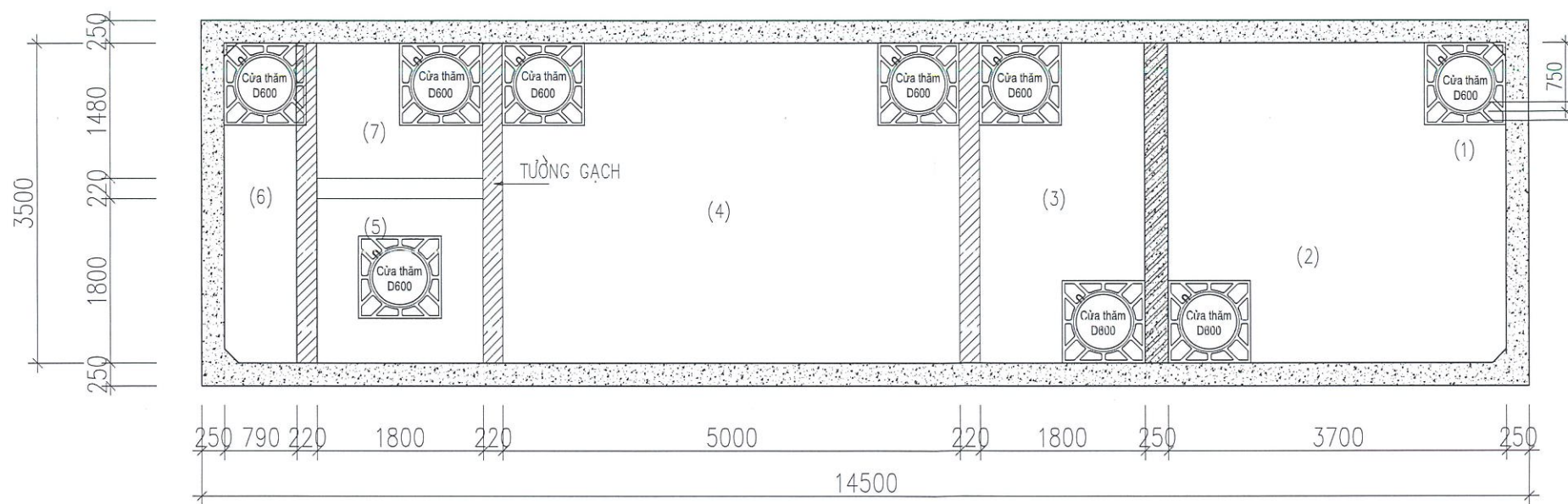
NGUYỄN THỊ XIM

TỈ LỆ:	KÝ HIỆU BẢN VẼ
HOÀN THÀNH: 2022	BXL-04
GIẢI ĐOẠN THỰC HIỆN	TK BVTC

MẶT BẰNG LỖ THÔNG KHÍ



MẶT BẰNG NẮP THĂM



TT	NGÀY	SỬA ĐỔI
1		
2		
3		


CHỦ ĐẦU TƯ
 CÔNG TY TNHH DSP HÀ NAM



ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
 CÔNG TY CP XÂY LẮP
 & TƯ VẤN CÔNG NGHỆ 246
 ĐỊA CHỈ: SỐ 3, NGÕ 2, XÓM MÔI, THÔN MỸ HÀ
 XÃ THANH MAI, H. THANH OAI, TP. HÀ NỘI

TÊN DỰ ÁN
 HỆ THỐNG XLNT DSP HÀ NAM

ĐỊA ĐIỂM
 LÔ CN-14, KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG VĂN IV,
 X. NHẬT TÂN, H. KIM BANG, HÀ NAM

TÊN BẢN VẼ
 MẶT BẰNG LỖ THÔNG KHÍ
 NẮP THĂM

QUẢN LÝ KỸ THUẬT
 NGUYỄN VĂN SƠN

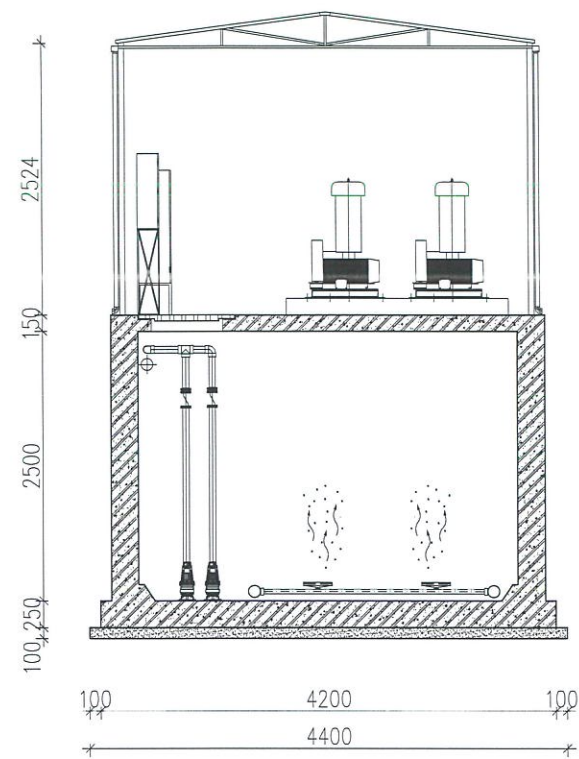
CHỦ TRÌ
 ĐÀO THỊ HƯƠNG

TIẾT KẾ
 VŨ THỊ HUYỀN

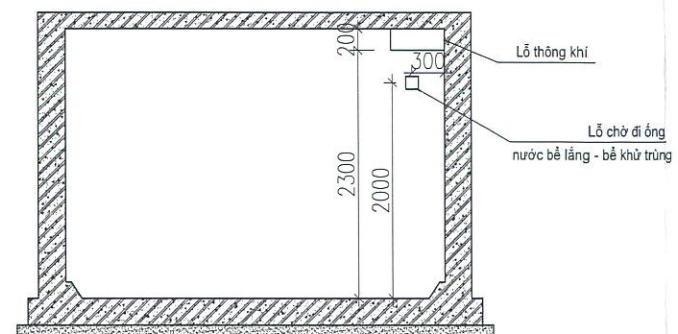
KIỂM TRA
 NGUYỄN THỊ XIM

TỈ LỆ:	KÝ HIỆU BẢN VẼ
HOÀN THÀNH: 2022	BXL-03
GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN	TK BVTC

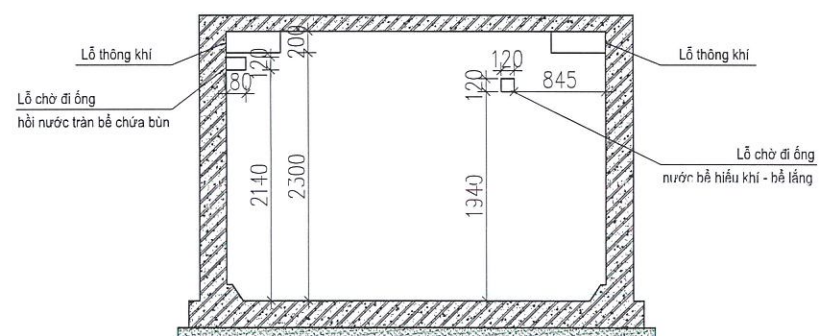
MẶT CẮT C-C BỂ NƯỚC NGẦM



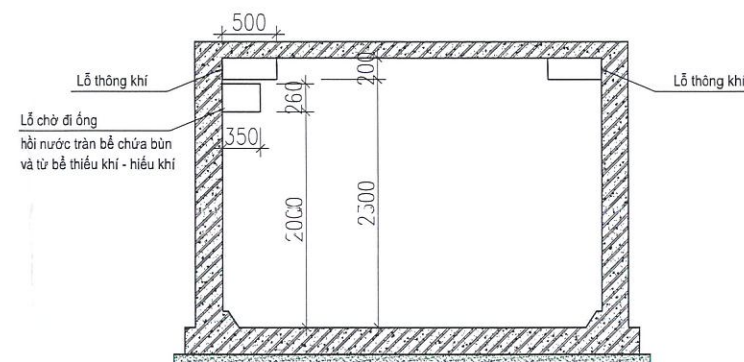
MẶT CẮT 1-1 BỂ NƯỚC NGẦM



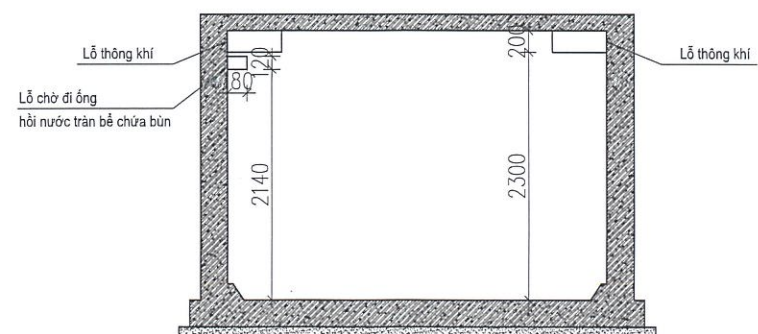
MẶT CẮT 2-2 BỂ NƯỚC NGẦM



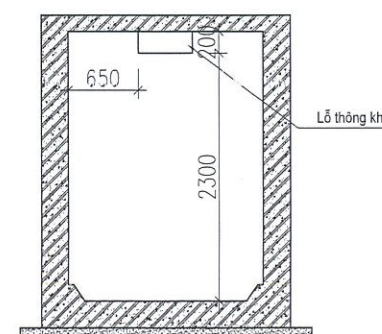
MẶT CẮT 3-3 BỂ NƯỚC NGẦM



MẶT CẮT 4-4 BỂ NƯỚC NGẦM



MẶT CẮT 5-5 BỂ NƯỚC NGẦM



TT	NGÀY	SỬA ĐỔI
1		
2		
3		

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH DSP HÀ NAM



ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ

CÔNG TY CP XÂY LẮP
& TƯ VẤN CÔNG NGHỆ 246

ĐỊA CHỈ: SỐ 3, NGÕ 2, XÓM MỚI, THÔN MY HÀ
XÃ THANH MAI, H. THANH OAI, TP. HÀ NỘI

TÊN DỰ ÁN

HỆ THỐNG XLNT DSP HÀ NAM

ĐỊA ĐIỂM

LÔ CN-14, KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG VĂN IV,
X. NHẬT TÂN, H. KIM BANG, HÀ NAM

TÊN BẢN VẼ

MẶT CẮT C-C, VÁCH NGĂN BỂ

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

NGUYỄN VĂN SƠN

CHỦ TRÌ

ĐÀO THỊ HƯƠNG

THIẾT KẾ

VŨ THỊ HUYỀN

KIỂM TRA

NGUYỄN THỊ XIM

TỈ LỆ:

KÝ HIỆU BẢN VẼ

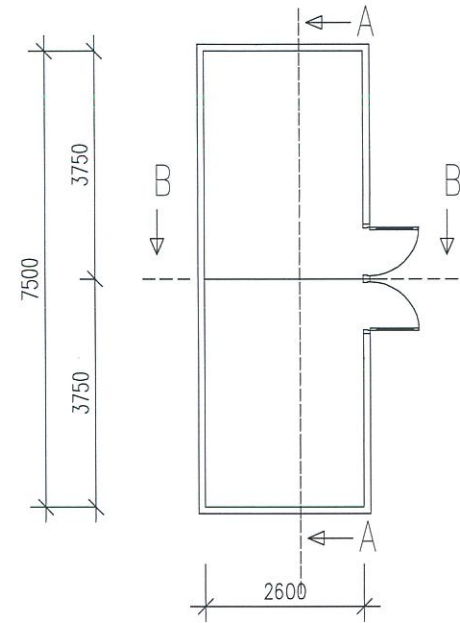
HOÀN THÀNH:
2022

BXL-05

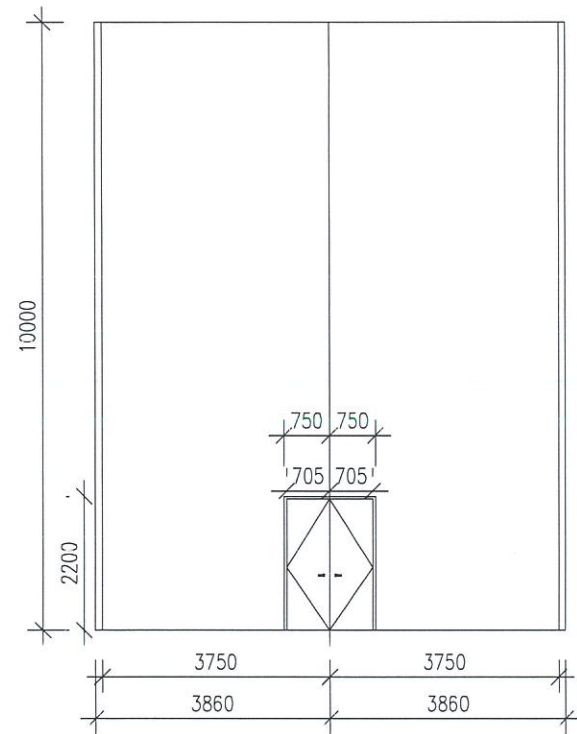
GIẢI ĐOẠN
THỰC HIỆN

TK BVTC

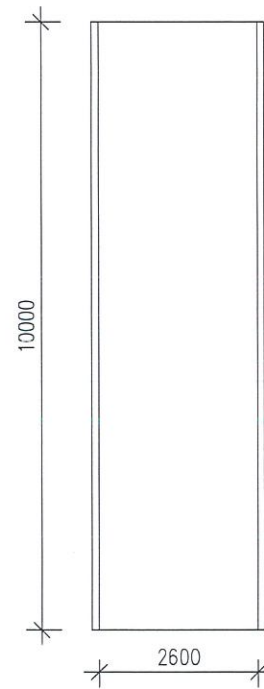
CHI TIẾT KHO RÁC TẠI NHÀ XƯỞNG 2



MẶT BẰNG



MẶT CẮT A-A



MẶT CẮT B-B

BTCT M200 ĐÁ 1X2,
DÀY 20CM

TRẢI LỚP VẢI BẠT
CHỐNG THẤM

CÁT ĐEN TÔN NÈN
DÀM CHẶT, K - 95

HIỆU ĐÍNH			
Lần	Ngày	Thiết kế	Duyệt
Số hợp đồng/2021/HĐKT		
TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ HÀ NỘI			
CÔNG TY CP TƯ VẤN HANDIC - ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN NHÀ NAM HÀ NỘI TRUNG TÂM TV THIẾT KẾ SỐ 1			
Giám đốc			
TRẦN BÍCH DANH			
Quản lý kỹ thuật			
NGUYỄN QUANG MINH			
Chủ trì			
TRẦN XUÂN THỊNH			
Thiết Kế			
TRẦN XUÂN THỊNH			
Thể hiện			
NGUYỄN VĂN LAI			
CÔNG TRÌNH DỰ ÁN CHO THUÊ NHÀ XƯỞNG VÀ DỊCH VỤ			
HẠNG MỤC HẠ TẦNG KỸ THUẬT			
TÊN BẢN VẼ KHO RÁC			
HỒ SƠ THIẾT KẾ			
NĂM 2021			